

THÔNG TIN TÓM TẮT



An toàn để phát triển

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM SÀI GÒN - HÀ NỘI

(Giấy phép thành lập và hoạt động số 56GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 10/12/2008, điều chỉnh lần thứ 26 ngày 30/12/2022 theo Giấy phép điều chỉnh số 56/GPĐC26/KDBH)

Địa chỉ trụ sở chính: Số 86 Bà Triệu, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024.37931111

Fax: 024.37931155

Website: www.bshc.com.vn

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ và tên: Vũ Đức Trung

Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc

Số điện thoại: 0912290464


MỤC LỤC

I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH.....	2
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	2
2. Cơ cấu tổ chức công ty.....	7
3. Cơ cấu bộ máy quản lý.....	8
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty, Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ, cơ cấu cổ đông tại ngày 02/06/2023.....	16
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của BSH, những công ty mà BSH đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với BSH.....	17
6. Hoạt động kinh doanh.....	18
7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong 2 năm gần nhất.....	34
8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	37
9. Chính sách đối với người lao động.....	39
10. Chính sách cổ tức.....	40
11. Tình hình hoạt động tài chính.....	41
12. Tài sản.....	52
13. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo.....	52
14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổng Công ty.....	56
15. Chiến lược, định hướng phát triển kinh doanh của Tổng Công ty.....	56
16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá của cổ phiếu.....	57
17. Các thông tin khác có thể ảnh hưởng đến giá của cổ phiếu.....	57
II. QUẢN TRỊ CÔNG TY.....	58
1. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị.....	58
2. Danh sách thành viên Ban kiểm soát.....	70
3. Danh sách thành viên Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý.....	74
4. Kế hoạch tăng cường quản trị của Công ty.....	81
5. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ.....	82
6. Giao dịch với các bên liên quan.....	82
III. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN.....	84
IV. PHỤ LỤC.....	84

I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Giới thiệu chung về tổ chức đăng ký giao dịch

- Tên Công ty: **Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội**
- Tên tiếng Anh: Sai Gon – Ha Noi Insurance Corporation
- Tên viết tắt: BSH
- Vốn điều lệ đăng ký: 1.000.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp: 1.000.000.000.000 đồng
- Trụ sở chính: Số 86 Bà Triệu, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: 024.37931111 Fax: 024.37931155
- Thời điểm trở thành công ty đại chúng: 10/08/2010
- Người đại diện pháp luật: ông Nguyễn Văn Trường - Chức vụ: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
- Website: www.bshc.com.vn
- Giấy phép thành lập và hoạt động số 56GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 10/12/2008, điều chỉnh lần thứ 26 ngày 30/12/2022 theo Giấy phép điều chỉnh số 56/GPĐC26/KDBH
- Logo: 
An toàn để phát triển
- Ngành nghề kinh doanh chính của Tổng Công ty:

Theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 56GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 10/12/2008, điều chỉnh lần thứ 26 ngày 30/12/2022 theo Giấy phép điều chỉnh số 56/GPĐC26/KDBH, Tổng Công ty được phép tiến hành các hoạt động kinh doanh như sau:

- ✓ Lĩnh vực kinh doanh: Bảo hiểm phi nhân thọ
- ✓ Các nghiệp vụ được phép tiến hành kinh doanh:
 - Kinh doanh bảo hiểm gốc:
 - Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người;
 - Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại;
 - Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển đường bộ, đường biển, đường sông, đường sắt, đường hàng không;
 - Bảo hiểm xe cơ giới;
 - Bảo hiểm cháy, nổ;
 - Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự của chủ tàu;
 - Bảo hiểm trách nhiệm chung;

- Bảo hiểm tín dụng và rủi ro tài chính;
 - Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh;
 - Bảo hiểm hàng không;
 - Bảo hiểm nông nghiệp;
 - Bảo hiểm bảo lãnh.
- Kinh doanh tái bảo hiểm: Nhận và nhượng tái bảo hiểm đối với tất cả các nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ.
 - Quản lý quỹ, đầu tư vốn và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

1.2. Lịch sử hình thành và phát triển

- ✓ **Năm 2008:** Thành lập Công ty Cổ phần Bảo hiểm SHB – Vinacomin (SVIC) với 6 Cổ đông sáng lập là Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam (TKV), Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB), Công ty Cổ phần tập đoàn T&T, Công ty Cổ phần Đầu tư công nghiệp An Sinh, Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính Itasco, Công ty Cổ phần Hoa Sơn. Vốn điều lệ của Tổng Công ty thời điểm này là 300 tỷ đồng.
- ✓ **Năm 2011:** Thay đổi loại hình doanh nghiệp từ Công ty Cổ phần Bảo hiểm SHB – Vinacomin thành Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm SHB – Vinacomin.
- ✓ **Năm 2013:**
 - Đổi tên thành Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn – Hà Nội (BSH).
 - Thành lập thêm 2 đơn vị thành viên, nâng tổng số đơn vị thành viên lên 14.
- ✓ **Năm 2014:**
 - Tăng vốn điều lệ lên 700 tỷ đồng thông qua hình thức chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu.
 - Thành lập thêm 8 đơn vị thành viên trong nước.
- ✓ **Năm 2015:**
 - Hoàn thiện việc tăng vốn điều lệ lên 700 tỷ đồng.
 - Tăng số lượng đơn vị thành viên lên 27.
- ✓ **Năm 2017:**
 - Tăng vốn điều lệ lên 1.000 tỷ đồng thông qua hình thức chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu.
 - Công ty con tại Lào (BSH Lào) chính thức đi vào hoạt động.
- ✓ **Năm 2018:**
 - Doanh thu phí bảo hiểm gốc đạt 871 tỷ đồng, tăng trưởng 45% so với năm 2017, là 1 trong 3 doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ có tốc độ tăng trưởng cao nhất thị trường.
 - Xếp hạng 15/30 doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ tại Việt Nam.

✓ **Năm 2019:**

- Doanh thu phí bảo hiểm gốc đạt trên 1.000 tỷ đồng, tăng trưởng 69,1% so năm 2018, trở thành doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ có tốc độ tăng trưởng doanh thu cao nhất thị trường.
- Tăng 4 bậc, xếp hạng 11/30 doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ tại Việt Nam.
- Thành lập thêm 5 Trung tâm kinh doanh, nâng tổng số đơn vị thành viên tại Việt Nam lên 47.

✓ **Năm 2020:**

- Doanh thu phí bảo hiểm gốc đạt trên 2.000 tỷ đồng.
- Tốc độ tăng trưởng bình quân nhanh nhất thị trường Bảo hiểm Phi nhân thọ với mức tăng gần 60%.
- Tăng 3 bậc vươn lên vị trí thứ 8/10 các công ty bảo hiểm phi nhân thọ lớn nhất Việt Nam.
- Tổng số đơn vị thành viên nâng lên 49.

✓ **Năm 2021:**

- Doanh thu phí bảo hiểm gốc đạt gần 2.700 tỷ đồng.
- Tăng 8 bậc trong 3 năm (2019 - 2021), đạt vị trí thứ 7/10 trong bảng xếp hạng các công ty bảo hiểm phi nhân thọ lớn nhất Việt Nam về doanh thu phí bảo hiểm gốc.
- Ra mắt ứng dụng bán bảo hiểm đa kênh B-Omni.
- Doanh thu thực thu Bảo hiểm Xe cơ giới đứng thứ 4 thị trường.

✓ **Năm 2022:**

- Quy mô doanh thu vượt mốc 3.000 tỷ phí bảo hiểm gốc.
- 5 đơn vị thành viên có quy mô doanh thu trên 100 tỷ đồng.
- Sở hữu 52 đơn vị thành viên, hơn 60 phòng kinh doanh trên toàn quốc và 1 công ty con tại Lào.

1.3. Giới thiệu về chứng khoán đăng ký giao dịch

- Tên chứng khoán: **Cổ phiếu Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội.**
- Loại chứng khoán: **Cổ phiếu phổ thông.**
- Mệnh giá: **10.000 đồng.**
- Mã chứng khoán: BHI
- Tổng số chứng khoán đăng ký giao dịch: **100.000.000 cổ phiếu.**
- Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức đăng ký giao dịch: **0 cổ phiếu.**
- Giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với nước ngoài: Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổng Công ty là: **100%**. Tính đến ngày 02/06/2023, tỷ lệ nắm giữ của các tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Tổng



Công ty là 0%.

1.4. Quá trình tăng vốn điều lệ

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội được thành lập theo Giấy phép số 56GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 10/12/2008. Vốn điều lệ ban đầu của Tổng Công ty là 300 tỷ đồng. Đến nay, Tổng Công ty đã có 2 lần tăng vốn, cụ thể như sau:

Thời điểm	VĐL tăng thêm (đồng)	VĐL sau phát hành (đồng)	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
2008	Công ty cổ phần thành lập trên cơ sở vốn điều lệ đăng ký là 300 tỷ đồng.			<ul style="list-style-type: none"> - Giấy phép thành lập và hoạt động số 56GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 10/12/2008 (VĐL: 300 tỷ đồng).
2015	400.000.000.000	700.000.000.000	Chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2014 số 01/2014/NQ-BSH-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2014. - Tờ trình số 07/2014/TTr-HĐQT ngày 08/04/2014 về Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ của BSH. - Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 112/GCN-UBCK ngày 05/12/2014 của UBCKNN. - Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng ngày 11/03/2015 của BSH. - Thông báo nhận được báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng số 1158/UBCK-QLPH ngày 17/03/2015 của UBCKNN. - Giấy phép điều chỉnh số 56/GPĐC15/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 05/05/2015.
2017	300.000.000.000	1.000.000.000.000	Chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2016 số 01/2016/NQ-BSH-ĐHĐCĐ ngày 27/04/2016. - Tờ trình số 04/2016/TTr-BSH-HĐQT ngày 15/04/2016 về Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ của BSH.

Thời điểm	VĐL tăng thêm (đồng)	VĐL sau phát hành (đồng)	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
				<ul style="list-style-type: none"> - Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 71/GCN-UBCK ngày 27/10/2016 của UBCKNN. - Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng ngày 22/02/2017 của BSH. - Thông báo nhận được báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng số 938/UBCK-QLCB ngày 23/02/2017 của UBCKNN. - Giấy phép điều chỉnh số 56/GPĐC17/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 31/10/2017.

Nguồn: BSH

Một số thông tin cụ thể về 2 đợt phát hành như sau:

a) Phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ lần 1: Tăng vốn điều lệ từ 300 tỷ đồng lên 700 tỷ đồng:

- Số lượng cổ phần phát hành: 40.000.000 cổ phần
- Loại cổ phiếu phát hành: cổ phiếu phổ thông
- Đối tượng chào bán: cổ đông hiện hữu theo danh sách hưởng quyền tại ngày chốt danh sách
- Tỷ lệ thực hiện quyền: 3 : 4
- Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phần
- Số tiền thu được từ đợt chào bán: 400.000.000.000 đồng
- Mục đích phát hành (được thông qua tại Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2014 số 01/2014/NQ-BSH-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2014): Bổ sung nghiệp vụ bảo hiểm hàng không; Bổ sung nghiệp vụ bảo hiểm vệ tinh; Thành lập 1 công ty con tại Lào; Thành lập 1 công ty con tại Campuchia; Mở thêm 08 đơn vị trực thuộc tại Việt Nam
- Cơ quan chấp thuận đợt chào bán: Văn bản chấp thuận của Bộ tài chính, Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận theo Giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng số 112/GCN-UBCK ngày 05/12/2014
- Thời gian kết thúc đợt chào bán: 05/03/2015
- Thực tế sử dụng vốn: Số tiền thu được từ việc phát hành tăng vốn điều lệ được BSH sử dụng để bổ sung nghiệp vụ bảo hiểm hàng không (50 tỷ đồng); bổ sung nghiệp vụ bảo hiểm vệ tinh (50 tỷ đồng); mở thêm 8 đơn vị trực thuộc tại Việt Nam gồm: BSH Bắc Ninh, BSH Bến Thành, BSH Đông Đô, BSH Gia Lai, BSH Hải Dương, BSH Lào Cai, BSH Thanh Hóa, BSH Vĩnh Phúc (80 tỷ đồng); Thành lập 1 công ty con tại Lào (36,4 tỷ đồng); số tiền còn lại được gửi tại Ngân

hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (183,6 tỷ đồng).

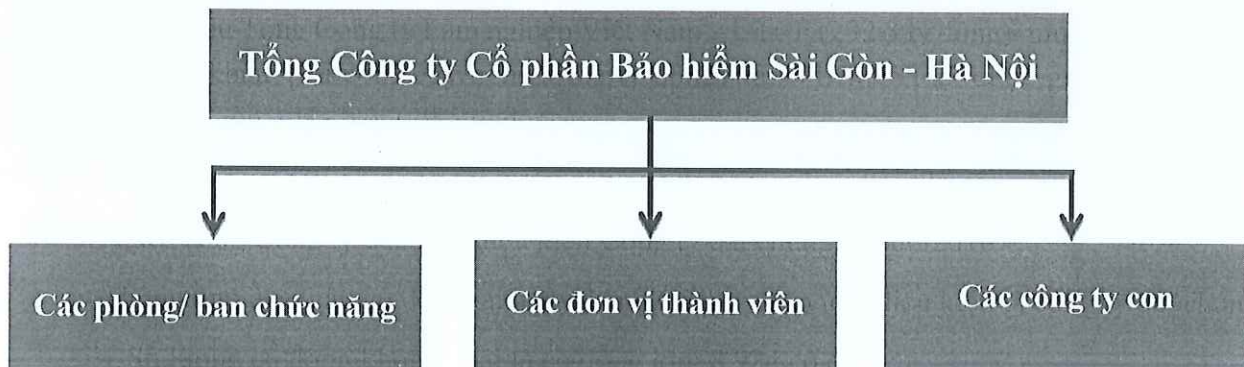
b) Phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ lần 2: Tăng vốn điều lệ từ 700 tỷ đồng lên 1.000 tỷ đồng

- Số lượng cổ phần phát hành: 30.000.000 cổ phần
- Loại cổ phiếu phát hành: cổ phiếu phổ thông
- Đối tượng chào bán: cổ đông hiện hữu theo danh sách hưởng quyền tại ngày chốt danh sách
- Tỷ lệ thực hiện quyền: 7 : 3
- Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phần
- Số tiền thu được từ đợt chào bán: 300.000.000.000 đồng
- Mục đích phát hành (được thông qua tại Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2016 số 01/2016/NQ-BSH-ĐHĐCĐ ngày 27/04/2016): Đầu tư cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp không bảo lãnh, góp vốn vào các doanh nghiệp khác; Đầu tư trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp có bảo lãnh
- Mục đích phát hành điều chỉnh (theo Nghị quyết số 12/2017/NQ-BSH-HĐQT ngày 23/02/2017 của HĐQT): Đầu tư cổ phiếu
- Cơ quan chấp thuận đợt chào bán: Văn bản chấp thuận của Bộ tài chính, Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận theo Giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng số 71/GCN-UBCK ngày 27/10/2016 của UBCKNN
- Thời gian kết thúc đợt chào bán: 22/02/2017
- Thực tế sử dụng vốn: Số tiền thu được từ việc phát hành tăng vốn điều lệ được BSH đầu tư mua cổ phiếu Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam – CTCP (232,3 tỷ đồng), mua cổ phiếu CTCP Xuất nhập khẩu Thủ công Mỹ nghệ (38,1 tỷ đồng) và số tiền còn lại được gửi tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (29,5 tỷ đồng).

1.5. Thông tin về cơ cấu cổ đông tại ngày công ty đáp ứng điều kiện là công ty đại chúng

- Ngày Tổng Công ty đáp ứng điều kiện Công ty đại chúng: 03/06/2010.
- Thông tin về cơ cấu cổ đông tại ngày Tổng Công ty đáp ứng điều kiện là công ty đại chúng:
 - + Số lượng cổ đông không phải là cổ đông lớn: 8.924 cổ đông;
 - + Tổng số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết của tất cả các cổ đông không phải là cổ đông lớn: 11.760.000 cổ phiếu (tương ứng tỷ lệ 39,20% vốn điều lệ của BSH).

2. Cơ cấu tổ chức công ty

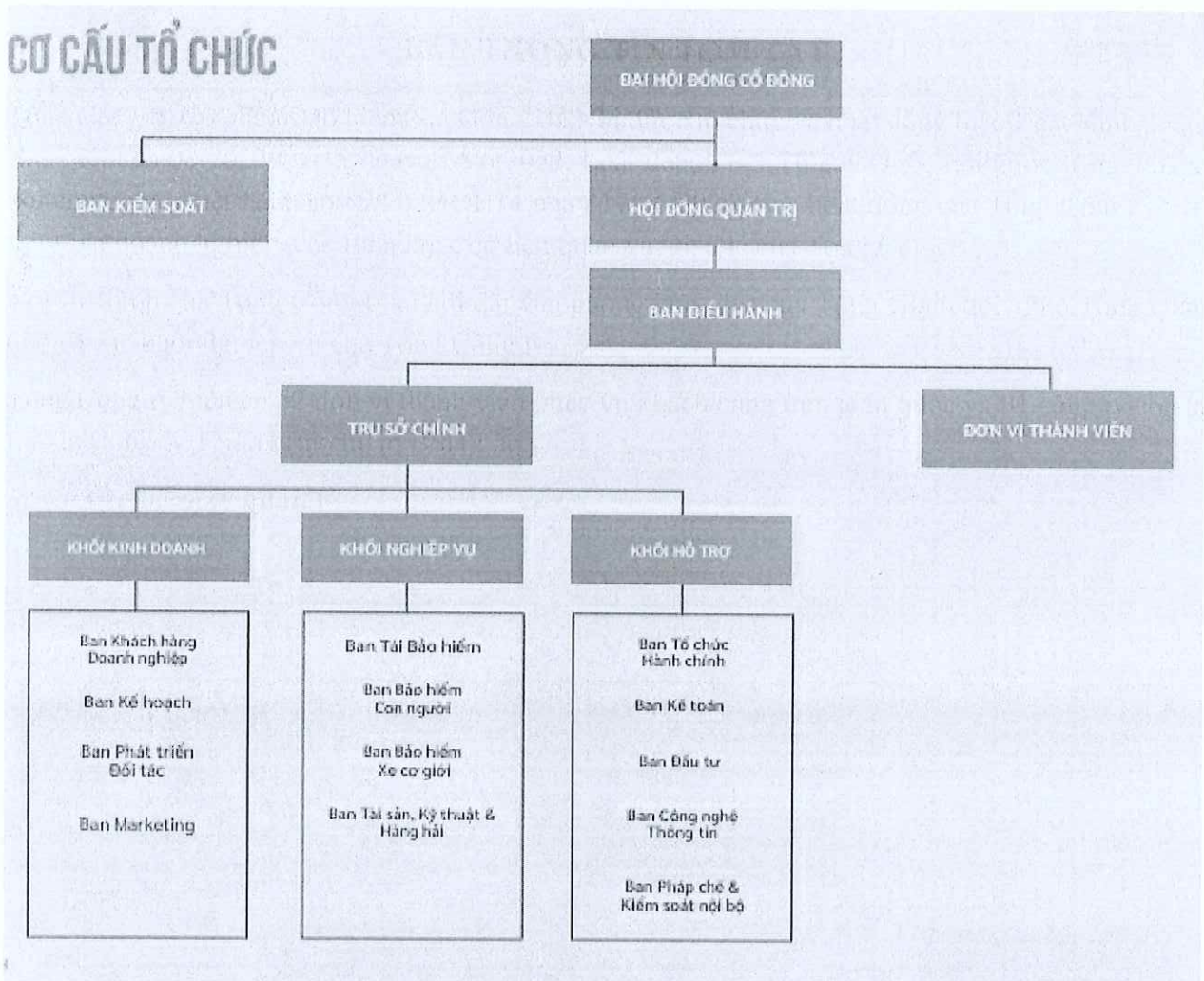


Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội được tổ chức và hoạt động theo Luật Kinh doanh Bảo hiểm số 08/2022/QH15 ngày 16/06/2022, Luật doanh nghiệp của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020. Các hoạt động của Tổng Công ty tuân thủ Luật doanh nghiệp, các Luật khác có liên quan và Điều lệ của Tổng Công ty.

Trụ sở chính của Tổng Công ty là nơi đặt văn phòng làm việc của Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các khối nghiệp vụ của Tổng Công ty.

Tổng Công ty hiện có 52 đơn vị thành viên phục vụ khách hàng trên toàn quốc và 01 công ty con tại Lào là Công ty TNHH Bảo hiểm BSH Lào.

3. Cơ cấu bộ máy quản lý



Nguồn: BSH

❖ Đại hội đồng cổ đông

Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyền lực cao nhất của Tổng Công ty, quyết định những vấn đề được Luật pháp và điều lệ Tổng Công ty quy định. Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu Hội đồng Quản trị của Tổng công ty và Ban kiểm soát Tổng công ty.

❖ Hội đồng quản trị

Là cơ quan quản lý Tổng Công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Tổng Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của

Đại hội đồng cổ đông. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty, các quy chế nội bộ Tổng Công ty quy định.

❖ **Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, kiểm tra báo cáo tài chính của Tổng công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc.

❖ **Ban Tổng Giám đốc (Ban điều hành)**

Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty bao gồm 1 Tổng Giám đốc, 5 Phó Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc được Hội đồng quản trị ủy quyền, là người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty, điều hành mọi hoạt động hàng ngày của Tổng Công ty và chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

❖ **Các phòng chức năng:**

a) **Ban khách hàng doanh nghiệp (KHDN)**

- Tham mưu cho Ban Tổng giám đốc trong việc định hướng phát triển khối KHDN, xây dựng các kịch bản tổ chức triển khai, điều hành, giám sát và đánh giá kết quả công tác thực hiện.
- Phát triển kinh doanh hệ thống, đề xuất chương trình thúc đẩy bán hàng, xây dựng những gói sản phẩm phù hợp trên cơ sở tạo sự khác biệt nhằm tăng nhanh doanh thu khối KHDN.
- Là đầu mối quản lý, vận hành và triển khai các chính sách khai thác khối KHDN qua các kênh bán Tổng công ty đang triển khai.
- Hoạch định chiến lược phát triển kinh doanh, quy hoạch khách hàng hiện hữu, tổ chức thúc đẩy kinh doanh và xây dựng các chương trình chăm sóc khách hàng theo những tiêu chí cụ thể.
- Xây dựng kế hoạch phát triển bảo hiểm dự án; Xây dựng quy trình tác nghiệp đấu thầu bảo hiểm, phát triển nguồn khách hàng ngoài và nguồn KHDN qua Bancas.
- Xây dựng mô hình và kế hoạch phát triển kinh doanh kênh môi giới, xây dựng quy trình tác nghiệp khai thác và thúc đẩy kinh doanh qua kênh môi giới.

b) **Ban Marketing**

- Tham mưu cho HĐQT, Ban Điều hành xây dựng chiến lược phát triển thương hiệu, marketing trong ngắn hạn và dài hạn.
- Xây dựng kế hoạch công tác truyền thông thương hiệu, quản trị hệ thống thương hiệu, nghiên cứu thị trường bao gồm nghiên cứu ngành nghề, nghiên cứu đối thủ cạnh tranh, nghiên cứu thương hiệu, nghiên cứu khách hàng và định hướng các hoạt động Marketing.
- Tổ chức, quản lý các công tác truyền thông thương hiệu, quản trị hệ thống thương hiệu, tìm hiểu thị trường và định hướng các hoạt động Marketing tại các Công ty thành viên thông qua Ban Giám đốc Công ty trực thuộc.
- Tư vấn và cung cấp các giải pháp truyền thông, quảng cáo, phát triển thương hiệu, chăm sóc khách hàng nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ chức và cá nhân tại BSH.

c) Ban Phát triển đối tác

- Tham mưu cho HĐQT, Ban Điều hành xây dựng chiến lược phát triển và kế hoạch triển khai các chính sách, quy định, quy trình để quản lý hệ thống Kênh bán, Đối tác và mạng lưới Đại lý trên toàn hệ thống cũng như tại các công ty thành viên (CTTV).
- Tham mưu cho Ban Giám đốc CTTV xây dựng kế hoạch triển khai, khai thác Kênh bán, Đối tác tại các CTTV.
- Tổ chức, quản lý các chương trình, hoạt động khai thác qua Kênh bán, Đối tác/Đại lý của Tổng Công ty tại các CTTV.
- Tư vấn và cung cấp các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động trong lĩnh vực Kênh bán, Đối tác của Đơn vị và cá nhân tại BSH.
- Thực hiện tổ chức kinh doanh, khai thác bảo hiểm, quản lý đối với các đơn bảo hiểm đặc thù cấp qua kênh và được giao quản lý.

d) Ban Kế hoạch

- Tham mưu, giúp việc cho HĐQT, Ban điều hành trong việc xây dựng chiến lược phát triển trung hạn, dài hạn của Tổng công ty.
- Tham mưu cho Ban điều hành trong việc xây dựng và giao kế hoạch kinh doanh hàng năm.
- Tham mưu, đề xuất điều chỉnh chiến lược, kế hoạch phát triển của Tổng công ty phù hợp với từng thời kỳ, từng Đơn vị.
- Theo dõi, giám sát và phân tích tình hình thực hiện kế hoạch hàng tuần, tháng, quý, năm và báo cáo kịp thời cho Ban điều hành đồng thời đôn đốc các Đơn vị trực thuộc thực hiện kế hoạch kinh doanh.
- Tư vấn và đề xuất các giải pháp, biện pháp để tháo gỡ vướng mắc và giám sát việc thực hiện các giải pháp, kiến nghị của các Đơn vị trực thuộc nhằm thúc đẩy tiến độ thực hiện kế hoạch hàng tháng, quý, năm.
- Xây dựng hệ thống quy trình, quy định, chỉ tiêu, định mức liên quan đến công tác xây dựng và quản lý kế hoạch kinh doanh.
- Tổng hợp thông tin thị trường, đối thủ cạnh tranh, nghiên cứu, cập nhật, đánh giá tình hình kinh tế vĩ mô, đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến kế hoạch kinh doanh của Tổng công ty.
- Tổ chức thống kê, tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch của các Đơn vị trực thuộc trong hệ thống cũng như thông tin thị trường và các đối thủ cạnh tranh để báo cáo cho Ban điều hành theo định kỳ hàng tháng, quý, năm hoặc theo yêu cầu.
- Xây dựng và vận hành các hệ thống báo cáo nội bộ: báo cáo định kỳ; các báo cáo tình hình kinh doanh tại hội nghị sơ kết/ tổng kết, họp Hội đồng quản trị/Đại hội Cổ đông; các báo cáo đột xuất khác.

e) Ban Tái bảo hiểm

- Tham mưu cho HĐQT, Ban điều hành xây dựng chiến lược phát triển hoạt động tái bảo hiểm, các chính sách, quy định liên quan đến hoạt động tái bảo hiểm.

- Quản trị và kiểm tra, giám sát các hoạt động của Đơn vị trực thuộc liên quan đến lĩnh vực tái bảo hiểm.
- Xây dựng kế hoạch công tác tái bảo hiểm và các giải pháp triển khai;
- Tổ chức, quản lý các chương trình, hoạt động liên quan đến tái bảo hiểm của Tổng công ty.
- Tư vấn và cung cấp các giải pháp liên quan đến Tái bảo hiểm nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của BSH.
- Phối hợp với các Ban chức năng thuộc Tổng công ty xác định mức giữ lại của từng nghiệp vụ bảo hiểm.

f) Ban Bảo hiểm con người

- Tham mưu cho Ban Điều hành xây dựng chiến lược phát triển, cơ chế kinh doanh, chính sách triển khai và các công việc liên quan đến công tác khai thác bảo hiểm, giám định bồi thường và hiệu quả kinh doanh nghiệp vụ bảo hiểm con người được giao phù hợp với các chính sách, quy định của Nhà nước, Bộ Tài chính và chiến lược kinh doanh của BSH trong từng thời kỳ.
- Tham mưu xây dựng chiến lược kinh doanh, xây dựng hệ thống quản lý nghiệp vụ Bảo hiểm Con người tại các Công ty thành viên, Đơn vị trực thuộc.
- Tổ chức, quản lý các chương trình, hoạt động liên quan đến công tác khai thác bảo hiểm, giám định và bồi thường nghiệp vụ Bảo hiểm Con người của Tổng công ty tại các Đơn vị trực thuộc thông qua Lãnh đạo Đơn vị.
- Tư vấn và cung cấp các giải pháp về cơ chế chính sách liên quan đến công tác khai thác, giám định và bồi thường nghiệp vụ Bảo hiểm Con người nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ chức và cá nhân tại BSH.

g) Ban Bảo hiểm xe cơ giới

- Tham mưu cho HĐQT, Ban Điều hành xây dựng chiến lược, cơ chế, chính sách và các quy định liên quan đến phát triển nghiệp vụ bảo hiểm xe cơ giới toàn hệ thống BSH phù hợp với các chiến lược kinh doanh của Tổng công ty trong từng thời kỳ và các chính sách, quy định của Nhà nước.
- Tham mưu cho Ban Điều hành trong công tác đánh giá rủi ro nhận bảo hiểm, giải quyết bồi thường các dịch vụ trên phân cấp của Ban Bảo hiểm Xe cơ giới cho các Công ty thành viên/đơn vị trực thuộc.
- Tham mưu cho Ban Giám đốc đơn vị thành viên/đơn vị trực thuộc xây dựng chiến lược phát triển nghiệp vụ bảo hiểm xe cơ giới phù hợp với từng địa bàn.
- Quản lý, giám sát nhân sự trong quá trình triển khai các hoạt động liên quan đến nghiệp vụ bảo hiểm xe cơ giới tại hệ thống BSH.
- Tư vấn và cung cấp các giải pháp về nghiệp vụ bảo hiểm xe cơ giới, nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị và cá nhân tại BSH.

h) Ban tài sản kỹ thuật và hàng hải

- Tham mưu cho Ban Điều hành xây dựng chiến lược phát triển các nghiệp vụ bảo hiểm, các

chính sách, quy định liên quan đến công tác khai thác, giám định, bồi thường nghiệp vụ TSKT-HH phù hợp với chiến lược kinh doanh của Tổng công ty trong từng thời kỳ.

- Tham mưu cho Ban Lãnh đạo đơn vị trực thuộc xây dựng chiến lược kinh doanh, xây dựng hệ thống quản lý nghiệp vụ TSKT-HH tại các đơn vị trực thuộc.
- Xây dựng kế hoạch công tác hàng năm của Ban và các giải pháp triển khai.
- Tư vấn và cung cấp các giải pháp về cơ chế chính sách liên quan đến công tác khai thác, giám định, bồi thường nghiệp vụ TSKT-HH nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ chức và cá nhân tại BSH.

i) Ban Tổ chức hành chính

- Tham mưu cho Ban điều hành xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực, các chính sách, quy định nhân sự; thiết lập cơ cấu tổ chức bộ máy, phân cấp quản lý của Tổng công ty, các phòng, ban nghiệp vụ, các Công ty thành viên.
- Tham mưu cho Ban lãnh đạo Công ty thành viên xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực, các chính sách, quy định nhân sự, thiết lập cơ cấu tổ chức bộ máy, phân cấp quản lý tại các Công ty thành viên.
- Tham mưu, giúp việc cho TGD về công tác quản lý, sử dụng tài sản, quản lý việc thuê văn phòng các Công ty thành viên, công tác văn thư, lưu trữ;
- Tham mưu cho TGD trong các quyết định liên quan đến công tác quản lý mua sắm trang thiết bị, công tác phục vụ hành chính trên toàn hệ thống.
- Xây dựng kế hoạch công tác nhân sự, công tác quản trị hành chính và các giải pháp triển khai.
- Tư vấn và cung cấp các giải pháp quản trị nguồn nhân lực, quản trị hành chính nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ chức và cá nhân tại Tổng công ty.

j) Ban Kế toán

- Tham mưu cho HĐQT, Ban Điều hành trong quá trình xây dựng chiến lược phát triển của Tổng công ty nhằm đảm bảo tuân thủ các chính sách, các Quy định của pháp luật về kế toán.
- Tham mưu, tư vấn Ban Điều hành trong công tác hạch toán kế toán, quản lý dòng tiền, quản lý hóa đơn, ấn chỉ, và quản trị tài chính theo quy định của pháp luật hiện hành.
- Tham mưu cho Ban Giám đốc Công ty thành viên trong quá trình triển khai thực hiện công tác kế toán tại các Công ty thành viên.
- Tổ chức, quản lý các chương trình, hoạt động công tác kế toán của Tổng công ty tại các Công ty thành viên thông qua Ban giám đốc và bộ phận kế toán Công ty thành viên.
- Tư vấn và hướng dẫn về nghiệp vụ kế toán nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ chức và cá nhân phụ trách kế toán và kế toán viên.

k) Ban Đầu tư

- Tham mưu và tư vấn cho HĐQT, Ban Điều hành xây dựng và hoạch định chiến lược và kế hoạch đầu tư, nghiên cứu, thẩm định và đánh giá các khoản đầu tư của Tổng công ty theo

quy định của pháp luật và điều lệ tổ chức hoạt động của Tổng công ty trên nguyên tắc an toàn, hiệu quả và đảm bảo phát triển vốn.

- Tham mưu và tư vấn cho HĐQT, Ban Điều hành thực hiện những công việc liên quan đến hoạt động quản lý cổ đông nhằm đảm bảo quyền lợi cổ đông theo quy định của pháp luật, điều lệ Tổng công ty.
- Thống nhất tổ chức thực hiện và quản lý các hoạt động huy động vốn của Tổng công ty theo quy định của pháp luật và theo điều lệ tổ chức hoạt động của Tổng công ty.
- Thống nhất tổ chức thực hiện và quản lý hoạt động quản lý cổ đông đảm bảo quyền lợi của cổ đông theo quy định của pháp luật và điều lệ Tổng công ty.
- Tư vấn và cung cấp các giải pháp thực hiện phương án đầu tư nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động đầu tư của Tổng công ty.
- Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc triển khai các hoạt động liên quan đến lĩnh vực đầu tư của các Công ty có vốn góp của BSH nhằm đảm bảo thực hiện đúng định hướng chiến lược phát triển của Tổng công ty và tuân thủ quy định của pháp luật.
- Lập kế hoạch đầu tư tài chính, tổ chức thực hiện kế hoạch đầu tư tài chính đã được phê duyệt.
- Phân tích tình hình quản lý và sử dụng vốn đầu tư, nghiên cứu và đề xuất các phương án khai thác sử dụng vốn nhàn rỗi trong và ngoài Tổng công ty phục vụ cho công tác đầu tư.
- Tìm kiếm, huy động các nguồn vốn phục vụ công tác đầu tư của Tổng công ty. Thực hiện công tác phát hành cổ phiếu, trái phiếu Tổng công ty. Chủ trì phối hợp với các bộ phận liên quan trong việc xây dựng phương án phát hành cổ phiếu, trái phiếu và các hình thức khác trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện phương án phát hành được phê duyệt.
- Đại diện Tổng công ty theo ủy quyền và phân cấp của Tổng công ty hoặc phối hợp với người đại diện phần vốn góp của Tổng công ty tại các dự án và các đơn vị có liên quan để thực hiện quyền giám sát, kiểm soát hoạt động của các dự án đầu tư nhằm bảo đảm quản lý chặt chẽ nguồn vốn đầu tư.
- Tổng hợp, đánh giá và thực hiện báo cáo định kỳ/đợt xuất về hoạt động đầu tư của Tổng công ty.
- Xây dựng hệ thống quy trình, quy định, chỉ tiêu, định mức liên quan đến thực hiện và quản lý hoạt động đầu tư của Tổng công ty.

1) Ban Công nghệ thông tin (CNTT)

- Tham mưu cho HĐQT, Ban điều hành định hướng và xây dựng chiến lược phát triển, cơ chế chính sách tổ chức triển khai, vận hành về CNTT phục vụ cho công tác quản trị, điều hành và kinh doanh phù hợp với chiến lược chung của Tổng công ty;
- Tham mưu cho Ban lãnh đạo công ty thành viên xây dựng và tổ chức triển khai các hệ thống CNTT ứng dụng tại các công ty thành viên.
- Xây dựng kế hoạch công tác về CNTT và các giải pháp triển khai.

- Đảm bảo hệ thống CNTT toàn Tổng công ty hoạt động an toàn, ổn định, bảo mật, liên tục và hiệu quả.
- Đảm bảo công tác hỗ trợ người sử dụng CNTT trên toàn hệ thống được thực hiện một cách thuận tiện, nhanh chóng, chính xác, kịp thời và nâng cao năng suất lao động.
- Tư vấn, tham mưu cho Ban điều hành Tổng công ty xây dựng, triển khai các giải pháp CNTT phục vụ công tác quản trị, điều hành, kinh doanh tại Tổng công ty và công ty thành viên.
- Xây dựng và triển khai các văn bản quy định, quy trình, tài liệu hướng dẫn sử dụng về CNTT áp dụng tại Tổng công ty và Công ty thành viên.
- Tổ chức và thực hiện quản trị, vận hành các hệ thống CNTT bao gồm Hệ thống mạng, máy chủ, thiết bị phần cứng, cơ sở dữ liệu và các phần mềm ứng dụng trên toàn hệ thống.
- Nghiên cứu và phát triển các ứng dụng, tiện ích, báo cáo đáp ứng nhu cầu quản trị điều hành và kinh doanh của Tổng công ty.
- Quy hoạch, chuẩn hóa và triển khai hệ thống mạng, hạ tầng công nghệ nhằm đáp ứng chiến lược phát triển kinh doanh, mạng lưới, dịch vụ trên nền tảng CNTT của Tổng công ty trong tương lai.
- Tổ chức, quản lý, thực hiện sao lưu, lưu trữ và phục hồi dữ liệu của các Hệ thống CNTT.
- Thực hiện xử lý sự cố về CNTT tại Tổng công ty và hỗ trợ xử lý sự cố CNTT tại các Công ty thành viên khi phát sinh đảm bảo thời gian khắc phục ngắn nhất.
- Xây dựng và triển khai công tác quản trị rủi ro liên quan đến CNTT của toàn hệ thống.

m) Ban Pháp chế và kiểm soát nội bộ

- Tham mưu, giúp việc cho HĐQT, Ban Điều hành trong quá trình xây dựng chiến lược phát triển và xây dựng hệ thống văn bản quy định nội bộ của Tổng công ty đảm bảo phù hợp quy định pháp luật, phòng tránh rủi ro pháp lý, xây dựng các chính sách, quy định liên quan đến công tác tuân thủ và xử lý công nợ.
- Tham mưu, giúp việc cho HĐQT, Ban Điều hành trong việc xây dựng hệ thống, quy định kiểm soát nội bộ, chính sách quản trị rủi ro tuân thủ nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống.
- Xây dựng kế hoạch công tác pháp chế tuân thủ, xử lý công nợ và các giải pháp triển khai.
- Tư vấn và cung cấp các thông tin trong lĩnh vực pháp chế và các giải pháp trong lĩnh vực xử lý công nợ và phòng chống trục lợi bảo hiểm nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ chức và cá nhân tại Tổng công ty.
- Giám sát việc thực thi, tuân thủ quy trình, quy chế nghiệp vụ tại trụ sở chính Tổng công ty và các đơn vị thành viên; Kiến nghị khắc phục thiếu sót hoặc các biện pháp xử lý vi phạm phát hiện qua quá trình giám sát, kiểm tra thường xuyên, định kỳ hoặc đột xuất đối với các Ban chức năng tại trụ sở chính và các đơn vị trực thuộc. Theo dõi, giám sát cho đến khi thiếu sót được khắc phục hoàn toàn và vi phạm đã được xử lý triệt để.

❖ Đơn vị thành viên

Là các đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội, chịu sự quản

lý và điều hành của Tổng Công ty theo Điều lệ của Tổng Công ty và các quy định pháp luật. Công ty thành viên trực thuộc thực hiện chế độ hạch toán phụ thuộc theo phân cấp của Tổng Công ty, có con dấu riêng và được mở tài khoản tại Ngân hàng thương mại theo phê duyệt của Tổng Công ty. Các đơn vị thành viên có chức năng nhiệm vụ sau:

- Tham mưu cho Ban Điều hành xây dựng chiến lược, cơ chế, chính sách và các công việc liên quan đến hoạt động kinh doanh tại địa bàn (Phát triển nguồn nhân lực bao gồm cả hệ thống đại lý bảo hiểm; Phát triển thị trường, sản phẩm, cơ chế kinh doanh, chính sách khách hàng, quảng bá thương hiệu...)
- Tham mưu, đóng góp ý kiến với Tổng Công ty về việc xây dựng và thực hiện mô hình tổ chức tại các Công ty thành viên ở các địa bàn nhằm hoạt động có hiệu quả nhất.
- Tham mưu cho các Ban chức năng và Ban Điều hành trong công tác quản lý nghiệp vụ, giám định bồi thường, quản lý tài chính liên quan đến hoạt động của đơn vị.
- Đại diện cho Tổng Công ty tại địa bàn và theo sự phân công/phân cấp thẩm quyền của Tổng Công ty.
- Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch kinh doanh (doanh thu, nguồn chi phí, dòng tiền, bồi thường, hiệu quả kinh doanh, mua sắm công cụ dụng cụ, tài sản cố định, định biên nhân sự, thuê ngoài: văn phòng, xe...) đã được Tổng Công ty giao hàng năm.
- Tổ chức, quản lý các tài sản, công cụ dụng cụ được Tổng Công ty giao.
- Trực tiếp hướng dẫn, quản lý, giám sát hoạt động của cán bộ, phòng kinh doanh, đại lý bảo hiểm của đơn vị nhằm tuân thủ đúng các quy định hiện hành và không ngừng phát triển kinh doanh của đơn vị.
- Tổ chức bộ máy quản lý và kinh doanh các sản phẩm bảo hiểm và các dịch vụ liên quan theo quy định trong Giấy phép thành lập và hoạt động, theo sự chỉ đạo, uỷ quyền và phân cấp của Tổng Công ty.
- Xây dựng kế hoạch kinh doanh theo tháng, quý, năm trình Tổng công ty và thực hiện kế hoạch đã được duyệt. Kế hoạch kinh doanh của Công ty là một bộ phận trong kế hoạch kinh doanh của Tổng Công ty.
- Nghiên cứu và đề xuất với Tổng công ty việc bổ sung, sửa đổi các điều khoản, điều kiện, quy tắc, biểu phí hoặc các sản phẩm bảo hiểm mới phù hợp với nhu cầu của khách hàng và tổ chức thực hiện các sản phẩm đó theo quy định của Tổng Công ty.
- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhân sự, kế hoạch đào tạo hàng năm và bộ máy tổ chức của Công ty phù hợp với quy mô phát triển kinh doanh trong từng thời kỳ theo quy định của Tổng Công ty và pháp luật.
- Tổ chức thực hiện công tác hạch toán kế toán, thống kê theo quy định của Nhà nước và Tổng Công ty. Lập và gửi báo cáo kinh doanh, báo cáo tài chính theo yêu cầu của Công ty và cơ quan quản lý Nhà nước.



4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty, Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cơ cấu cổ đông tại ngày 02/06/2023

Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần tại thời điểm 02/06/2023

STT	Tên cổ đông	CMND/ĐKKD	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ (%) / Vốn điều lệ thực góp
1	CTCP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	0102524651	Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	9.983.332	9,98%
2	CTCP Đầu tư và Tư vấn tài chính Quốc tế	0102724932	Số 2 Phạm Ngọc Thạch, Phường Kim Liên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	9.830.980	9,83%
3	CTCP Tập đoàn T&T	0100233223	2A Phạm Sư Mạnh, P. Phan Chu Trinh, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội	9.950.000	9,95%
				29.764.312	29,76%

Nguồn: Danh sách cổ đông của BSH chốt ngày 02/06/2023

Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 02/06/2023

TT	Cổ đông	Số lượng	Số cổ phần (CP)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
I	Cổ đông trong nước	3.371	100.000.000	1.000.000.000.000	100%
1	Cổ đông tổ chức	7	39.116.508	391.165.080.000	39,12%
2	Cổ đông cá nhân	3.364	60.883.492	608.834.920.000	60,88%
II	Cổ đông nước ngoài	0	0	0	0%
1	Cổ đông tổ chức	0	0	0	0%
2	Cổ đông cá nhân	0	0	0	0%
III	Cổ phiếu quỹ	0	0	0	0%
	Tổng cộng	3.371	100.000.000	1.000.000.000.000	100%

Nguồn: Danh sách cổ đông của BSH chốt ngày 02/06/2023

Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ

Giấy phép thành lập và hoạt động của BSH được cấp từ ngày 10/12/2008, do vậy tính đến thời điểm hiện tại các quy định về hạn chế chuyển nhượng cổ phần của cổ đông sáng lập đã được bãi bỏ. Hiện tại có 3 cổ đông sáng lập đang sở hữu cổ phần của BSH, cụ thể như sau:

STT	Tên cổ đông	CMND/ĐKKD	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ (%) / Vốn điều lệ thực góp
1	CTCP Tập đoàn T&T	0100233223	2A Phạm Sư Mạnh, P. Phan Chu Trinh, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội	9.950.000	9,95%
2	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	1800278630	77 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội	4.285.714	4,29%
3	Công ty Cổ phần Hoa Sơn	5700315734	Tổ 7, Khu 7, Phường Hà Tu, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh	135.000	0,14%
				14.370.714	14,38%

Nguồn: Danh sách cổ đông của BSH chốt ngày 02/06/2023

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của BSH, những công ty mà BSH đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với BSH

a) Công ty mẹ của BSH

Không có

b) Công ty con của BSH

Công ty TNHH Bảo hiểm BSH Lào

Địa chỉ : Số 184, đường Saylom, lô 11, phường Hatsady, quận Chanthabouly, Vientiane, Lào

Mã số doanh nghiệp : 01-00026785

Số xác định đối tượng nộp thuế : 104101859-9-00

Hoạt động kinh doanh chính : Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ, tái bảo hiểm, hoạt động đầu tư tài chính và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.

Vốn điều lệ đăng ký : 32.000.000.000 Lak (*)

Vốn điều lệ thực góp : 16.336.400.000 Lak (*)

Mệnh giá 1 cổ phần : 2.000 Lak (*)

Tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội tại Công ty TNHH Bảo hiểm BSH : 6.534.560 CP tương ứng 80% vốn điều lệ thực góp

Lào tính đến thời điểm 31/03/2023

Giá trị vốn góp của BSH tính theo : 13.069.120.000 Lak (tương đương 36.423.858.150 đồng tại
mệnh giá thời điểm góp vốn)

(*): Tỷ giá chuyển đổi tại ngày 12/06/2023: 1 Lak = 1,29 đồng

c) Công ty liên doanh, liên kết

Không có

6. Hoạt động kinh doanh

BSH là doanh nghiệp với tiềm lực tài chính vững mạnh và quy mô không ngừng được mở rộng, BSH hiện có 52 Đơn vị thành viên phục vụ khách hàng trên toàn quốc và một công ty con tại Lào. BSH cung cấp cho khách hàng (bao gồm cả khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp) đa dạng các sản phẩm Bảo hiểm Phi nhân thọ như: Bảo hiểm con người, Bảo hiểm xe cơ giới, Bảo hiểm tài sản, Bảo hiểm kỹ thuật, Bảo hiểm hàng hải, Bảo hiểm trách nhiệm, Bảo hiểm hàng hóa...

1) Bảo hiểm ô tô

➤ Bảo hiểm vật chất xe ô tô

- Đối tượng bảo hiểm: xe ô tô thuộc sở hữu của người được bảo hiểm, người được giao sở hữu, sử dụng hợp pháp.

- Phạm vi bảo hiểm:

+ Những tai nạn bất ngờ, ngoài sự kiểm soát của Chủ xe, Người được bảo hiểm trong những trường hợp: Đâm, va, lật, đổ, rơi, chìm; Hoả hoạn, cháy, nổ; Các vật thể khác rơi, va chạm vào.

+ Những tai họa bất khả kháng do thiên nhiên: Bão, gió lốc, lũ, lụt, triều cường, sạt/lở đất, sét đánh, động đất, mưa đá, sóng thần.

+ Mất toàn bộ xe do bị trộm, bị cướp.

+ Hành vi ác ý, cố tình phá hoại (loại trừ hành vi ác ý, cố tình phá hoại của Bên mua bảo hiểm, Chủ xe, Người được bảo hiểm, Người điều khiển xe và những người có quyền lợi liên quan đến sở hữu, khai thác và sử dụng Xe ô tô).

+ Ngoài ra, BSH còn bồi thường cho Bên mua bảo hiểm/Chủ xe những chi phí cần thiết và hợp lý theo thỏa thuận tại Hợp đồng bảo hiểm để thực hiện các công việc theo yêu cầu và chỉ dẫn của BSH khi xảy ra tổn thất (thuộc phạm vi bảo hiểm), bao gồm các chi phí: Chi phí ngăn ngừa hạn chế tổn thất phát sinh thêm; Chi phí cứu hộ và vận chuyển xe bị thiệt hại tới nơi sửa chữa gần nhất tới đa không vượt quá 10% số tiền bảo hiểm/vụ tổn thất.

➤ Bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe ô tô

- Đối tượng bảo hiểm: Trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới tham gia giao thông trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Phạm vi bảo hiểm:

+ Thiệt hại ngoài hợp đồng về thân thể, tính mạng và tài sản đối với bên thứ ba do xe cơ giới gây ra

+ Thiệt hại về thân thể và tính mạng của hành khách theo hợp đồng vận chuyển hành khách do xe cơ giới gây ra.

➤ **Bảo hiểm tai nạn lái xe, phụ xe và người ngồi trên xe**

- Đối tượng bảo hiểm: Lái xe, phụ xe và những người khác được chở trên xe cơ giới (gọi chung là Người được bảo hiểm).

- Phạm vi bảo hiểm: Thiệt hại thân thể đối với người được bảo hiểm do tai nạn khi đang ở trên xe, lên xuống xe trong quá trình xe đang tham gia giao thông.

➤ **Bảo hiểm tự nguyện trách nhiệm dân sự của chủ xe với người thứ ba và hành khách**

- Đối tượng bảo hiểm: Trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới tham gia giao thông trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Phạm vi bảo hiểm:

+ Thiệt hại ngoài hợp đồng về thân thể, tính mạng và tài sản đối với bên thứ ba do xe cơ giới gây ra.

+ Thiệt hại về thân thể và tính mạng của hành khách theo hợp đồng vận chuyển hành khách do xe cơ giới gây ra.

➤ **Bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe đối với hàng hóa vận chuyển trên xe**

- Đối tượng bảo hiểm: Trách nhiệm dân sự của Chủ xe đối với chủ hàng theo hợp đồng vận chuyển giữa chủ xe cơ giới và chủ hàng trong phạm vi lãnh thổ nước Việt Nam.

- Phạm vi bảo hiểm: BSH nhận bảo hiểm trách nhiệm của Chủ xe phải bồi thường cho chủ hàng về những tổn thất hàng hóa vận chuyển trên xe theo Bộ Luật dân sự trong những trường hợp xe bị đâm, va, lật, đổ, rơi, chìm; hỏa hoạn, cháy, nổ; bị các vật thể khác rơi, va chạm vào; những tai nạn bất khả kháng do thiên nhiên: bão, gió lốc, lũ, lụt, triều cường, sụt/lở đất, sét đánh, động đất, mưa đá, sóng thần. Ngoài ra, BSH còn thanh toán cho chủ xe các chi phí cần thiết và hợp lý: Ngăn ngừa, giảm nhẹ tổn thất cho hàng hoá; Bảo quản, xếp dỡ, lưu kho, lưu bãi hàng hoá trong quá trình vận chuyển do hậu quả của tai nạn; Giám định tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm của BSH.

2) Bảo hiểm xe máy

➤ **Bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe máy**

- Đối tượng bảo hiểm: Trách nhiệm dân sự của Chủ xe mô tô – xe máy tham gia giao thông trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Phạm vi bảo hiểm: Thiệt hại ngoài hợp đồng về thân thể, tính mạng và tài sản đối với bên thứ ba do xe cơ giới gây ra.

➤ **Bảo hiểm thiệt hại vật chất xe máy**

- Đối tượng bảo hiểm: Xe mô tô/ xe máy hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

- Phạm vi bảo hiểm: Bảo hiểm cho tổn thất toàn bộ xe mô tô/ xe máy thuộc các rủi ro:

+ Rủi ro A: Bảo hiểm Cháy nổ.

+ Rủi ro B: Bảo hiểm mất cướp toàn bộ xe.

+ Rủi ro C: Các rủi ro khác.

➤ **Bảo hiểm tai nạn người ngồi trên mô tô – xe máy**

- Đối tượng bảo hiểm: Lái xe và những người khác được chở trên mô tô – xe máy (gọi chung là Người được bảo hiểm).
- Phạm vi bảo hiểm: Thiệt hại thân thể đối với người được bảo hiểm do tai nạn khi đang ở trên xe, lên xuống xe trong quá trình xe đang tham gia giao thông.

3) Bảo hiểm sức khỏe

➤ **BSH care – An tâm vui khỏe**

- Đối tượng bảo hiểm:

+ Người được bảo hiểm là công dân Việt Nam, Người nước ngoài đang cư trú hợp pháp tại Việt Nam.

+ Độ tuổi từ đủ 60 ngày tuổi đến 65 tuổi tại thời điểm bắt đầu thời hạn bảo hiểm của hợp đồng bảo hiểm.

+ Không nhận bảo hiểm đối với các đối tượng sau: Người đang bị bệnh tâm thần, thần kinh, bệnh phong; Người bị thương tật vĩnh viễn quá 50%; Người đang trong thời gian điều trị bệnh hoặc thương tật (chỉ áp dụng với người tham gia bảo hiểm lần đầu hoặc tái tục không liên tục).

- Phạm vi bảo hiểm:

+ Bảo hiểm tử vong, thương thật toàn bộ vĩnh viễn do tai nạn.

+ Bảo hiểm tử vong, thương tật toàn bộ vĩnh viễn do bệnh.

+ Chi phí y tế do tai nạn.

+ Bảo hiểm điều trị nội trú, phẫu thuật do bệnh.

+ Bảo hiểm thai sản (không bao gồm chi phí khám thai định kỳ).

+ Bảo hiểm điều trị ngoại trú.

+ Nha khoa.

➤ **Bảo hiểm trợ cấp nằm viện phẫu thuật**

- Đối tượng bảo hiểm:

+ Mọi công dân Việt Nam, người nước ngoài đang sinh sống và làm việc hợp pháp tại Việt Nam từ 16 tuổi đến 65 tuổi.

+ Không nhận bảo hiểm cho các đối tượng sau: Những người bị bệnh thần kinh, tâm thần, phong, ung thư; Những người bị tàn phế hoặc thương tật vĩnh viễn từ 80% trở lên; Những người đang trong thời gian điều trị bệnh tật, thương tật.

- Phạm vi bảo hiểm:

+ Ốm đau, bệnh tật, thương tật thân thể do tai nạn, thai sản phải nằm viện hoặc phẫu thuật.

+ Tử vong trong trường hợp đang nằm viện hoặc phẫu thuật.

+ Trợ cấp mai táng phí.

➤ **Bảo hiểm toàn diện học sinh - sinh viên**

- Đối tượng bảo hiểm: Học sinh, sinh viên đang theo học chính khóa, học trực tuyến tại các trường: nhà trẻ, mẫu giáo, tiểu học, phổ thông cơ sở, phổ thông trung học, các trường cao đẳng, đại học, trung cấp chuyên nghiệp, các trường dạy nghề có độ tuổi từ 1 – 65 tuổi.

- Phạm vi bảo hiểm:

- + Tử vong do ốm đau, bệnh tật, thai sản.
- + Tử vong, thương tật thân thể do tai nạn.
- + Nằm viện điều trị nội trú và/ hoặc phẫu thuật do ốm đau, bệnh tật, thai sản.
- + Nằm viện điều trị nội trú do tai nạn.
- + Bảo hiểm ngộ độc thức ăn, đồ uống hoặc hít phải hơi độc, khí độc.
- + Bảo hiểm chơi các môn thể thao không chuyên.
- + Hỗ trợ học tập: Bảo hiểm gián đoạn học tập, Hỗ trợ người chăm sóc.
- + Hỗ trợ mai táng phí.

➤ **Bảo hiểm kết hợp con người**

- Đối tượng bảo hiểm:

+ Mọi công dân Việt Nam và người nước ngoài đang sinh sống và làm việc tại Việt Nam từ 18 tuổi đến 65 tuổi.

+ Không nhận bảo hiểm cho các đối tượng sau: Những người bị bệnh thần kinh, tâm thần, phong, ung thư; Những người bị tàn phế hoặc thương tật vĩnh viễn từ 50% trở lên; Những người đang trong thời gian điều trị bệnh tật, thương tật.

- Phạm vi bảo hiểm:

- + Chết do mọi nguyên nhân
- + Thương tật thân thể do tai nạn
- + Nằm viện hoặc phẫu thuật do ốm đau, bệnh tật
- + Phạm vi bảo hiểm được mở rộng trong trường hợp Người được bảo hiểm có hành động cứu người, cứu tài sản của Nhà nước, của nhân dân và tham gia chống hành động phạm pháp.

➤ **Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe**

- Đối tượng bảo hiểm: Là công dân Việt Nam hoặc người nước ngoài đang cư trú hợp pháp tại Việt Nam thỏa mãn các điều kiện sau:

- + Từ 0 tuổi đến 70 tuổi được tham gia bảo hiểm và được tái tục đến 75 tuổi.
- + Người không bị bệnh tâm thần, thần kinh, bệnh phong.
- + Người không bị thương tật vĩnh viễn quá 50%.

- Phạm vi bảo hiểm:

- + Tử vong/Thương tật toàn bộ vĩnh viễn do tai nạn.

- + Trợ cấp mất giảm thu nhập do tai nạn.
- + Chi phí y tế điều trị thương tật do tai nạn.
- + Chi phí điều trị nội trú do ốm đau, bệnh tật.
- + Chi phí phẫu thuật.
- + Trợ cấp trong thời gian điều trị nội trú.
- + Chi phí trước khi nhập viện, sau khi xuất viện, y tá chăm sóc tại nhà.
- + Điều trị ngoại trú do ốm đau, bệnh tật.
- + Chi phí thai sản.
- + Chi phí điều trị nha khoa.

➤ **Bảo sức khỏe người vay tín dụng**

- Đối tượng bảo hiểm: Sức khỏe, tính mạng của người vay tín dụng tại các ngân hàng, tổ chức tín dụng.
- Phạm vi bảo hiểm: BSH nhận bảo hiểm trong các trường hợp tử vong hoặc thương tật/ tàn tật toàn bộ vĩnh viễn do tai nạn, ốm đau, bệnh tật hoặc thai sản.

4) Bảo hiểm tai nạn

➤ **Bảo hiểm tai nạn hộ gia đình – Bảo an toàn gia**

- Đối tượng bảo hiểm:
 - + Hộ gia đình gồm: các thành viên có tên trong sổ hộ khẩu hoặc người thân của chủ hộ không có tên trong sổ hộ khẩu nhưng sống chung tại hộ gia đình
 - + Độ tuổi: từ đủ 01 tuổi đến 65 tuổi.
- Phạm vi bảo hiểm:
 - + Tử vong do tai nạn.
 - + Thương tật thân thể do tai nạn.

➤ **Bảo hiểm tai nạn người sử dụng điện**

- Đối tượng bảo hiểm: Tất cả các thành viên gia đình cùng một hộ khẩu, có hợp đồng sử dụng điện với cơ quan quản lý điện sở tại, có thể mở rộng thêm cho các thành viên khác trong gia đình (con cái, ông bà, cha mẹ...) không có trong hộ khẩu nhưng sống cùng chủ hợp đồng sử dụng điện với điều kiện phải đăng ký danh sách khi tham gia bảo hiểm.
- Phạm vi bảo hiểm:
 - + Tử vong do tai nạn.
 - + Thương tật thân thể do tai nạn.

➤ **Bảo hiểm tai nạn con người**

- Đối tượng bảo hiểm:
 - + Mọi công dân Việt Nam và người nước ngoài đang học tập, công tác tại Việt Nam. Độ tuổi

từ 16 đến 65 tuổi.

+ Loại trừ các đối tượng sau: Những người đang bị bệnh thần kinh; Những người đang bị tàn phế hoặc thương tật vĩnh viễn từ 50% trở lên.

- Phạm vi bảo hiểm:

+ Tử vong do tai nạn.

+ Thương tật thân thể do tai nạn.

5) Bảo hiểm du lịch

➤ Bảo hiểm du lịch quốc tế

- Đối tượng bảo hiểm: Công dân Việt Nam và Người nước ngoài đang sinh sống hợp pháp trên lãnh thổ Việt Nam từ 6 tuần tuổi đến tối đa 85 tuổi.

- Phạm vi bảo hiểm:

+ Tử vong/thương tật toàn bộ vĩnh viễn khi NĐBH bị tai nạn trong chuyến đi thuộc thời hạn bảo hiểm.

+ Chi phí y tế ở nước ngoài phát sinh do NĐBH bị bệnh tật hoặc tai nạn thuộc phạm vi bảo hiểm (bao gồm cả nội trú và ngoại trú).

+ Chi phí y tế ở nước ngoài cần thiết và phát sinh do ốm đau liên quan đến thai sản.

+ Chi phí điều trị tiếp theo tại nước xuất hành trong vòng 30 ngày kể từ ngày trở về nước xuất hành.

+ Chi phí cho thân nhân đi thăm khi NĐBH phải nằm viện trên 5 ngày.

+ Chi phí thăm viếng để thu xếp tang lễ ở nước ngoài.

+ Chi phí cần thiết đưa trẻ em hồi hương.

+ Vận chuyển y tế khẩn cấp.

+ Trách nhiệm cá nhân: bảo hiểm trách nhiệm pháp lý của NĐBH đối với thiệt hại thân thể hay tài sản của bên thứ ba gây ra do lỗi bất cẩn của NĐBH.

+ Hồi hương.

+ Vận chuyển hài cốt/mai táng.

+ Hủy/hoàn chuyển đi.

+ Cất ngăn chuyển đi.

+ Hành lý đến chậm.

+ Trợ giúp chuyển đi 24/24 giờ.

+ Mất giấy tờ thông hành.

+ Thiệt hại hành lý và tư trang.

+ Trợ giúp y tế.

➤ **Bảo hiểm khách du lịch trong nước**

- Đối tượng bảo hiểm:

+ Người Việt Nam, Người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam tham gia tham quan, nghỉ mát, tắm biển, leo núi,... hoặc nghỉ tại khách sạn, nhà nghỉ trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam.

+ Trường hợp Người được bảo hiểm khảo sát, thám hiểm, biểu diễn nguy hiểm, đua xe, đua ngựa, đua thuyền, thi đấu có tính chất chuyên nghiệp các môn: bóng đá, đấm bốc, leo núi, lướt ván.... chỉ được bảo hiểm với điều kiện đã nộp thêm phụ phí bảo hiểm.

- Phạm vi bảo hiểm:

+ Tử vong, thương tật thân thể do tai nạn.

+ Tử vong do ốm đau, bệnh tật bất ngờ trong thời hạn bảo hiểm.

+ Tử vong hoặc thương tật thân thể do Người được bảo hiểm có hành động cứu người, cứu tài sản của Nhà nước, của nhân dân và tham gia chống các hành động phạm pháp.

➤ **Bảo hiểm người nước ngoài du lịch tại Việt Nam**

- Đối tượng bảo hiểm: Bảo hiểm cho Người nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài bao gồm:

+ Người vào Việt Nam tham quan, thăm viếng bạn bè, bà con, dự hội nghị, hội thảo quốc tế, đại hội, thi đấu thể thao, biểu diễn nghệ thuật, công tác.

+ Người đang cư trú tại Việt Nam như chuyên gia, công nhân, học sinh, những người làm việc trong các đoàn ngoại giao, các tổ chức quốc tế khi đi du lịch trong lãnh thổ Việt Nam.

- Phạm vi bảo hiểm:

+ Tử vong/thương tật toàn bộ vĩnh viễn do tai nạn thuộc phạm vi bảo hiểm.

+ Chi phí cấp cứu và chi phí y tế trong thời gian điều trị ở Việt Nam

+ Tiền phòng và ăn tại bệnh viện trong thời gian điều trị tại Việt Nam

+ Chi phí thuê xe cấp cứu đưa ra sân bay để trở về nước;

+ Tiền thuê thêm ghế phụ, dụng cụ y tế và thuốc điều trị mang theo (trong trường hợp cần thiết);

+ Tiền ăn, ở tại khách sạn và đi lại cho một người cần phải đi kèm để chăm sóc NĐBH khi hồi hương

+ Chi phí chôn cất, hoặc hỏa táng tại Việt Nam và chi phí vận chuyển thi hài và hành lý của NĐBH về nước nếu bị tử vong do tai nạn.

+ BSH bồi thường cho NĐBH hành lý và vật dụng riêng bị mất hoặc thiệt hại thuộc phạm vi bảo hiểm.

6) Bảo hiểm trách nhiệm

➤ **Bảo hiểm rủi ro trên không gian mạng**

- Đối tượng bảo hiểm:

+ Tài khoản ngân hàng/ví điện tử cá nhân của người được bảo hiểm tại một ngân hàng/ví điện tử có tên trên giấy chứng nhận bảo hiểm.

+ Hệ thống máy tính (Máy tính bàn, Laptop, Tablet, Smartphone) và dữ liệu của người được bảo hiểm lưu trữ trong đó.

+ Danh tính của người được bảo hiểm.

- Phạm vi bảo hiểm:

+ Mất tiền trong tài khoản ngân hàng/ ví điện tử do người khác thực hiện trái phép.

+ Mất tiền trong tài khoản do mua hàng trên sàn giao dịch thương mại điện tử và đã thanh toán tiền hàng nhưng không nhận được hàng.

+ Khoản tiền chuộc phải trả cho “kẻ tống tiền” trên mạng để giải quyết mối đe dọa phát tán dữ liệu cá nhân, phá hủy hệ thống máy tính được thực hiện bằng cách truy cập trái phép vào hệ thống máy tính của người được bảo hiểm.

+ Chi phí xác minh, sửa chữa, khôi phục dữ liệu/ hệ thống máy tính của người được bảo hiểm sau hành vi tấn công vào hệ thống máy tính làm hỏng/ phá hủy hệ thống máy tính và dữ liệu lưu trữ trong đó.

+ Chi phí để sửa chữa/ phục hồi danh tính do người được bảo hiểm bị người khác sử dụng trái phép danh tính của mình để lấy hàng hóa, tiền hoặc dịch vụ.

7) **Bảo hiểm tài sản**

➤ **Bảo hiểm toàn diện nhà tư nhân**

- Đối tượng bảo hiểm:

+ Nhà chung cư;

+ Nhà/ Biệt thự liền kề;

+ Chỉ sử dụng cho mục đích để ở/ sinh hoạt gia đình, có “tuổi nhà” tại thời điểm tham gia bảo hiểm không quá 25 tuổi.

- Phạm vi bảo hiểm:

+ Cháy;

+ Sét đánh;

+ Nổ;

+ Giông, bão, lũ lụt;

+ Vỡ hoặc tràn nước từ các bể chứa nước, thiết bị chứa nước hoặc

+ Đường ống dẫn nước;

+ Va chạm/ đâm va của phương tiện đường bộ;

+ Trộm, cướp;

+ Chi phí dọn dẹp hiện trường;

+ Chi phí thuê nhà sau tổn thất.

➤ **Bảo hiểm cháy nổ bắt buộc**

- Đối tượng bảo hiểm:

- + Nhà, công trình và các tài sản gắn liền với nhà, công trình; máy móc thiết bị;
- + Các loại hàng hóa, vật tư (bao gồm cả nguyên vật liệu, bán thành phẩm, thành phẩm).

- Phạm vi bảo hiểm: Bồi thường cho những thiệt hại vật chất bất ngờ xảy ra đối với những tài sản được bảo hiểm gây ra bởi các rủi ro cháy, nổ theo quy định tại Nghị định số 23/2018/NĐ-CP ngày 23/02/2018.

➤ **Bảo hiểm hỏa hoạn và các rủi ro đặc biệt**

- Đối tượng bảo hiểm:

- + Nhà, công trình và các tài sản gắn liền với nhà, công trình; máy móc thiết bị;
- + Các loại hàng hóa, vật tư (bao gồm cả nguyên vật liệu, bán thành phẩm, thành phẩm).

- Phạm vi bảo hiểm: Bồi thường cho những thiệt hại vật chất bất ngờ xảy ra đối với những tài sản được bảo hiểm gây ra bởi các rủi ro được bảo hiểm:

- + Hoả hoạn; sét đánh, nổ;
- + Nổ;
- + Máy bay và các phương tiện hàng không khác hoặc các thiết bị trên phương tiện đó rơi trúng;
- + Gây rối, đình công, bế xưởng;
- + Thiệt hại do hành động ác ý;
- + Động đất hay núi lửa phun;
- + Giông và bão;
- + Giông, bão, lụt;
- + Tràn nước từ các bể và thiết bị chứa nước hay đường ống dẫn nước;
- + Đâm va do xe cộ và súc vật;
- + Rò rỉ nước bất ngờ từ hệ thống sprinkler tự động.

➤ **Bảo hiểm mọi rủi ro tài sản**

- Đối tượng bảo hiểm: Tài sản cố định, các cơ sở có nguy cơ cháy nổ.

- Phạm vi bảo hiểm: Bồi thường cho những thiệt hại vật chất bất ngờ xảy ra đối với những tài sản được bảo hiểm bởi các rủi ro không bị loại trừ quy định tại Quy tắc bảo hiểm mọi rủi ro tài sản của BSH.

➤ **Bảo hiểm mọi rủi ro công nghiệp**

- Đối tượng bảo hiểm: Tài sản cố định, các cơ sở có nguy cơ cháy nổ.

- Phạm vi bảo hiểm: Bồi thường cho những thiệt hại vật chất bất ngờ xảy ra đối với những tài sản được bảo hiểm bởi các rủi ro không bị loại trừ quy định tại Quy tắc bảo hiểm mọi rủi ro công nghiệp của BSH.

➤ **Bảo hiểm vườn cây cao su**

- Đối tượng bảo hiểm: Cây cao su từ 01 đến 30 năm tuổi.
- Phạm vi bảo hiểm: Bồi thường cho các thiệt hại vật chất của vườn cây công nghiệp được bảo hiểm gây ra bởi các rủi ro/ chi phí được bảo hiểm:
 - + Cháy, sét đánh, nổ và máy bay rơi;
 - + Gió bão;
 - + Chi phí trồng và thiết lập lại vườn cây.

8) Bảo hiểm kỹ thuật

➤ **Bảo hiểm mọi rủi ro xây dựng**

- Đối tượng bảo hiểm: Các công trình xây dựng.
- Phạm vi bảo hiểm:
 - + Tồn thất vật chất của công trình: Bồi thường cho những tổn thất vật chất bất ngờ không lường trước được do những rủi ro không bị loại trừ nêu trong đơn Bảo hiểm xây dựng/lắp đặt như: Cháy, nổ, lũ lụt, sóng thần, động đất, trộm cướp, tay nghề kém, thiếu kinh nghiệm, sơ suất, ...
 - + Trách nhiệm bồi thường đối với người thứ ba: Bồi thường cho người được bảo hiểm về trách nhiệm pháp lý mà Người được bảo hiểm phải trả cho Bên thứ ba đối với những tổn hại vật chất bất ngờ hay thương tật bất ngờ gây ra cho Bên thứ ba về tài sản và con người.

➤ **Bảo hiểm mọi rủi ro lắp đặt**

- Đối tượng bảo hiểm: Tất cả các công trình/dự án đang trong quá trình thi công xây dựng hoặc lắp đặt, bao gồm: Nhà ở, trụ sở làm việc, nhà máy công nghiệp, thủy điện, đường giao thông, cầu, cảng, đập, các dây chuyền máy móc thiết bị...
- Phạm vi bảo hiểm:
 - + Tồn thất vật chất của công trình: Bồi thường cho những tổn thất vật chất bất ngờ không lường trước được do những rủi ro không bị loại trừ nêu trong đơn Bảo hiểm xây dựng/lắp đặt như: Cháy, nổ, lũ lụt, sóng thần, động đất, trộm cướp, tay nghề kém, thiếu kinh nghiệm, sơ suất, ...
 - + Trách nhiệm bồi thường đối với người thứ ba: Bồi thường cho người được bảo hiểm về trách nhiệm pháp lý mà Người được bảo hiểm phải trả cho Bên thứ ba đối với những tổn hại vật chất bất ngờ hay thương tật bất ngờ gây ra cho Bên thứ ba về tài sản và con người.

➤ **Bảo hiểm công trình dân dụng hoàn thành**

- Đối tượng bảo hiểm: Công trình đã hoàn thành quá trình xây dựng
- Phạm vi bảo hiểm:
 - + Hỏa hoạn, sét, nổ, va chạm của các phương tiện trên bờ, dưới nước;
 - + Va chạm của máy bay hoặc các phương tiện hàng không hoặc các thiết bị trên đó;
 - + Động đất, núi lửa, sóng thần;
 - + Giông, bão (sự di chuyển của gió với tốc độ từ cấp 8 trở lên theo thang độ Beaufort);

- + Lũ lụt, tác động của sóng hay nước;
- + Đất sụt, đất lở, đá lở hay những di chuyển khác của đất;
- + Sương giá, tuyết lở, băng;
- + Sự phá hoại không có tổ chức.

➤ **Bảo hiểm máy móc, thiết bị chủ thầu**

- Đối tượng bảo hiểm: Máy móc thiết bị phục vụ thi công.
- Phạm vi bảo hiểm: Bảo hiểm cho những tổn thất vật chất bất ngờ không lường trước được đối với các máy móc, trang thiết bị phục vụ cho quá trình xây dựng/lắp đặt xảy ra trong quá trình hoạt động, chờ làm việc hoặc bảo dưỡng do những rủi ro không bị loại trừ nêu trong đơn bảo hiểm.

9) **Bảo hiểm trách nhiệm – hỗn hợp**

➤ **Bảo hiểm trách nhiệm tiêm chủng Couple 19**

- Đối tượng bảo hiểm:
 - + Nhà cung cấp vắc xin; Cơ sở tiêm chủng; Cán bộ y tế thực hiện tiêm chủng.
 - + Trách nhiệm của nhà cung cấp vắc xin/ cơ sở tiêm chủng/ cán bộ y tế thực hiện tiêm chủng đối với Người được tiêm chủng khi xảy ra sự cố tiêm chủng.
- Phạm vi bảo hiểm: BSH chi trả bồi thường cho nhà cung cấp vắc xin/ cơ sở tiêm chủng/ cán bộ y tế thực hiện tiêm chủng khi phát sinh khiếu nại từ người được tiêm chủng và/hoặc đại diện hợp pháp của họ liên quan đến sự cố tiêm chủng trong các trường hợp sau:
 - + Người được tiêm chủng tử vong do sự cố tiêm chủng: BSH chi trả 100% mức trách nhiệm bảo hiểm.
 - + Phát sinh chi phí y tế do sự cố tiêm chủng: BSH chi trả theo chi phí điều trị thực tế, tối đa bằng 50% mức trách nhiệm bảo hiểm.

➤ **Bảo hiểm trách nhiệm công cộng**

- Đối tượng bảo hiểm: Trách nhiệm đối với bên thứ ba từ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.
- Phạm vi bảo hiểm:
 - + Tất cả các khoản tiền mà Người được bảo hiểm có trách nhiệm pháp lý phải bồi thường đối với: Những tổn thất và/ hoặc thiệt hại bất ngờ về người (chết, thương tật hoặc ốm đau); Những tổn thất và/ hoặc thiệt hại bất ngờ về tài sản.
 - + Tất cả các khoản phí tổn và chi phí kiện tụng: Bồi hoàn cho bên nguyên đơn chống lại Người được bảo hiểm; Đã phát sinh với sự đồng ý bằng văn bản của BSH.

➤ **Bảo hiểm trách nhiệm sản phẩm**

- Đối tượng bảo hiểm: Trách nhiệm đối với bên thứ ba cho việc phân phối, sử dụng sản phẩm của doanh nghiệp.
- Phạm vi bảo hiểm:
 - + Tất cả các khoản tiền mà Người được bảo hiểm có trách nhiệm pháp lý phải bồi thường đối

với: Những tổn thất và/ hoặc thiệt hại bất ngờ về người (chết, thương tật hoặc ốm đau); Những tổn thất hay thiệt hại bất ngờ về tài sản gây nên bởi hàng hoá do người được bảo hiểm bán, cung cấp, sửa chữa, thay thế, xử lý hay phục vụ có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh do người được bảo hiểm thực hiện và phát sinh trong thời hạn bảo hiểm và trong phạm vi lãnh thổ quy định trong Giấy chứng nhận bảo hiểm.

+ Tất cả các khoản phí tổn và chi phí kiện tụng: Bồi hoàn cho bên nguyên đơn chống lại Người được bảo hiểm; Đã phát sinh với sự đồng ý bằng văn bản của BSH.

➤ **Bảo hiểm trách nhiệm kiến trúc sư và kỹ sư tư vấn**

- Đối tượng bảo hiểm: Trách nhiệm của kiến trúc sư và kỹ sư tư vấn.

- Phạm vi bảo hiểm:

+ Là yêu cầu bồi thường thiệt hại, bao gồm các chi phí của Người được bảo hiểm với sự chấp thuận của BSH.

+ Đối với thương tật thân thể, thiệt hại vật chất hoặc thiệt hại về xây dựng phát sinh từ một hành động bất cẩn, lỗi bất cẩn, hoặc quên sót do bất cẩn mà Bên A đã thực hiện hoặc được cho là đã thực hiện trong thời hạn bảo hiểm hoặc trong thời hạn theo sau ngày hồi tố được định nghĩa trong phụ lục bảo hiểm.

+ Xảy ra trong quá trình thực hiện dịch vụ nghề nghiệp thông thường của Người được bảo hiểm với vai trò là Kiến trúc sư và/hoặc Kỹ sư tư vấn và/hoặc Nhà thiết kế và/hoặc Tư vấn kỹ thuật và/hoặc Giám sát công trình xây dựng.

➤ **Bảo hiểm tiền**

- Đối tượng bảo hiểm: Tiền tại kho quỹ và trong quá trình vận chuyển.

- Phạm vi bảo hiểm:

+ Tiền đang vận chuyển: Bồi thường cho người được bảo hiểm đối với những mất mát, thiệt hại về tiền do bị ăn cướp trong quá trình vận chuyển bằng xe ô tô trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam và được quy định theo các tuyến đường ghi rõ trong Giấy chứng nhận bảo hiểm

+ Tiền trong két và tại quầy giao dịch: Bồi thường cho những mất mát, thiệt hại hay huỷ hoại tiền do bị ăn trộm, mất trộm dẫn đến ăn cướp hay bị ăn cướp hay có chủ định thực hiện một trong những hoạt động trên trong phạm vi địa điểm chứa két hoặc quầy giao dịch tại các điểm giao dịch của Người được bảo hiểm.

10) Bảo hiểm hàng hóa

➤ **Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển nội địa**

- Đối tượng bảo hiểm: Hàng hóa trong quá trình vận chuyển bằng đường bộ, đường sắt, đường thủy và đường hàng không trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam.

- Phạm vi bảo hiểm:

+ Cháy hoặc nổ;

+ Động đất, bão lụt, gió lốc, sóng thần và sét đánh;

+ Phương tiện vận chuyển bị đắm, bị lật đổ, bị rơi, bị trật bánh, mắc cạn, đâm va nhau hoặc va

vào vật thể khác;

- + Cây gãy đổ; cầu cống, đường hầm và các công trình kiến trúc khác bị sập đổ;
- + Phương tiện chở hàng mất tích;
- + Tồn thất chung.

➤ **Bảo hiểm hàng hóa xuất nhập khẩu**

- Đối tượng bảo hiểm: Hàng hóa trong quá trình vận chuyển bằng đường thủy, đường bộ, đường sắt và đường hàng không trên phạm vi toàn thế giới.

- Phạm vi bảo hiểm:

- + Cháy nổ;
- + Tàu, thuyền bị mắc cạn, chìm đắm, lật úp;
- + Phương tiện vận chuyển trên đất liền bị lật đổ hay trật bánh;
- + Đâm va của tàu thuyền, phương tiện vận chuyển, với bất kỳ vật thể khác không phải nước;
- + Dỡ hàng tại cảng nơi tàu gặp nạn;
- + Hy sinh tổn thất chung;
- + Ném hàng khỏi tàu;
- + Hàng hóa được bảo hiểm bị mất do tàu hoặc phương tiện vận chuyển bị mất tích;
- + Nước cuốn hàng khỏi tàu;
- + Động đất, núi lửa phun, sét đánh;
- + Nước sông, hồ, tràn vào tàu thuyền, phương tiện vận chuyển, container, nơi chứa hàng;
- + Tồn thất toàn bộ kiện hàng do bị rơi trong khi xếp lên hay dỡ hàng khỏi tàu hoặc sà lan;
- + Cướp biển;
- + Các rủi ro đặc biệt.

11) Bảo hiểm tàu thủy

➤ **Bảo hiểm thân tàu biển**

- Đối tượng bảo hiểm: vỏ tàu, máy tàu và các trang thiết bị hàng hải.
- Phạm vi bảo hiểm: Bảo hiểm thân tàu sẽ nhận bảo hiểm tổn thất hay tổn hại của con tàu gây ra bởi:

- + Hiểm họa của biển, sông hồ hoặc các vùng nước có thể hành thủy;
- + Hỏa hoạn, nổ;
- + Cướp biển, bạo động bởi những người ngoài tàu, vớt hàng xuống biển;
- + Va chạm với máy bay hay vật tương tự, hoặc vật rớt từ đó, với phương tiện chuyên chở bộ, trang bị hay thiết bị bên cảng;
- + Động đất, sóng thần, núi lửa phun hay sét đánh;

- + Tai nạn trong khi bốc dỡ và chuyển dịch hàng hóa hay nhiên liệu;
- + Nổ nồi hơi, gãy trục cơ hoặc ẩn tỳ trong máy móc và thân tàu;
- + Bất cẩn của thuyền trưởng, sĩ quan, thủy thủ hay hoa tiêu và người sử chữa hay người thuê tàu không phải là người được bảo hiểm;
- + Manh động của thuyền trưởng, sĩ quan hay thủy thủ.

➤ **Bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ tàu biển**

- Đối tượng bảo hiểm: Trách nhiệm dân sự theo luật pháp của chủ tàu/người quản lý tàu phát sinh trong quá trình hoạt động của con tàu.
- Phạm vi bảo hiểm: Bảo hiểm Bảo vệ và Bồi thường (P & I) cung cấp đầy đủ đa dạng bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với bên thứ ba bao gồm nhưng không giới hạn các rủi ro được nêu dưới đây phù hợp với các trách nhiệm pháp lý của chủ tàu:
 - + Rủi ro về con người, cho dù là thuyền viên, hành khách hay bên thứ ba khác;
 - + Trách nhiệm đâm va;
 - + Trách nhiệm đối với thiệt hại và mất mát tài sản;
 - + Trách nhiệm lai dắt;
 - + Trách nhiệm di dời xác tàu;
 - + Trách nhiệm đối với hàng hóa;
 - + Trách nhiệm đối với ô nhiễm.

➤ **Bảo hiểm rủi ro nhà thầu đóng tàu**

- Đối tượng bảo hiểm: Thân tàu và máy móc đang đóng tại xưởng của Người đóng tàu và Nhà thầu phụ được bảo hiểm trong phạm vi cảng hay địa điểm đóng tàu thuộc nơi đặt xưởng của Người đóng tàu và Nhà thầu phụ và trong quá trình vận chuyển giữa những địa điểm đó.
- Phạm vi bảo hiểm: Bảo hiểm Bảo vệ và Bồi thường (P & I) cung cấp đầy đủ đa dạng bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với bên thứ ba bao gồm nhưng không giới hạn các rủi ro được nêu dưới đây phù hợp với các trách nhiệm pháp lý của chủ tàu:
 - + Rủi ro gây ra tổn thất hoặc thiệt hại đối với đối tượng bảo hiểm, bao gồm chi phí sửa chữa, thay thế hoặc làm lại bất kỳ bộ phận nào có khuyết tật buộc phải loại bỏ do phát hiện có ẩn tỳ. Trong mọi trường hợp bảo hiểm này không bảo hiểm chi phí hàn lại các mối hàn hỏng;
 - + Trong trường hợp hạ thủy tàu không thành công, Người bảo hiểm chịu mọi chi phí phát sinh sau này để hoàn thành việc hạ thủy;
 - + Bảo hiểm cho những tổn thất, thiệt hại của tàu gây ra bởi rủi ro ô nhiễm hoặc nguy cơ ô nhiễm trực tiếp gây ra bởi hư hỏng của tàu mà Người bảo hiểm phải chịu trách nhiệm;
 - + Bồi thường những tổn thất hoặc thiệt hại gây ra, phát sinh do lỗi thiết kế của bất kỳ bộ phận hay những bộ phận nào của đối tượng bảo hiểm;
 - + Bồi thường thiệt hại đối với các trách nhiệm đâm va trong khi hành thủy;
 - + Trách nhiệm dân sự chủ tàu (P&I).

➤ **Bảo hiểm thân tàu thủy nội địa**

- Đối tượng bảo hiểm: vỏ tàu, máy tàu và các trang thiết bị trên tàu.
- Phạm vi bảo hiểm:
 - + Đâm va với tàu, thuyền, máy bay, phương tiện vận chuyển trên bờ hay dưới nước;
 - + Đắm, mắc cạn, đâm va vào đá, vật thể ngầm hay nổi trôi, cố định, cầu, phà, đà, công trình đê, đập, kè, cầu cảng;
 - + Cháy nổ ngay trên tàu hoặc ở nơi khác;
 - + Mất tích;
 - + Động đất, sụt lở, núi lửa phun;
 - + Bão tố, sóng thần, gió lốc hay sét đánh;
 - + Tai nạn xảy ra trong lúc xếp dỡ di chuyển hàng hóa, nguyên nhiên vật liệu hay khi tàu đang neo đậu lên đà sửa chữa ở xưởng;
 - + Sơ xuất của thuyền trưởng, sỹ quan, thủy thủ, hoa tiêu hoặc của người sửa chữa với điều kiện người + sửa chữa không phải là người được bảo hiểm;
 - + Vứt bỏ tài sản khỏi tàu trong trường hợp cần thiết và hợp lý;
 - + Nổ nồi hơi, gãy trục cơ hoặc hư hỏng do khuyết tật gây ra;
 - + Chủ tàu còn được bồi thường cho những tổn thất của tàu gây ra từ quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nhằm phòng ngừa hay hạn chế nguy cơ/rủi ro ô nhiễm.

➤ **Bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ tàu thủy nội địa**

- Đối tượng bảo hiểm: Trách nhiệm dân sự chủ tàu cho các chủ phương tiện thủy nội địa có đăng ký, đăng kiểm theo quy định của pháp luật Việt Nam hoạt động trên đường thủy nội địa Việt Nam.
- Phạm vi bảo hiểm:
 - + Chi phí liên quan đến ô nhiễm dầu;
 - + Chi phí liên quan đến đánh dấu, di chuyển xác tàu;
 - + Chi phí cần thiết và hợp lý trong việc ngăn ngừa và hạn chế tổn thất, trợ giúp cứu nạn;
 - + Chi phí liên quan đến tố tụng, tranh chấp, khiếu nại về trách nhiệm dân sự;
 - + Chi phí liên quan đến thiệt hại thân thể hay tổn thất vật chất với thuyền viên hay người thứ 3 không phải thuyền viên trên tàu được bảo hiểm;
 - + Chi phí do gây thiệt hại với các vật thể cố định hay di động;
 - + Trách nhiệm đâm va;
 - + Trách nhiệm với hàng hóa được chuyên chở trên tàu được bảo hiểm;
 - + Trách nhiệm với hành khách;
 - + Trách nhiệm đối với phương tiện được lai kéo.

➤ **Bảo hiểm thân tàu cá**

- Đối tượng bảo hiểm: Vỏ tàu, máy tàu và các trang thiết bị trên tàu; Ngư lưới cụ và trang thiết bị đánh bắt hải sản.

- Phạm vi bảo hiểm:

- + Đâm va với tàu, thuyền, máy bay, phương tiện vận chuyển trên bờ hay dưới nước;
- + Đắm, mắc cạn, đâm va vào đá, vật thể ngầm hay nổi trôi, cố định, cầu, phà, đà, công trình đê, đập, kè, cầu cảng;
- + Cháy nổ ngay trên tàu hoặc ở nơi khác;
- + Mất tích;
- + Động đất, sạt lở, núi lửa phun;
- + Bão tố, sóng thần, gió lốc hay sét đánh;
- + Tai nạn xảy ra trong lúc xếp dỡ di chuyển hàng hóa, nguyên nhiên vật liệu hay khi tàu đang neo đậu lên đà sửa chữa ở xưởng;
- + Sơ xuất của thuyền trưởng, sỹ quan, thủy thủ, hoa tiêu hoặc của người sửa chữa với điều kiện người + sửa chữa không phải là người được bảo hiểm;
- + Vứt bỏ tài sản khỏi tàu trong trường hợp cần thiết và hợp lý;
- + Nổ nồi hơi, gãy trục cơ hoặc hư hỏng do khuyết tật gây ra;
- + Khi chủ tàu tham gia bảo hiểm thân tàu, BSH có thể nhận bảo hiểm cho ngư lưới cụ và trang thiết bị đánh bắt thủy hải sản trong trường hợp ngư lưới cụ và các trang thiết bị này bị mất khi tàu bị tổn thất toàn bộ.
- + Chủ tàu còn được bồi thường cho những tổn thất của tàu gây ra từ quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nhằm phòng ngừa hay hạn chế nguy cơ/rủi ro ô nhiễm.

➤ **Bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ tàu cá**

- Đối tượng bảo hiểm: Trách nhiệm dân sự chủ tàu cho các chủ tàu cá có đăng ký, đăng kiểm theo các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

- Phạm vi bảo hiểm:

- + Chi phí liên quan đến ô nhiễm dầu;
- + Chi phí liên quan đến đánh dấu, di chuyển xác tàu;
- + Chi phí cần thiết và hợp lý trong việc ngăn ngừa và hạn chế tổn thất, trợ giúp cứu nạn;
- + Chi phí liên quan đến tố tụng, tranh chấp, khiếu nại về trách nhiệm dân sự;
- + Chi phí liên quan đến thiệt hại thân thể hay tổn thất vật chất với thuyền viên hay người thứ 3 không phải thuyền viên trên tàu được bảo hiểm;
- + Chi phí do gây thiệt hại với các vật thể cố định hay di động;
- + Trách nhiệm đâm va;
- + Trách nhiệm với hàng hóa, sản phẩm thủy hải sản được chuyên chở trên tàu được bảo hiểm.

➤ **Bảo hiểm tai nạn thuyền viên**

- Đối tượng bảo hiểm: Thuyền trưởng, thuyền phó, máy trưởng, máy phó, các sỹ quan, thủy thủ, thợ máy, nhân viên phục vụ, cán bộ khoa học kỹ thuật làm công tác nghiên cứu, chuyên gia, thực tập sinh hoặc những người lao động chính, lao động phụ làm việc trên tàu, thuyền hoặc phương tiện thủy.
- Phạm vi bảo hiểm: Tai nạn thuộc phạm vi bảo hiểm là những tai nạn bất ngờ xảy ra làm thuyền viên được bảo hiểm bị chết, thương tật thân thể hoặc mất tích khi họ đang làm việc và sinh hoạt trên các phương tiện lưu thông trên sông, hồ, kênh rạch, đầm, phá, vùng biển của Việt Nam hoặc trong lúc đang thừa hành công việc ở trên bờ hoặc dưới nước.

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong 2 năm gần nhất

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh – Công ty mẹ

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% Tăng giảm	Quý I/2023	Quý I/2022	% Tăng giảm so với quý I/2022
Tổng tài sản	3.642.057	3.662.647	0,57%	3.684.819	3.631.882	1,46%
Vốn chủ sở hữu	1.249.813	1.221.930	-2,23%	1.232.915	1.262.994	-2,38%
Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	2.822.533	2.712.326	-3,90%	609.144	614.592	-0,89%
Doanh thu kinh doanh bất động sản	9.538	-	(*)	-	-	
Doanh thu hoạt động tài chính	161.106	330.392	105,08%	17.640	24.193	-27,09%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm	222.181	-95.873	(*)	13.675	24.522	-44,23%
Lợi nhuận khác	-714	1.497	(*)	-141	-237	-40,51%
Lợi nhuận kế toán trước thuế	257.436	26.997	-89,51%	10.778	14.671	-26,54%
Lợi nhuận sau thuế	208.217	26.015	-87,51%	10.986	13.181	-16,65%

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2022, BCTC riêng Quý I/2023 của BSH

(*): Không tính do số liệu so sánh âm

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh – Hợp nhất

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% Tăng giảm	Quý I/2023	Quý I/2022	% Tăng giảm so với quý I/2022
Tổng tài sản	3.637.756	3.662.086	0,67%	3.682.532	3.642.516	1,10%
Vốn chủ sở hữu	1.233.383	1.209.303	-1,95%	1.212.871	1.245.760	-2,64%
Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	2.829.296	2.718.329	-3,92%	612.087	618.403	-1,02%
Doanh thu kinh doanh bất động sản	9.538	-	(*)	-	-	-
Doanh thu hoạt động tài chính	167.817	345.019	105,59%	17.921	25.941	-30,92%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm	221.884	-94.479	(*)	13.986	26.258	-46,74%
Lợi nhuận khác	-704	1.487	(*)	-137	207	(*)
Lợi nhuận kế toán trước thuế	255.975	34.286	-86,61%	8.177	16.131	-49,31%
Lợi nhuận sau thuế	206.755	33.304	-83,89%	8.385	14.642	-42,73%
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	207.048	31.846	-84,82%	8.905	14.350	-37,94%
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	-292	1.458	(*)	-520	292	(*)
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	24,15%	-	(*)	-	-	-
Giá trị sổ sách	12.296	12.048	-2,02%	12.128	12.458	-2,65%

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2022, BCTC hợp nhất Quý I/2023 của BSH

(*): Không tính do số liệu so sánh âm

Năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh của BSH ghi nhận mức lợi nhuận tăng đột biến so với cùng kỳ năm trước (năm 2020, doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế đạt lần lượt là 1.769,07 tỷ đồng và 15,76 tỷ đồng). Nguyên nhân do BSH thay đổi phương pháp trích lập dự phòng toán học áp dụng với sản phẩm bảo hiểm sức khỏe chỉ bảo hiểm cho trường hợp chết, thương tật toàn bộ vĩnh viễn (Bảo An Tín) từ năm tài chính 2021 theo Văn bản số 9240/BTC-QLBH ngày

31/07/2020 của Bộ Tài chính.

Năm 2021 là năm đầu tiên BSH áp dụng phương pháp trích lập dự phòng mới, phân chênh lệch dự phòng giữa phương pháp cũ và phương pháp mới được hoàn nhập trong năm 2021, dẫn tới lợi nhuận năm 2021 tăng cao, lợi nhuận trước thuế năm 2021 của BSH đạt 255,96 tỷ đồng. Phân chênh lệch dự phòng được hoàn nhập trong năm 2021 là 222.108.715.777 đồng đến từ sản phẩm Bảo An Tín, cụ thể như sau:

	Năm 2020	Năm 2021	Số hoàn nhập làm tăng LNTT năm 2021
	(1)	(2)	(2) - (1)
Dự phòng phí bảo hiểm gốc (đồng)	-412.790.558.215	-133.582.626.182	279.207.932.033
Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm (đồng)	83.276.695.928	26.172.416.404	-57.104.279.524
Hoa hồng bảo hiểm gốc (đồng)	-82.314.249.661	-26.716.525.236	55.597.724.425
Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm (đồng)	81.194.778.530	25.602.117.373	-55.592.661.157
Số hoàn nhập làm tăng lợi nhuận trước thuế năm 2021			222.108.715.777

Năm 2022 là năm đầu tiên BSH vượt mốc 3.000 tỷ đồng doanh thu phí bảo hiểm gốc, từng bước khẳng định vị thế trên thị trường. Kết thúc năm 2022, doanh thu phí bảo hiểm gốc của BSH đạt 3.061 tỷ đồng, lớn hơn năm 2021 là 355 tỷ đồng, tương ứng mức tăng trưởng 13,12%, trong đó Bảo hiểm tài sản kỹ thuật – hàng hóa đạt tốc độ tăng trưởng cao nhất là 17,5%, theo sau đó là bảo hiểm Xe cơ giới tăng 14,1%, Bảo hiểm Con người tăng 8,7%. Mặc dù doanh thu phí bảo hiểm gốc tăng nhưng doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm của BSH năm 2022 thấp hơn 111 tỷ đồng so với năm 2021, đạt 2.718 tỷ đồng, tương ứng giảm 3,92%, nguyên nhân chủ yếu do giảm hoa hồng nhượng tái bảo hiểm.

Doanh thu kinh doanh bất động sản của BSH năm 2021 đạt 9,54 tỷ đồng, chủ yếu đến từ việc cho thuê bất động sản đầu tư (là các bất động sản không dùng, đang để cho thuê). Trong năm 2022, BSH không còn doanh thu kinh doanh bất động sản.

Doanh thu hoạt động tài chính của BSH năm 2022 đạt 330,39 tỷ đồng, tăng trưởng 105,08% so với năm 2021 đạt 161,11 tỷ đồng. Doanh thu hoạt động tài chính tăng mạnh chủ yếu đến từ lãi kinh doanh chứng khoán, đây cũng chính là một kênh đầu tư rất hiệu quả của BSH và mang lại lợi nhuận lớn.

Lợi nhuận khác của BSH năm 2022 đạt 1,49 tỷ đồng, tăng 2,1 tỷ đồng so với năm 2021. Đây là khoản đến từ việc thanh lý tài sản, thu nộp vượt nguồn, tiền lẻ khách trả và các chi phí khác như phạt thuế, bảo hiểm xã hội, tiền lẻ khách thiếu. Nguyên nhân dẫn đến sự chênh lệch giữa năm 2022 và năm 2021 là do trong năm 2021, thanh tra thuế tính lại doanh thu và chi phí của năm 2019 và 2020, vì vậy BSH phải đóng thêm số tiền là 6,3 tỷ đồng bao gồm tiền truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, giảm thuế giá trị gia tăng được khấu trừ và nộp phạt

do chậm đóng thuế của năm 2019-2020.

Lợi nhuận sau thuế của BSH năm 2022 đạt 33,3 tỷ đồng, thấp hơn 173,45 tỷ đồng so với năm 2021, tương ứng giảm 83,89%. Năm 2022, lợi nhuận sau thuế của BSH giảm mạnh so với năm 2021 do lợi nhuận năm 2021 tăng đột biến như đã trình bày ở trên. So với các năm 2019, 2020, lợi nhuận sau thuế năm 2022 tăng lần lượt là 988,24% và 111,29%.

8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1. Vị thế của công ty trong ngành

BSH đã và đang là một trong các thương hiệu bảo hiểm phi nhân thọ có uy tín trên thị trường bảo hiểm phi nhân thọ tại Việt Nam. Các sản phẩm, dịch vụ bảo hiểm do BSH cung cấp góp phần hỗ trợ khách hàng ổn định hoạt động kinh doanh, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững, dài hạn. Hiện nay mạng lưới của BSH có mặt tại hầu khắp các tỉnh, thành trên toàn quốc, với 52 đơn vị thành viên, hơn 60 phòng kinh doanh và hơn 1.600 cán bộ nhân viên giàu kinh nghiệm luôn sẵn sàng phục vụ khách hàng tại hầu hết các khu vực, tỉnh thành trên toàn quốc và một công ty con tại Lào.

Trong Bảng công bố xếp hạng FAST500 năm 2022, BSH đã vinh dự đứng thứ 25/500 của Bảng xếp hạng FAST500 năm 2022 – Top 500 Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam. Trong đó, thứ hạng của BSH còn đứng trên nhiều doanh nghiệp bảo hiểm lớn trên thị trường bảo hiểm Việt Nam. Bảng xếp hạng FAST500 năm 2022 nhằm tôn vinh những doanh nghiệp năng động, những doanh nghiệp tăng trưởng nhanh và bền vững.

Ngày 01/07/2022, Công ty cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) chính thức công bố danh sách Top 10 Công ty bảo hiểm phi nhân thọ uy tín năm 2022. Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội 2 năm liền trong TOP 10 doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ uy tín tại Việt Nam. Uy tín của các công ty bảo hiểm được đánh giá khách quan và độc lập, căn cứ theo kết quả đánh giá năng lực tài chính doanh nghiệp; đánh giá uy tín doanh nghiệp trên truyền thông theo phương pháp Media coding và khảo sát khách hàng, các doanh nghiệp bảo hiểm và chuyên gia trong ngành được thực hiện trong tháng 06/2022.



Nguồn: Vietnam Report

Bên cạnh đó, Một số giải thưởng đáng chú ý trong năm 2022 mà BSH đã đạt được có thể kể đến như:

- Top 10 Nơi Làm Việc Tốt Nhất Ngành Bảo Hiểm Phi Nhân Thọ 2022;
- Top 10 Sản Phẩm - Dịch Vụ Tin Dùng Năm 2022 - Sản phẩm Bảo hiểm sức khoẻ TOPCARE;
- Top 10 Sản Phẩm Chất Lượng Tốt Được Người Việt Tin Dùng Năm 2022 - Ứng dụng hỗ trợ quản lý, bán hàng đa kênh B-Omni;
- Bằng khen Của UBND TP.Hà Nội trong phong trào “Thi Đua Phát Triển Văn Hóa Doanh Nghiệp Năm 2022”.

8.2. Triển vọng phát triển của ngành

Khảo sát các doanh nghiệp bảo hiểm do Vietnam Report thực hiện chỉ ra Top 3 cơ hội lớn nhất của ngành bảo hiểm trong thời gian tới bao gồm: (1) Công nghệ phát triển mạnh mẽ, ứng dụng trong tất cả các giai đoạn của chuỗi giá trị bảo hiểm; (2) Nhận thức và hiểu biết của người dân về bảo hiểm ngày càng được cải thiện; (3) Triển vọng kinh tế vĩ mô phục hồi và bước vào giai đoạn “bình thường mới”.

Đáng chú ý phải kể đến việc Quốc hội khóa XV đã thông qua Luật Kinh doanh bảo hiểm (sửa đổi) tại kỳ họp thứ 3 (Luật số 08/2022/QH15) vào ngày 16/06/2022 và bắt đầu có hiệu lực từ ngày 01/01/2023 được kỳ vọng sẽ có nhiều tác động đến thị trường bảo hiểm theo hướng tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc hiện hành. Bên cạnh đó Luật Kinh doanh bảo hiểm với những thay đổi được kỳ vọng sẽ kiến tạo thị trường, tạo cơ hội cho thị trường bảo hiểm phát triển lành mạnh và chuyên nghiệp, cho phép doanh nghiệp bảo hiểm chủ động hơn trong thiết kế, xây dựng và triển khai sản phẩm bảo hiểm.

Mặc dù phát triển khá mạnh song hiện nay, quy mô thị trường bảo hiểm Việt Nam còn khiêm tốn so với nhiều nước trên thế giới, với tỉ lệ doanh thu phí bảo hiểm/GDP còn thấp (khoảng 3%) so với các nước tiên tiến trong khu vực (10%) và trên thế giới (7%), số lượng người tham gia bảo hiểm nhân thọ chiếm khoảng 11% dân số¹. Trong khi đó, cùng với sự phát triển của nền kinh tế, cuộc sống người dân được cải thiện, nhu cầu bảo hiểm trong khu vực công, khu vực công nghiệp, thương mại, hộ gia đình và dân cư đang ngày càng cao và đa dạng đòi hỏi có những sản phẩm bảo hiểm linh hoạt, phong phú và toàn diện. Dư địa phát triển tại thị trường bảo hiểm Việt Nam dành cho các doanh nghiệp còn rất lớn... đồng thời ngành Bảo hiểm cũng đang nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Chính phủ. Sự quan tâm của Chính phủ được cụ thể hóa trong Chiến lược phát triển thị trường Bảo hiểm Việt Nam đến năm 2030 do Bộ Tài chính dự thảo. Mục tiêu đặt ra đối với thị trường bảo hiểm Việt Nam là hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách về kinh doanh bảo hiểm đầy đủ, minh bạch, bình đẳng và đồng bộ, tiếp cận các chuẩn mực, thông lệ quốc tế về kinh doanh bảo hiểm, tạo thuận lợi cho sự phát triển toàn diện thị trường bảo hiểm, bảo đảm thực hiện các nghĩa vụ cam kết quốc tế của Việt Nam. Bên cạnh đó, Chiến lược đặt ra mục tiêu nâng cao tính an toàn hệ thống, bền vững và hiệu quả của thị trường; góp phần ổn định nền kinh tế và bảo đảm an sinh xã hội; Đẩy mạnh chuyển đổi số nhằm tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân thuận tiện nhất trong việc tham gia bảo hiểm; Tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước về kinh doanh bảo hiểm; đẩy mạnh hợp tác quốc tế và hội nhập trong lĩnh vực bảo hiểm. Mục tiêu đến năm 2030, phát triển thị trường bảo hiểm Việt Nam đạt được quy mô bằng 3,3-3,5% GDP; có 18% dân số tham gia bảo hiểm nhân thọ. Tốc độ tăng trưởng bình

¹ <https://consosukien.vn/phat-trien-thi-truong-bao-hiem-viet-nam-den-nam-2030.htm>

quân về tổng tài sản, tổng số tiền đầu tư, tổng dự phòng nghiệp vụ, tổng nguồn vốn chủ sở hữu tăng bình quân 15%/năm giai đoạn 2021-2025 và 10%/năm giai đoạn 2026- 2030. Tốc độ tăng trưởng doanh thu cung cấp sản phẩm bảo hiểm trên môi trường mạng đạt bình quân 10%/ năm trong giai đoạn 2023-2030. Phí bảo hiểm bình quân đầu người đạt 3 triệu đồng năm 2025, 5 triệu đồng năm 2030.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1. Tình hình lao động

Chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển của BSH, vì vậy Tổng Công ty luôn đặt mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp lên hàng đầu trong chiến lược phát triển của mình.

Tính đến thời điểm ngày 31/03/2023, tổng số lao động trong Tổng Công ty là 1.640 người. Cơ cấu lao động cụ thể như sau:

Cơ cấu lao động của Tổng Công ty

TT	Trình độ	Số người	Tỷ lệ
I	Phân theo trình độ	1.640	100%
1	Trên đại học	56	3,41%
2	Trình độ đại học và tương đương	1150	70,12%
3	Trình độ cao đẳng, trung cấp	261	15,91%
4	Công nhân kỹ thuật, cao đẳng nghề, trung cấp, trung cấp nghề	173	10,55%
II	Phân theo hợp đồng lao động	1.640	100%
1	Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ	0	0%
2	Lao động không xác định thời hạn	574	35%
3	Lao động hợp đồng thời hạn từ 1-3 năm	995	60,67%
4	Khác	71	4,33%

Nguồn: BSH

9.2. Chính sách đối với người lao động

Chế độ làm việc

Người lao động trong Tổng Công ty đều có hợp đồng lao động theo đúng Luật lao động. Người lao động được hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo đúng quy định. Công ty thực hiện chế độ làm việc 5 ngày/tuần và 8 giờ/ngày.

Tổng Công ty thực hiện chế độ làm thêm giờ, chế độ thai sản, chăm sóc con nhỏ theo đúng Luật hiện hành.

Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Nhận thức được tầm quan trọng của nguồn nhân lực trong sự phát triển của Tổng Công ty, BSH đặc

biệt chú trọng tới việc đào tạo và phát triển nguồn nhân lực. BSH thường xuyên tổ chức đào tạo nội bộ, đồng thời khuyến khích nhân viên nâng cao trình độ thông qua việc tham gia các khoá học bên ngoài do BSH đài thọ. Bên cạnh đó BSH còn tạo điều kiện, hỗ trợ về mặt thời gian cho những lao động có nhu cầu học.

Chính sách lương, thưởng

Tổng Công ty trả đủ lương cơ bản hàng tháng cho người lao động theo quy định của Nhà nước. Tiền lương và tiền thưởng trả cho người lao động trong BSH căn cứ vào hiệu quả kinh doanh, chức danh công việc và chế độ tiền lương do Nhà nước, BSH qui định nhằm khuyến khích người lao động phát huy tính chủ động, sáng tạo để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Chế độ phúc lợi

Bên cạnh chính sách về lương, thưởng, BSH cũng quan tâm đến đời sống tinh thần của người lao động thông qua việc phối hợp với Công đoàn để tổ chức cho người lao động được đi nghỉ mát, tham quan, du lịch hàng năm. BSH thực hiện chi chế độ cho các dịp lễ, tết và các trường hợp phát sinh thực tế như kết hôn, ốm đau, tử tuất, thai sản, hưu trí. Toàn thể CBNV làm việc tại BSH đều được nhận chế độ phúc lợi theo các mức khác nhau căn cứ vào hình thức hợp đồng lao động và thời gian ký hợp đồng lao động của mỗi CBNV.

❖ Mức lương bình quân:

TT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022
1	Tổng số lao động (người)	1.648	1.651
2	Thu nhập BQ (đồng/người/tháng)	13.564.299	14.433.862

Nguồn: BSH

10. Chính sách cổ tức

Theo Điều lệ của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn – Hà Nội, Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức theo quy định của Pháp luật. Cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Tổng công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất một cách trung thực sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.

Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Tổng công ty.

Tổng công ty không trả lãi cho bất cứ một khoản cổ tức hay khoản tiền nào khác có thể được chi trả liên quan tới một cổ phiếu.

Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc từng phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (có thể bằng các cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán hết tiền mua do Tổng công ty khác phát hành) và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.

Cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một cổ phiếu nếu được chi trả bằng tiền mặt sẽ phải được thực hiện bằng tiền đồng Việt Nam và có thể được thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của Cổ đông thụ hưởng và nếu có rủi ro phát sinh thì Cổ đông đó



phải chịu. Ngoài ra, mọi khoản cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một cổ phiếu có thể được thực hiện bằng chuyển khoản ngân hàng khi Tổng công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của Cổ đông nhằm cho phép Tổng công ty thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của Cổ đông. Nếu Tổng công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do Cổ đông cung cấp thì Tổng công ty không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ khoản tiền nào được Tổng công ty chuyển cho Cổ đông thụ hưởng mà Cổ đông đó không nhận được. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký.

Nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được quyền lựa chọn để nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Những cổ phần bổ sung này được ghi là những cổ phần đã thanh toán hết tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần phổ thông bổ sung thay thế cho khoản cổ tức tiền mặt phải tương đương với số tiền mặt của cổ tức theo sự tính toán sát thực nhất.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết của mình có thể quy định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông (ngày khóa sổ). Đó cũng chính là ngày khóa sổ hoạt động kinh doanh của Tổng công ty mà theo đó những người đăng ký với tư cách Cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khóa sổ này có thể là cùng ngày hoặc vào bất cứ thời điểm nào trước khi việc nhận các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan.

Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Nguyên tắc xử lý lỗ trong kinh doanh: Tổng công ty thực hiện việc xử lý lỗ theo nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

Tình hình chi trả cổ tức của BSH trong 2 năm gần đây như sau:

Năm	Tỷ lệ cổ tức	Hình thức cổ tức	Thời gian trả cổ tức
Năm 2021	5%	Tiền mặt	Tháng 9/2022
Năm 2022	-	-	-

Nguồn: BSH

11. Tình hình hoạt động tài chính

11.1. Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty tính bằng đồng Việt Nam, được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

a) Trích khấu hao Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc. Tài sản cố định của Tổng Công ty được khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính. Thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản cố định của Tổng Công ty hiện tại như sau:

- Nhà cửa: 25 năm
- Phương tiện vận tải: 10 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý: 08 năm
- Tài sản cố định khác: 05 năm
- Phần mềm máy tính: 03 năm

b) Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Hiện nay Tổng Công ty không có các khoản nợ quá hạn. Tổng Công ty luôn thanh toán đúng và đầy đủ các khoản nợ và các khoản vay khi đến hạn.

c) Các khoản phải nộp theo luật định

Các khoản phải nộp theo luật định – Công ty mẹ

Đơn vị: triệu đồng

KHOẢN MỤC	31/12/2021	31/12/2022	31/03/2023
Thuế GTGT	14.849	15.225	10.639
Thuế thu nhập doanh nghiệp	46.019	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	2.083	1.614	1.139
Thuế khác	1.825	192	166
Tổng cộng	64.776	17.031	11.944

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2022, BCTC riêng Quý I/2023 của BSH

Các khoản phải nộp theo luật định – Tổng Công ty

Đơn vị: triệu đồng

KHOẢN MỤC	31/12/2021	31/12/2022	31/03/2023
Thuế GTGT	14.994	15.285	10.760
Thuế thu nhập doanh nghiệp	46.019	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	2.144	1.676	1.197
Thuế khác	1.825	192	166
Tổng cộng	64.982	17.153	12.123

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2022, BCTC hợp nhất Quý I/2023 của BSH

d) Trích lập các quỹ theo luật định

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, việc trích lập và sử dụng các quỹ hàng năm sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Tổng Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty và quy định của pháp luật hiện hành.

Số dư các quỹ - Công ty mẹ

Đơn vị: triệu đồng

TT	Khoản mục	31/12/2021	31/12/2022	31/03/2023
1	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.666	7.402	7.226
2	Quỹ đầu tư phát triển	1.503	1.503	1.503
3	Quỹ dự trữ bắt buộc	19.794	21.095	21.095
Tổng cộng		24.963	30.000	29.824

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2022, BCTC riêng Quý I/2023 của BSH

Số dư các quỹ - Hợp nhất

Đơn vị: triệu đồng

TT	Khoản mục	31/12/2021	31/12/2022	31/03/2023
1	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.666	7.402	7.226
2	Quỹ đầu tư phát triển	1.503	1.503	1.503
3	Quỹ dự trữ bắt buộc	19.794	21.095	21.095
Tổng cộng		24.963	30.000	29.824

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2022, BCTC hợp nhất Quý I/2023 của BSH

e) Tổng dư nợ vay

Với lượng tiền gửi ngân hàng và tài sản ngắn hạn dồi dào, BSH hầu như không phải thực hiện vay nợ. Điều này giúp cho hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty không phải chịu áp lực lãi vay.

f) Tình hình công nợ hiện nay

Các khoản phải thu – Công ty mẹ

Đơn vị: triệu đồng

KHOẢN MỤC	31/12/2021	31/12/2022	31/03/2023
Phải thu ngắn hạn	928.423	1.187.457	731.427
Phải thu ngắn hạn khách hàng	269.190	232.465	247.399
Trả trước cho người bán ngắn hạn	14.128	6.976	5.100
Phải thu ngắn hạn khác	-	-	546.083
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-62.511	-68.085	-69.897
Tài sản thiếu chờ xử lý	2.791	2.741	2.741
Phải thu dài hạn	18.020	21.203	155.819
Phải thu dài hạn khác	18.020	21.203	155.819
Tổng cộng	946.443	1.208.660	887.246

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2022, BCTC riêng Quý I/2023 của BSH

Các khoản phải thu – Hợp nhất

Đơn vị: triệu đồng

KHOẢN MỤC	31/12/2021	31/12/2022	31/03/2023
Phải thu ngắn hạn	925.970	1.185.264	731.118
Phải thu ngắn hạn khách hàng	266.831	230.402	247.280
Trả trước cho người bán ngắn hạn	14.128	6.976	5.487
Phải thu ngắn hạn khác	705.645	1.013.966	546.703
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-63.425	-68.821	-71.094
Tài sản thiếu chờ xử lý	2.791	2.741	2.741
Phải thu dài hạn	33.994	40.839	171.183
Phải thu dài hạn khác	33.994	40.839	171.183
Tổng cộng	959.964	1.226.103	902.301

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2022, BCTC hợp nhất Quý I/2023 của BSH

Các khoản phải trả - Công ty mẹ

Đơn vị: triệu đồng

KHOẢN MỤC	31/12/2021	31/12/2022	31/03/2023
Tổng nợ ngắn hạn	2.392.182	2.440.526	2.451.903
Phải trả người bán ngắn hạn	225.247	208.123	231.295
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	10.201	5.899	4.558
Thuế và các khoản phải nộp NN	64.776	17.031	11.944
Phải trả người lao động	55.610	49.426	19.644
Chi phí phải trả ngắn hạn	95.320	44.036	19.504
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	22.626	46.684	60.040
Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	54.950	37.309	32.650
Phải trả ngắn hạn khác	24.360	37.797	30.184
Quỹ khen thưởng phúc lợi	3.666	7.402	7.226
Dự phòng nghiệp vụ	1.835.427	1.986.791	2.034.859
Tổng nợ dài hạn	61	191	-
Phải trả dài hạn khác	9	-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	52	191	-
Tổng cộng	2.392.244	2.440.717	2.451.903

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2022, BCTC riêng Quý I/2023 của BSH

Các khoản phải trả - Hợp nhất

Đơn vị: triệu đồng

KHOẢN MỤC	31/12/2021	31/12/2022	31/03/2023
Tổng nợ ngắn hạn	2.404.312	2.452.592	2.469.660
Phải trả người bán ngắn hạn	225.565	208.080	233.255
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	10.201	5.899	4.558
Thuế và các khoản phải nộp NN	64.981	17.153	12.123
Phải trả người lao động	55.762	49.587	19.632
Chi phí phải trả ngắn hạn	95.722	44.566	20.025
Phải trả nội bộ ngắn hạn	-	-	298
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	22.677	46.716	60.040
Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	54.950	37.309	32.650
Phải trả ngắn hạn khác	24.601	38.134	30.161
Quỹ khen thưởng phúc lợi	3.666	7.402	7.226
Dự phòng nghiệp vụ	1.846.187	1.997.745	2.049.692
Tổng nợ dài hạn	61	191	-
Phải trả dài hạn khác	9	-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	52	191	-
Tổng cộng	2.404.373	2.452.783	2.469.660

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2022, BCTC hợp nhất Quý I/2023 của BSH

g) Tài sản tái bảo hiểm

Tài sản tái bảo hiểm – Công ty mẹ

Đơn vị: triệu đồng

KHOẢN MỤC	31/12/2021	31/12/2022	31/03/2023
Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	144.742	139.481	127.838
Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	223.311	191.481	188.298
Tổng cộng	368.053	330.961	316.136

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2022, BCTC riêng Quý I/2023 của BSH

Tài sản tái bảo hiểm – Hợp nhất

Đơn vị: triệu đồng

KHOẢN MỤC	31/12/2021	31/12/2022	31/03/2023
Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	144.742	139.481	130.766
Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	223.311	191.481	189.295
Tổng cộng	368.053	330.961	320.061

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2022, BCTC hợp nhất Quý I/2023 của BSH

h) Đầu tư tài chính ngắn hạn và trích lập dự phòng

Đầu tư tài chính ngắn hạn và trích lập dự phòng – Công ty mẹ

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	31/12/2021	31/12/2022	31/03/2023
1	Chứng khoán kinh doanh (cổ phiếu). Trong đó:			
	- Giá gốc	2.851	124.857	114.853
	- Dự phòng	-	-24.072	-10.009
2	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	773.660	613.000	756.001
	Tổng cộng	776.511	713.785	860.845

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2022, BCTC riêng Quý I/2023 của BSH

Đầu tư tài chính ngắn hạn và trích lập dự phòng – Hợp nhất

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	31/12/2021	31/12/2022	31/03/2023
3	Chứng khoán kinh doanh (cổ phiếu). Trong đó:			
	- Giá gốc	2.851	124.857	114.854
	- Dự phòng	-	-24.072	-10.009
4	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	788.025	628.463	768.334
	Tổng cộng	790.876	729.248	873.179

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2022, BCTC hợp nhất Quý I/2023 của BSH

i) **Đầu tư tài chính dài hạn và trích lập dự phòng**

Đầu tư tài chính dài hạn và trích lập dự phòng – Công ty mẹ

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	31/12/2021	31/12/2022	31/03/2023
1	Đầu tư vào công ty con	36.424	36.424	36.424
2	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	1.016.841	908.116	1.248.434
3	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	300.000	279.503	75.000
Tổng cộng		1.353.265	1.224.043	1.359.858

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2022, BCTC riêng Quý I/2023 của BSH

Đầu tư tài chính dài hạn và trích lập dự phòng – Hợp nhất

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	31/12/2021	31/12/2022	31/03/2023
1	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	1.016.841	908.116	1.248.435
2	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	300.000	279.503	75.000
Tổng cộng		1.316.841	1.187.619	1.323.435

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2022, BCTC hợp nhất Quý I/2023 của BSH

j) **Dự phòng nghiệp vụ**

Các quỹ dự phòng nghiệp vụ bao gồm dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ và dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe.

Tổng Công ty thực hiện trích lập các khoản dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm theo các phương pháp được quy định tại Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 01 tháng 7 năm 2017 của Bộ Tài chính ("Thông tư 50"), Công văn số 2555/BTC-QLBH ngày 07 tháng 3 năm 2018, Công văn số 5773/BTC-QLBH về phương pháp trích lập dự phòng phí chưa được hưởng theo tỷ lệ phần trăm và Công văn số 9240/BTC-QLBH ngày 31 tháng 7 năm 2020 của Bộ Tài chính như sau:

➤ **Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ:**

(i) *Dự phòng phí chưa được hưởng:*

Dự phòng phí chưa được hưởng được trích lập theo tỷ lệ phần trăm của tổng phí bảo hiểm hoặc theo hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm, cụ thể:

- Đối với bảo hiểm hàng hóa vận chuyển bằng đường bộ, đường biển, đường thủy nội địa, đường sắt và đường hàng không có thời hạn từ 01 năm trở xuống, dự phòng phí chưa được hưởng được trích lập bằng 25% trên tổng phí bảo hiểm.

- Đối với các nghiệp vụ bảo hiểm khác có thời hạn từ 01 năm trở xuống, dự phòng phí chưa được hưởng được trích lập bằng 50% tổng số phí bảo hiểm.
- Đối với các hợp đồng có thời hạn bảo hiểm trên 01 năm, dự phòng phí chưa được hưởng được trích lập theo hệ số thời gian của hợp đồng phương pháp 1/24.

(ii) Dự phòng bồi thường:

Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã khiếu nại nhưng chưa được giải quyết tại thời điểm cuối giai đoạn tài chính và dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm chưa khiếu nại.

- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa được giải quyết tại thời điểm cuối giai đoạn tài chính: Được trích lập cho từng nghiệp vụ bảo hiểm theo phương pháp ước tính số tiền bồi thường cho từng vụ tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm mà bên bảo hiểm đã thông báo tới hoặc đã yêu cầu công ty bảo hiểm bồi thường nhưng tại thời điểm cuối giai đoạn tài chính chưa được giải quyết theo quy định tại Thông tư 50;
- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu bồi thường (IBNR) được trích lập theo tỷ lệ 3% phí bảo hiểm đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm.

(iii) Dự phòng dao động lớn:

Dự phòng dao động luôn được tổng công ty trích lập hàng năm cho các dao động lớn về tổn thất. Tỷ lệ trích lập được Tổng công ty sử dụng trong năm là 1 % tổng phí giữ lại của từng loại hình bảo hiểm. Số dư quỹ dự phòng dao động lớn tối đa bằng 100 % mức phí giữ lại trong giai đoạn tài chính (không bao gồm nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe) của Tổng công ty.

Vào ngày 28 tháng 12 năm 2005, Bộ Tài chính đã ban hành quyết định số 100/2005/QĐ-BTC về việc ban hành bốn chuẩn mực kế toán ("CMKT") mới, bao gồm CMKT số 19 về Hợp đồng bảo hiểm. Theo đó, kể từ tháng 1 năm 2006, việc trích lập dự phòng lao động lớn là không cần thiết do dự phòng này phản ánh "các yêu cầu đòi bồi thường không tồn tại tại thời điểm lập báo cáo tài chính". Tuy nhiên, do Bộ Tài chính chưa có hướng dẫn cụ thể về việc áp dụng CMKT số 19 và theo quy định tại Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ("Nghị định 73") do Chính phủ ban hành ngày 01 tháng 7 năm 2016 về việc quy định chi tiết thi hành luật kinh doanh bảo hiểm và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm, Tổng công ty hiện vẫn trích lập dự phòng dao động lớn trên báo cáo tài chính hợp nhất cho ngày 31 tháng 12 năm 2022,

➤ **Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe:**

(i) Dự phòng toán học:

- Đối với hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm sức khỏe có thời hạn trên 01 năm, trừ các trường hợp chỉ bảo hiểm cho trường hợp chết, thương tật toàn bộ vĩnh viễn. Dự phòng toán học được trích lập theo phương pháp 1/8;
- Đối với các hợp đồng bảo hiểm sức khỏe chỉ bảo hiểm cho trường hợp chết, thương tật toàn bộ vĩnh viễn, dự phòng toán học được thiết lập như sau:

Đối với các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn từ 01 năm trở xuống: Phương pháp tỷ lệ phần trăm của tổng phí bảo hiểm.



Đối với các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn trên 01 năm: Phương pháp phí bảo hiểm thuận.

(ii) Dự phòng phí chưa được hưởng:

Đối với các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn từ một năm trở xuống, dự phòng phí chưa được hưởng trích lập bằng 50% của tổng phí bảo hiểm thuộc năm tài chính của nghiệp vụ bảo hiểm này.

Dự phòng nghiệp vụ - Công ty mẹ

Đơn vị: triệu đồng

	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận lãi	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm (tài sản tái bảo hiểm)	Dự phòng bảo hiểm thuận
Số đầu năm			
Dự phòng phí chưa được hưởng	1.198.018	-144.742	1.053.276
Dự phòng toán học và dự phòng phí chưa được hưởng cho nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe	220.782	-27.536	193.246
Dự phòng phí chưa được hưởng cho nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ	977.236	-117.206	860.030
Dự phòng bồi thường	547.756	-223.311	324.445
Dự phòng bồi thường đã thông báo nhưng chưa giải quyết	465.193	-213.266	251.927
Dự phòng bồi thường đã phát sinh nhưng chưa khiếu nại	82.563	-10.045	72.518
Dự phòng dao động lớn	89.653	-	89.653
TỔNG CỘNG	1.835.427	-368.053	1.467.374
Số cuối năm			
Dự phòng phí chưa được hưởng	1.406.524	-139.481	1.267.044
Dự phòng toán học và dự phòng phí chưa được hưởng cho nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe	288.243	-9.667	278.576
Dự phòng phí chưa được hưởng cho nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ	1.118.281	-129.814	988.467
Dự phòng bồi thường	513.674	-191.481	322.193
Dự phòng bồi thường đã thông báo nhưng chưa giải quyết	420.079	-183.434	236.645
Dự phòng bồi thường đã phát sinh nhưng chưa khiếu nại	93.595	-8.047	85.548
Dự phòng dao động lớn	66.593	-	66.593
TỔNG CỘNG	1.986.791	-330.961	1.655.830

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2022

Dự phòng nghiệp vụ - Hợp nhất

Đơn vị: triệu đồng

	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận lãi	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm (tài sản tái bảo hiểm)	Dự phòng bảo hiểm thuần
Số đầu năm			
Dự phòng phí chưa được hưởng	1.202.313	-144.742	1.057.571
Dự phòng toán học và dự phòng phí chưa được hưởng cho nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe	220.782	-27.536	193.246
Dự phòng phí chưa được hưởng cho nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ	981.531	-117.206	864.325
Dự phòng bồi thường	553.991	-223.311	330.680
Dự phòng bồi thường đã thông báo nhưng chưa giải quyết	471.195	-213.266	257.929
Dự phòng bồi thường đã phát sinh nhưng chưa khiếu nại	82.786	-10,045	72.752
Dự phòng dao động lớn	89.884	-	89.884
TỔNG CỘNG	1.846.187	-368.053	1.478.135
Số cuối năm			
Dự phòng phí chưa được hưởng	1.413.092	-139.481	1.273.612
Dự phòng toán học và dự phòng phí chưa được hưởng cho nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe	288.391	-9.667	278.724
Dự phòng phí chưa được hưởng cho nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ	1.124.702	-129.814	994.888
Dự phòng bồi thường	517.806	-191.481	326.326
Dự phòng bồi thường đã thông báo nhưng chưa giải quyết	423.923	-183.434	240.489
Dự phòng bồi thường đã phát sinh nhưng chưa khiếu nại	93.883	-8.047	85.837
Dự phòng dao động lớn	66.846	-	66.846
TỔNG CỘNG	1.997.745	-330.961	1.666.784

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2022

11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu tài chính – Công ty mẹ



Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2021	Năm 2022
<u>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</u>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,94	0,98
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,94	0,98
<u>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</u>			
Nợ/Tổng tài sản	%	65,68	66,64
Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	191,41	199,74
<u>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</u>			
Vòng quay hàng tồn kho	Lần	2.750,24	3.142,92
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Lần	0,78	0,74
<u>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</u>			
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	7,38	0,96
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	18,16	2,10
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	5,78	0,71
Lợi nhuận SXKD/Doanh thu thuần	%	9,15	0,94

Nguồn: tính toán từ BCTC riêng kiểm toán năm 2021, 2022 của BSH

Chỉ tiêu tài chính – Hợp nhất

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2021	Năm 2022
<u>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</u>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,94	0,98
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,94	0,98
<u>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</u>			
Nợ/Tổng tài sản	%	66,09	66,98
Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	194,94	202,83
<u>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</u>			
Vòng quay hàng tồn kho	Lần	2.661,98	2.949,98
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Lần	0,79	0,74
<u>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</u>			
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	7,31	1,23
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	18,35	2,62
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	5,75	0,91
Lợi nhuận SXKD/Doanh thu thuần	%	9,07	1,21

Nguồn: tính toán từ BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2021, 2022 của BSH

12. Tài sản

Giá trị tài sản cố định của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2022 – Công ty mẹ

Đơn vị giá trị: triệu đồng

TT	Khoản mục	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG (%)
I	Tài sản cố định hữu hình	10.197	3.955	38,79%
1	Máy móc thiết bị	3.174	620	19,53%
2	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6.612	3.147	47,60%
3	Tài sản cố định khác	411	188	45,74%
II	Tài sản cố định vô hình	2.186	-	0%
1	Phần mềm máy tính	2.186	-	0%
Tổng cộng		12.383	3.955	31,94%

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2022 của BSH

Giá trị tài sản cố định của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2022 – Hợp nhất

Đơn vị giá trị: triệu đồng

TT	Khoản mục	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG (%)
I	Tài sản cố định hữu hình	11.273	4.042	35,86%
1	Nhà cửa, vật, kiến trúc	228	33	14,47%
2	Máy móc thiết bị	3.214	621	19,32%
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	7.332	3.198	43,62%
4	Tài sản cố định khác	498	190	38,15%
II	Tài sản cố định vô hình	2.186	-	0%
1	Phần mềm máy tính	2.186	-	0%
Tổng cộng		13.459	4.042	30,03%

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2022 của BSH

13. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

13.1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	
		Giá trị	% tăng/ giảm
Vốn điều lệ (Triệu đồng)	1.000.000	1.000.000	-
Tổng doanh thu bảo hiểm (Triệu đồng)	3.042.629	3.700.000	21,61%
Doanh thu thuần hoạt động kinh	2.712.326	2.707.633	-0,17%

doanh bảo hiểm (Triệu đồng)			
Lợi nhuận trước thuế (Triệu đồng)	26.997	13.046	-51,68%
Lợi nhuận sau thuế (Triệu đồng)	26.015	10.437	-59,88%
Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	0,96%	0,39%	-0,57%
Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/ Vốn điều lệ	2,60%	1,04%	-1,56%
Tỷ lệ cổ tức	/	/	/

Nguồn: Theo Nghị quyết ĐHĐCD thường niên năm 2023 ngày 20/06/2023

Tại thời điểm cuối năm 2022, BSH đã xây dựng kế hoạch doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế năm 2023 tương ứng lần lượt là 3.034 tỷ đồng và 32 tỷ đồng. Tuy nhiên, sau khi phân tích, đánh giá thị trường kinh tế vĩ mô nói chung và thị trường bảo hiểm phi nhân thọ nói riêng trong năm 2023, BSH nhận thấy có nhiều khó khăn và thách thức có thể ảnh hưởng đến khả năng hoàn thành kế hoạch kinh doanh của BSH.

6 tháng đầu năm 2023, kinh tế vĩ mô của Việt Nam đạt mức tăng trưởng 3,72%, khá thấp so với GDP cùng kỳ giai đoạn 2011-2023, tăng trưởng GDP nửa đầu năm nay chỉ cao hơn tốc độ tăng 1,74% của nửa đầu năm 2020. Hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều doanh nghiệp trong nước hết sức khó khăn do sức cầu đầu tư và cầu tiêu dùng đều giảm.

Giai đoạn đầu năm 2023 là giai đoạn tương đối khó khăn đối với thị trường bảo hiểm. Theo số liệu của cơ quan quản lý về bảo hiểm, tổng doanh thu phí bảo hiểm trong 4 tháng đầu năm 2023 của các doanh nghiệp bảo hiểm ước đạt 75.338 tỷ đồng, chỉ tăng 1,12% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, doanh thu phí bảo hiểm lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ ước đạt 23.289 tỷ đồng, tăng 2,55% so với cùng kỳ năm trước.

Về phía BSH, tính đến hết Quý I/2023, doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm và lợi nhuận sau thuế của BSH lần lượt đạt 612,09 tỷ đồng và 8,36 tỷ đồng; giảm 1,02% và 42,73% so với cùng kỳ năm trước; tương ứng hoàn thành 22,60% và 79,81% kế hoạch đặt ra của cả năm 2023.

Tại thời điểm tháng 6/2023, Hội đồng quản trị BSH đã rà soát, đánh giá và xây dựng lại kế hoạch kinh doanh trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 đảm bảo phù hợp với bối cảnh thị trường và tình hình hoạt động kinh doanh của BSH. BSH đánh giá trong 6 tháng cuối năm 2023, nền kinh tế nước ta sẽ tiếp tục đối diện nhiều khó khăn, thách thức do các biến động về kinh tế, chính trị của thế giới, an ninh năng lượng, an ninh lương thực bên cạnh thiên tai, biến đổi khí hậu và dịch bệnh bất thường, khó dự báo. Chính phủ đang tập trung nhận diện thực tế, khắc phục khó khăn, huy động các nguồn lực và tìm giải pháp phù hợp, kịp thời, hữu hiệu nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, thúc đẩy sản xuất kinh doanh trên diện rộng. BSH cho rằng thị trường bảo hiểm phi nhân thọ dự kiến cũng có nhiều biến động, tác động tiêu cực đến hoạt động kinh doanh bảo hiểm, đặc biệt quý 3/2023 sẽ hết sức khó khăn.

Từ các cơ sở nêu trên và từ đặc thù hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ (lợi nhuận các quý có thể có những thay đổi bất thường phụ thuộc vào biến động thị trường, tình hình kinh doanh, hoạt động đầu tư, mức độ bồi thường bảo hiểm,...), Hội đồng quản trị đã điều chỉnh kế hoạch kinh doanh năm 2023 theo hướng thận trọng hơn, trong đó doanh thu thuần và lợi nhuận trước thuế năm 2023 dự kiến lần lượt đạt 2.707,6 tỷ đồng và 13,04 tỷ đồng, tương ứng giảm 0,17% và giảm

51,68% so với kết quả thực hiện năm 2022. Mặc dù xây dựng kế hoạch kinh doanh trên nguyên tắc thận trọng, BSH đã và đang nỗ lực tối đa và tin tưởng sẽ hoàn thành vượt kế hoạch kinh doanh đã đặt ra.

13.2. Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận, cổ tức nói trên

Để thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm 2023, BSH sẽ triển khai hàng loạt các giải pháp, nhằm vào các mục tiêu lớn: tăng trưởng doanh thu, tăng hiệu quả và an toàn đầu tư tài chính, tiết giảm chi phí, cụ thể như sau:

❖ Chuyển dịch cơ cấu sản phẩm

- Đẩy mạnh sản phẩm của nhóm nghiệp vụ bảo hiểm Tài sản kỹ thuật và hàng hải. Tập trung kết nối và đẩy mạnh đối với nghiệp vụ bảo hiểm hàng không;
- Giảm tỷ trọng nghiệp vụ bảo hiểm Xe cơ giới, đặc biệt là giảm tỷ trọng nghiệp vụ bảo hiểm vật chất xe, tăng nghiệp vụ bảo hiểm ô tô khác. Tập trung tăng trưởng tỷ trọng nghiệp vụ bảo hiểm Con người, đặc biệt là nghiệp vụ bảo hiểm con người khác.

❖ Nâng cao hiệu quả làm việc của các ban tại trụ sở chính

- Thay đổi mục tiêu, định hướng của các ban /các cán bộ tại trụ sở chính từ chỗ chỉ làm công việc chuyên môn đơn thuần sang mục tiêu làm chuyên môn gắn với hoạt động kinh doanh,...
- Lập kế hoạch hành động của từng ban/cán bộ nhân viên theo tháng, kết thúc tháng đánh giá kết quả công việc theo ban/cán bộ.
- Xây dựng bộ chỉ tiêu KPI để đo lường kết quả cán bộ theo tháng.
- Tăng cường thực hiện nội quy lao động tại trụ sở chính.

❖ Các giải pháp đối với các đơn vị thành viên

- Tái cấu trúc, thay thế giám đốc những đơn vị yếu kém.
- Duy trì cơ chế kinh doanh như năm 2022, bên cạnh đó xem xét bổ sung/điều chỉnh cơ chế đối với các nghiệp vụ có hiệu quả theo nguyên tắc ngang bằng đối thủ cạnh tranh trên thị trường.
- Hỗ trợ cả về nhân lực và vật lực đối với các đơn vị yếu kém/đơn vị mới thành lập để từng bước ổn định và phát triển đối với những đơn vị này.
- Xây dựng chính sách ưu đãi, thu hút nhân sự có năng lực khai thác tốt, doanh thu cao từ các doanh nghiệp bảo hiểm khác gia nhập "ngôi nhà chung" BSH.
- Tập trung cho công tác đào tạo (đặc biệt đào tạo nghiệp vụ) đối với cán bộ kinh doanh để tăng tỷ trọng doanh thu đối với các nhóm nghiệp vụ bảo hiểm tài sản, kỹ thuật, hàng hải và bảo hiểm con người.

❖ Phát triển mạng lưới

- Thành lập mới 03 đơn vị thành viên tại Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội.
- Đẩy mạnh khai thác qua kênh đối tác lớn, đại lý tổ chức.
- Tập trung khai thác tiềm năng từ các ngân hàng BSH đã ký kết hợp tác, tăng độ phủ của BSH tại các chi nhánh ngân hàng đã ký kết hợp tác.

- Thúc đẩy ký kết hợp tác với các đối tác non bank, Digital và xây dựng hệ thống kênh bán tổ chức theo kịp các Doanh nghiệp bảo hiểm TOP 5 thị trường.
- ❖ **Phát triển sản phẩm**
 - Nâng cao năng lực hợp đồng tái bảo hiểm bao gồm việc mở rộng điều kiện điều khoản treaty, thu xếp Facility và đồng bảo hiểm với các dịch vụ lớn.
 - Phát triển các sản phẩm chăm sóc sức khỏe có quyền lợi cơ bản, ngắn gọn.
 - Đẩy mạnh thiết kế và triển khai các sản phẩm bảo hiểm kỹ thuật số, các sản phẩm gắn với lĩnh vực thương mại điện tử của nghiệp vụ con người và xe cơ giới.
 - Đánh giá lại sản phẩm, ban hành quy tắc, biểu phí sản phẩm tự nguyện xe ô tô và tập trung vào khách hàng là doanh nghiệp lớn, có hiệu quả.
- ❖ **Nâng cao quy mô và hiệu quả kinh phân phối**
 - Xây dựng chính sách phù hợp với từng sản phẩm/từng kênh phân phối để nâng cao khả năng cạnh tranh.
 - Xây dựng cẩm nang tài liệu nghiệp vụ, đóng gói quy trình triển khai đối với tất cả các nghiệp vụ triển khai qua kênh phân phối (ngân hàng, showroom, đại lý tổ chức,...)
 - Xây dựng chương trình thi đua/thúc đẩy cho từng kinh phân phối, từng nghiệp vụ.
- ❖ **Công nghệ thông tin**
 - Xây dựng và triển khai công cụ quản lý và bán hàng đa tầng, đa kênh (BSH BOMNI - trợ lý ảo dành riêng cho cán bộ bán hàng, với nhiều tính năng nổi bật). BSH BOMNI là giải pháp bán hàng đơn giản, dễ dàng, phù hợp, tiện dụng trong bối cảnh các doanh nghiệp Bảo hiểm trên thị trường đều đang hướng đến và triển khai các ứng dụng hỗ trợ bán hàng trên các nền tảng số. BSH BOMNI được triển khai trên nền tảng Web/App, với thiết kế và hỗ trợ cấu hình sản phẩm theo từng kênh, từng người sử dụng. Để sử dụng ứng dụng, mỗi cán bộ kinh doanh sẽ được cấp tài khoản để truy cập và thực hiện các nghiệp vụ.
 - Tập trung số hóa 100% các sản phẩm/gói sản phẩm mới.
 - Phát triển công cụ bồi dưỡng online Bảo hiểm xe cơ giới và Bảo hiểm con người.
 - Phát triển hệ thống văn phòng điện tử “B-place” trên cả 3 phân hệ: phân hệ quản lý giao việc, phân hệ dịch vụ nội bộ, phân hệ quản lý văn bản
 - Xây dựng API kết nối các sản phẩm triển khai bán online, nâng cấp hệ thống tài khoản của Module kế toán theo thông tư 200.
- ❖ **Công tác nhân sự**
 - Xây dựng hoàn thiện bộ tài liệu đào tạo hội nhập, đào tạo quản lý, đào tạo nghiệp vụ tại tất cả các phòng, ban và đơn vị thành viên.
 - Triển khai các khóa học đào tạo 2 lần/quý tại tất cả các phòng ban và đơn vị thành viên.
 - Rà soát, hoàn thiện Quy chế, quy định, quy trình liên quan đến công tác tổ chức nhân sự.
 - Rà soát lại chức năng nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và định biên nhận sự đối với tất cả các ban tại trụ sở chính để đáp ứng yêu cầu phát triển giai đoạn 2023-2026.

- Xây dựng hệ thống thang, bảng lương phù hợp với quy mô doanh thu của BSH giai đoạn 2023-2026.
- Phát triển Văn hóa doanh nghiệp song song với nâng cao tinh thần trách nhiệm và tính tuân thủ của toàn hệ thống.

14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổng Công ty

Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 số 01/2016/NQ-BSH-ĐHĐCĐ ngày 27/04/2016 của BSH đã thông qua Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ, trong đó có nội dung: ĐHĐCĐ của BSH cam kết đưa cổ phiếu Tổng Công ty vào giao dịch trên thị trường chứng khoán có tổ chức trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán. Ngày kết thúc đợt chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ nêu trên là ngày 22/02/2017. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, BSH đang thực hiện các thủ tục để đăng ký giao dịch Upcom tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

15. Chiến lược, định hướng phát triển kinh doanh của Tổng Công ty

Định hướng phát triển kinh doanh chính của BSH là tập trung vào lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ, phát triển Tổng Công ty một cách bền vững và tối đa hóa lợi nhuận trong sản xuất kinh doanh. Tầm nhìn chiến lược của BSH cụ thể như sau:

➤ Các mục tiêu chủ yếu:

- BSH đặt mục tiêu vào Top 5 những doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ lớn nhất tại Việt Nam vào năm 2025, đi đầu trong việc ứng dụng công nghệ thông tin vào quy trình vận hành, cung cấp sản phẩm, dịch vụ, từng bước vươn ra thị trường quốc tế.
- Cung cấp đa dạng các sản phẩm, dịch vụ chất lượng và chuyên nghiệp.
- Duy trì môi trường văn hóa doanh nghiệp năng động, sáng tạo.
- Mang lại giá trị thiết thực cho khách hàng, cổ đông và đội ngũ cán bộ.
- Là đối tác tin cậy của thị trường trong nước và quốc tế.

➤ Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Đẩy mạnh việc phát triển mạng lưới đơn vị nhằm nâng cao chất lượng phục vụ và hình ảnh thương hiệu của BSH.
- Với chiến lược lấy khách hàng làm trung tâm, BSH chú trọng nâng cao trải nghiệm khách hàng, phát triển các sản phẩm Bảo hiểm Phi nhân thọ với quyền lợi dẫn đầu thị trường.
- BSH cũng hướng tới tập trung đầu tư InsurTech (Insurance Technology - bảo hiểm công nghệ), ứng dụng công nghệ số vào quy trình vận hành hệ thống và chăm sóc khách hàng.
- Trong các năm tới, tỷ trọng và tốc độ tăng trưởng của sản phẩm bảo hiểm Xe cơ giới sẽ được tiết giảm để BSH tập trung phát triển các nghiệp vụ khác có tỷ lệ tổn thất và biên lợi nhuận tốt hơn như Bảo hiểm Con người, Tài sản kỹ thuật cháy nổ, và các sản phẩm khác có tỷ lệ tổn thất thấp hơn với mục tiêu tăng cường khả năng sinh lời của hoạt động kinh doanh bảo hiểm (dự kiến mức tăng trưởng chậm lại là 12.9% tương đương với mức tăng trưởng dự phòng của ngành). BSH sẽ tập trung vào việc lọc loại và kiểm soát chi phí khai thác để cải thiện biên lợi nhuận của sản phẩm bảo hiểm Xe cơ giới.
- Về mặt Nhân sự: (i) Đẩy mạnh giao KPI cho đơn vị thành viên (Trước giờ BSH chưa tập

trung vào khai thác nhóm nghiệp vụ này); (ii) Ra chính sách thu hút nhân sự có kinh nghiệm cho mảng nghiệp vụ này; (iii) Đào tạo nghiệp vụ và đấu thầu để cởi bỏ tâm lý ngại khai thác nhóm nghiệp vụ này.

- Về Kênh bán: (i) Gia tăng doanh thu qua các kênh khai thác, đặc biệt là kênh bancas, kênh đại lý tổ chức, kênh môi giới và đấu thầu online; (ii) Đưa ra chương trình thúc đẩy bán cho các kênh, mở rộng danh mục sản phẩm trên từng kênh, quản lý/ thúc đẩy doanh số qua kênh; (iii) Nâng cấp, tích hợp ngày càng nhiều sản phẩm lên các công cụ bán hàng online hiện tại (web, bancas, bomni, ecommerce); (iv) Đẩy mạnh khai thác hệ sinh thái Tập đoàn.
- Về Sản phẩm: (i) Rà soát, nâng cấp các sản phẩm hiện tại; (ii) Chia tách sản phẩm truyền thống thành các sản phẩm có số tiền nhỏ, phạm vi bảo hiểm đơn giản để đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng; (iii) Bổ sung sản phẩm mà các DNBH khác đã triển khai trên thị trường nhưng BSH chưa có để đảm bảo số lượng sản phẩm của BSH > 95% số lượng đang có trên thị trường.
- Bảo hiểm tài chính & ngân hàng: Phát triển các dòng sản phẩm mang tính kỹ thuật cao với định hướng trở thành đơn vị Top 1 (BBB, D&O, Cyber Security...).
- Bảo hiểm nông nghiệp: BSH đang triển khai ký kết tái bảo hiểm với Scor để khai thác sản phẩm bảo hiểm nông nghiệp, ví dụ bảo hiểm chỉ số thời tiết cho cây cà phê ở Tây Nguyên và cây lúa ở Đồng Bằng Sông Cửu Long.
- Bảo hiểm trách nhiệm: đang tiến hành làm việc với Bamboo để khai thác sản phẩm bảo hiểm trễ chuyến bay (flight delay).

16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá của cổ phiếu

Không có

17. Các thông tin khác có thể ảnh hưởng đến giá của cổ phiếu

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 01/2023/NQ-BSH-ĐHĐCĐ ngày 20/06/2023 của BSH, Đại hội đồng cổ đông của BSH đã thông qua việc Bên Nhận chuyển nhượng (DB Insurance Co., Ltd) được nhận chuyển nhượng cổ phiếu Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn – Hà Nội từ Bên Chuyển nhượng (gồm 21 cổ đông theo danh sách tại Nghị Quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023) dẫn đến việc sở hữu đạt các mức theo quy định tại điểm a và b khoản 1 Điều 35 Luật Chứng khoán năm 2019 mà không phải thực hiện chào mua công khai.

Việc chuyển nhượng cổ phiếu trên được thực hiện sau khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan chấp thuận việc chuyển nhượng cổ phần theo quy định pháp luật. Số lượng cổ phiếu dự kiến chuyển nhượng là 75.000.000 cổ phiếu – chiếm tỷ lệ 75% tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết của BSH; thời gian thực hiện giao dịch trong năm 2023 cho đến khi hoàn tất giao dịch và được thực hiện qua phương thức khớp lệnh và/hoặc thỏa thuận thông qua hệ thống giao dịch Upcom.

II. QUẢN TRỊ CÔNG TY**1. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị**

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Đỗ Quang Vinh	Chủ tịch HĐQT
2	Nguyễn Văn Trường	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
3	Vũ Đức Trung	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
4	Nguyễn Tất Thắng	Thành viên HĐQT
5	Lê Đăng Khoa	Thành viên HĐQT
6	Vũ Đức Tiến	Thành viên HĐQT
7	Lưu Danh Đức	Thành viên HĐQT

Các thông tin liên quan đến các thành viên Hội đồng quản trị như sau:

a) Ông Đỗ Quang Vinh - Chủ tịch HĐQT

Họ và tên : **Đỗ Quang Vinh**

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 23/08/1989

Nơi sinh : Hà Nội

CMND/ CCCD : 001089000968

Ngày cấp : 04/11/2021

Nơi cấp : Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : Số 61, Hai Bà Trưng, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ tài chính

Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ - Đơn vị công tác
12/2013 – Nay	Giám đốc Đầu tư tài chính quốc tế - CTCP Tập đoàn T&T
03/2020 – Nay	Phó Giám đốc Khối Ngân hàng bán lẻ - Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội
03/2021 – 10/2021	Chủ tịch Hội đồng Thành viên - Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội



10/2021 – Nay	Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng Thành viên - Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội
30/10/2021 – Nay	Phó Tổng Giám đốc - Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội
20/04/2022 – Nay	Thành viên HĐQT - Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội
27/04/2022 – Nay	Chủ tịch HĐQT - Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội
20/05/2022 – Nay	Chủ tịch HĐQT – Tổng Công ty CP Bảo hiểm Sài Gòn – Hà Nội
06/2022 – Nay	Chủ tịch HĐQT - CTCP Quản lý Quỹ BVIM

Chức vụ tại công ty : Chủ tịch Hội đồng quản trị

Chức vụ tại tổ chức khác : Giám đốc Đầu tư tài chính quốc tế CTCP Tập đoàn T&T.
Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng Thành viên Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội.
Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc, Phó Giám đốc Khối Ngân hàng bán lẻ - Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội.
Chủ tịch HĐQT Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội.
Chủ tịch HĐQT CTCP Quản lý Quỹ BVIM.

Tổng số cổ phần nắm giữ

- Đại diện sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

- Cá nhân sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Sở hữu của người có liên quan : CTCP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội sở hữu 9.983.332 cổ phần, chiếm 9,98% VDL của BSH – Mỗi quan hệ: Ông Đỗ Quang Vinh là Chủ tịch HĐQT của CTCP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội.

CTCP Tập đoàn T&T sở hữu 9.950.000 cổ phần, chiếm 9,95% VDL của BSH – Mỗi quan hệ: Ông Đỗ Quang Vinh là Giám đốc Đầu tư tài chính quốc tế của CTCP Tập đoàn T&T.

Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội sở hữu 4.285.714 cổ phần, chiếm 4,29% VDL của BSH – Mỗi quan hệ: Ông Đỗ Quang Vinh là Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc, Phó Giám đốc Khối Ngân hàng bán lẻ của

Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội.

Hành vi vi phạm pháp luật : Không có

Những khoản nợ đối với Công ty : Không có

Thù lao, Lợi ích liên quan đối với Công ty : Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên và Quy chế lao động của Tổng Công ty

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có

b) Ông Nguyễn Văn Trường – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Họ và tên : **Nguyễn Văn Trường**

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 10/10/1980

Nơi sinh : Thanh Hóa

CMND/ CCCD : 038080030549

Ngày cấp : 25/09/2022

Nơi cấp : Nghệ An

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : P. Trường Thi, TP. Vinh, Nghệ An

Trình độ chuyên môn: : Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ - đơn vị công tác
2001 – 2002	Đại lý và Trưởng nhóm Kinh doanh - Công ty Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam
2003 – 2006	Trưởng phòng Kinh doanh - Công ty Bảo hiểm nhân thọ Bảo Minh CMG tại Thanh Hóa
2006 – 2007	Trưởng phòng Kinh doanh - Công ty Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Life Việt Nam tại Thanh Hóa
2008 – 2017	Giám đốc chi nhánh Nghệ An, Giám đốc Vùng Miền Bắc I - Công ty Bảo hiểm AAA
15/08/2017 – 30/11/2017	Phó Giám đốc giao phụ trách - Công ty Bảo hiểm BSH Nghệ An
01/12/2017 – 07/09/2021	Giám đốc - Công ty Bảo hiểm BSH Nghệ An



08/09/2021 – 27/01/2022	- Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Bảo hiểm Sài Gòn – Hà Nội - Giám đốc Công ty Bảo hiểm BSH Nghệ An - Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn – Hà Nội, Công ty Bảo hiểm BSH Nghệ An
28/01/2022 – 31/03/2022	- Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn – Hà Nội - Giám đốc Công ty Bảo hiểm BSH Nghệ An - Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn – Hà Nội
01/04/2022 – Nay	Tổng Giám đốc - Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn – Hà Nội
20/05/2022 – Nay	Thành viên HĐQT - Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn – Hà Nội

Chức vụ tại công ty : Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Chức vụ tại tổ chức khác : Không có

Tổng số cổ phần nắm giữ

- Đại diện sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

- Cá nhân sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Sở hữu của người có liên quan : Không có

Hành vi vi phạm pháp luật : Không có

Những khoản nợ đối với Công ty : Không có

Thù lao, Lợi ích liên quan đối với Công ty : Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên và Quy chế lao động của Tổng Công ty

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có

c) Ông Vũ Đức Trung – Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên : **Vũ Đức Trung**

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 25/12/1980

Nơi sinh : Hà Nội

CMND/ CCCD : 001080048425

Ngày cấp : 24/06/2021



Nơi cấp : Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : Tập thể Bệnh viện đường sắt, số 7, ngách 1194/7, Láng Thượng, Hà Nội

Trình độ chuyên môn: : Thạc sĩ tài chính, MBA

Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ - đơn vị công tác
2002 – 2007	Kiểm toán viên - Công ty Kiểm toán Deloitte
2007 – 2009	Phó phòng Tư vấn tài chính và Bảo lãnh phát hành - Công ty Cổ phần Chứng khoán Seabank
2009 – 03/2011	Trưởng phòng Tư vấn tài chính và Bảo lãnh phát hành - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội
03/2011 – 2013	Trưởng phòng đầu tư - Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T
2012 – Nay	Thành viên BKS - CTCP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội
12/2013 – Nay	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc - Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn – Hà Nội
2014 – Nay	Trưởng BKS - Tổng Công ty Thăng Long – CTCP
2018 – Nay	Thành viên HĐQT - Tổng công ty Rau quả Nông Sản - CTCP
06/2022 – Nay	Thành viên HĐQT - CTCP Quản lý Quỹ BVIM

Chức vụ tại công ty : Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Chức vụ tại tổ chức khác : Thành viên BKS CTCP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội
Trưởng Ban Kiểm soát - Tổng Công ty Thăng Long – CTCP
Thành viên HĐQT - Tổng công ty Rau quả Nông Sản – CTCP
Thành viên HĐQT - CTCP Quản lý Quỹ BVIM

Tổng số cổ phần nắm giữ

- Đại diện sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

- Cá nhân sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Sở hữu của người có liên quan : CTCP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội sở hữu 9.983.332 cổ phần, chiếm 9,98% VDL của BSH – Mối quan hệ: Ông Vũ Đức Trung là Thành viên BKS của CTCP Chứng



khoán Sài Gòn – Hà Nội

Hành vi vi phạm pháp luật : Không có

Những khoản nợ đối với Công ty : Không có

Thù lao, Lợi ích liên quan đối với Công ty : Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên và Quy chế lao động của Tổng Công ty

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có

d) Ông Nguyễn Tất Thắng – Thành viên HĐQT

Họ và tên : **Nguyễn Tất Thắng**

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 20/10/1960

Nơi sinh : Thanh Hóa

CMND/ CCCD : 038060000025

Ngày cấp : 25/10/2013

Nơi cấp : Cục CS ĐKQL Cư trú và DLQG về Dân cư

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : số 11 hẻm 318/100/8 La Thành – phường Ô Chợ Dừa – Quận Đống Đa – TP Hà Nội

Trình độ chuyên môn: : Cử nhân kinh tế - ĐH KTQD Hà Nội, Cử nhân Luật - ĐH Luật Hà Nội

Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ - đơn vị công tác
1988 - 1997	Trưởng phòng Kế hoạch - Công ty SXDV XNK – Viện Khoa học Việt Nam
1997 - 2000	Trưởng phòng TCNS - Công ty TNHH Sản xuất hàng tiêu dùng Bình Tiên (Công ty Bitis)
2000 - 2002	GD Trung tâm hỗ trợ doanh nghiệp trẻ - Hội Doanh nghiệp trẻ Việt Nam
2003 - Nay	Phó Tổng Giám đốc, Chủ tịch HĐQT - Công ty CP Tập đoàn T&T
2021 - Nay	Thành viên HĐQT – Tổng CTCP Bảo hiểm Sài Gòn – Hà



		Nội
Chức vụ tại công ty	:	Thành viên HĐQT
Chức vụ tại tổ chức khác	:	Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc CTCP Tập đoàn T&T
Tổng số cổ phần nắm giữ		
- Đại diện sở hữu	:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu	:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Sở hữu của người có liên quan	:	CTCP Tập đoàn T&T sở hữu 9.950.000 cổ phần, chiếm 9,95% VDL của BSH – Mối quan hệ: Ông Nguyễn Tất Thắng là Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc của CTCP Tập đoàn T&T.
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không có
Những khoản nợ đối với Công ty	:	Không có
Thù lao, Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên và Quy chế lao động của Tổng Công ty
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	:	Không có
e) Ông Lê Đăng Khoa – Thành viên HĐQT		
Họ và tên	:	Lê Đăng Khoa
Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh	:	18/08/1974
Nơi sinh	:	Thái Nguyên
CMND/ CCCD	:	010074000104
Ngày cấp	:	20/02/2020
Nơi cấp	:	Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
Quốc tịch	:	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	:	Phòng 1708, Tòa A, Chung cư AZSky Định Công, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội
Trình độ chuyên môn:	:	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, MBA



Quá trình công tác

:

Thời gian	Chức vụ - đơn vị công tác
01/1995 – 12/1999	Kế toán tổng hợp - Công ty Nhiếp ảnh Trung ương
01/2000 – 03/2009	Giám đốc Kinh doanh nguồn vốn và Ngoại hối - Ngân hàng TMCP Quốc tế
04/2009 – Nay	Phó Tổng Giám đốc; Giám đốc Khối Kinh doanh vốn và Thị trường tài chính; Giám đốc Trung tâm Kinh doanh Giấy tờ có giá; Giám đốc Trung tâm Quản lý Vốn; Giám đốc Trung tâm Hedging và Phái sinh - Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội
12/2019 – Nay	Thành viên Hội đồng thành viên - Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội (SHBFC)
06/2013 – Nay	Thành viên Hội đồng quản trị - Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn – Hà Nội
03/2014 – Nay	Thành viên Hội đồng quản trị - CTCP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội
05/2014 – Nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị - Công ty cổ phần Bất động sản Lilama
05/2019 – Nay	Thành viên HĐQT - Công ty cổ phần In sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội

Chức vụ tại công ty

: Thành viên HĐQT

Chức vụ tại tổ chức khác

: Phó Tổng giám đốc; Giám đốc Khối Kinh doanh vốn và Thị trường tài chính; Giám đốc Trung tâm Kinh doanh Giấy tờ có giá; Giám đốc Trung tâm Quản lý vốn; Giám đốc Trung tâm Hedging và Phái sinh - Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội.

Thành viên Hội đồng quản trị CTCP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội.

Thành viên Hội đồng thành viên Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội (SHBFC)

Chủ tịch Hội đồng quản trị CTCP Bất động sản Lilama

Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần In sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội.

Tổng số cổ phần nắm giữ

- Đại diện sở hữu

: 4.285.714 cổ phần cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội, chiếm 4,29% vốn điều lệ



- Cá nhân sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Sở hữu của người có liên quan : CTCP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội sở hữu 9.983.332 cổ phần, chiếm 9,98% VDL của BSH – Mỗi quan hệ: Ông Lê Đăng Khoa là Thành viên HĐQT của CTCP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội.
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội sở hữu 4.285.714 cổ phần, chiếm 4,29% VDL của BSH – Mỗi quan hệ: Ông Lê Đăng Khoa là Phó Tổng giám đốc; Giám đốc Khối Kinh doanh vốn và Thị trường tài chính; Giám đốc Trung tâm Kinh doanh Giấy tờ có giá; Giám đốc Trung tâm Quản lý vốn; Giám đốc Trung tâm Hedging và Phái sinh của Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội.
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
- Những khoản nợ đối với Công ty : Không có
- Thù lao, Lợi ích liên quan đối với Công ty : Theo Nghị quyết ĐHCĐ thường niên và Quy chế lao động của Tổng Công ty
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có

f) Ông Vũ Đức Tiến – Thành viên HĐQT

- Họ và tên : **Vũ Đức Tiến**
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 02/09/1973
- Nơi sinh : Lào Cai
- CMND/ CCCD : 010073000055
- Ngày cấp : 27/12/2021
- Nơi cấp : Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật tự Xã hội
- Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ thường trú : Căn hộ 2114 B3, Khu B Khu phức hợp Mandarin Garden, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: : Cử nhân Kế toán Ngân hàng
- Quá trình công tác :



Thời gian	Chức vụ - đơn vị công tác
1995 – 1998	Phó Trưởng phòng Phòng Tín dụng - Ngân hàng TMCP Châu Á – Thái Bình Dương
1998 – 2000	Phó Trưởng phòng XNK 5 - Công ty CP XNK Than TKV (COALIMEX)
2000 – 2008	Giám đốc - Công ty CP Du lịch Thương mại Thanh Nhân
2008 – 01/08/2017	Chánh văn phòng HĐQT - Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội
16/04/2012 – 01/04/2014	Phó Tổng Giám đốc - Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội
06/2013 – Nay	Thành viên HĐQT – Tổng CTCP Bảo hiểm Sài Gòn – Hà Nội
06/2014 – Nay	Phó Chủ tịch HĐQT - Công ty CP Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa
01/04/2014 – 01/12/2014	Phó Tổng Giám đốc phụ trách điều hành - Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội
11/2014 – Nay	Thành viên HĐQT - Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội
01/12/2014 – Nay	Tổng Giám đốc - Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội
04/2015 – Nay	Thành viên HĐQT - Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Xăng dầu
05/2021 – Nay	Chủ tịch HĐQT - Công ty CP Máy – Thiết bị Dầu khí

- Chức vụ tại công ty : Thành viên Hội đồng Quản trị
- Chức vụ tại tổ chức khác : Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội.
 Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa.
 Thành viên HĐQT Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Xăng dầu;
 Chủ tịch HĐQT Công ty CP Máy – Thiết bị Dầu khí.
- Tổng số cổ phần nắm giữ
- Đại diện sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Cá nhân sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Sở hữu của người có liên quan : CTCP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội sở hữu 9.983.332 cổ phần, chiếm 9,98% VDL của BSH – Mỗi quan hệ: Ông Vũ Đức Tiến là Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

của CTCP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội.

Hành vi vi phạm pháp luật : Không có

Những khoản nợ đối với Công ty : Không có

Thù lao, Lợi ích liên quan đối với Công ty : Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên và Quy chế lao động của Tổng Công ty

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có

g) Ông Lưu Danh Đức – Thành viên HĐQT

Họ và tên : **Lưu Danh Đức**

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 26/07/1973

Nơi sinh : Hà Nội

CMND/ CCCD : 001073069613

Ngày cấp : 17/08/2021

Nơi cấp : Cục CS QLHC về TTXH

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : 32 Đội Cấn, Phường Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội

Trình độ chuyên môn: : Thạc sĩ Công nghệ Thông tin

Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ - đơn vị công tác
03/1998 – 11/1998	Lập Trình viên - IACP – Informatique (Paris, Pháp)
06/1994 – 12/2000	Nghiên cứu viên - Viện CNTT IOIT - Institute of Information Technology
04/2002 – 11/2005	Tư vấn và trưởng nhóm phát triển sản phẩm - Hyundai Information Technology (Hàn Quốc)
12/2005 – 09/2009	Chuyên gia Tư vấn cao cấp - Sungard System Access (Mỹ)
10/2009 – 01/2015	(Chief Information Officer) - Ngân hàng Quốc tế VIB
02/2015 – 03/2016	Trưởng Ban Công nghệ - CIO (Chief Information Officer) – Tập đoàn Vingroup
03/2016 – 03/2018	Phó TGD kiêm Giám đốc kỹ thuật (CTO) - VETC – Công ty thu phí tự động không dừng



03/2018 – 11/2020	Phó TGD kiêm Trưởng ban CNTT (CTO) - Sun Group
01/2021 – 03/2022	Phó Tổng Giám đốc - Công ty Galaxy1, Tập đoàn Sovico
03/2022 – Nay	Giám đốc Ban CNTT - Công ty cổ phần Tập đoàn T&T
04/2022 – Nay	Thành viên HĐQT – CTCP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội
05/2022 – Nay	Thành viên HĐQT – Tổng CTCP Bảo hiểm Sài Gòn – Hà Nội
09/2022 – Nay	Phó Tổng Giám đốc – Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội

Chức vụ tại công ty : Thành viên HĐQT

Chức vụ tại tổ chức khác : Giám đốc Ban CNTT - Công ty cổ phần Tập đoàn T&T
 Thành viên HĐQT – CTCP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội.
 Phó Tổng Giám đốc – Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội.

Tổng số cổ phần nắm giữ

- Đại diện sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Cá nhân sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Sở hữu của người có liên quan : CTCP Tập đoàn T&T sở hữu 9.950.000 cổ phần, chiếm 9,95% VDL của BSH – Mối quan hệ: Ông Lưu Danh Đức là Giám đốc Ban CNTT của CTCP Tập đoàn T&T.
 CTCP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội sở hữu 9.983.332 cổ phần, chiếm 9,98% VDL của BSH – Mối quan hệ: Ông Lưu Danh Đức là Thành viên HĐQT của CTCP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội.
 Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội sở hữu 4.285.714 cổ phần, chiếm 4,29% VDL của BSH – Mối quan hệ: Ông Lưu Danh Đức là Phó Tổng Giám đốc của Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội.

Hành vi vi phạm pháp luật : Không có

Những khoản nợ đối với Công ty : Không có

Thù lao, Lợi ích liên quan đối với Công ty : Theo Nghị quyết ĐHCĐ thường niên và Quy chế lao động của Tổng Công ty

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có

2. Danh sách thành viên Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Bùi Thị Minh Thu	Trưởng Ban kiểm soát
2	Ninh Thị Lan Phương	Thành viên Ban kiểm soát
3	Nguyễn Thị Minh Thương	Thành viên Ban kiểm soát

Các thông tin liên quan đến các thành viên Ban kiểm soát như sau:

a) Bà Bùi Thị Minh Thu – Trưởng ban kiểm soát

Họ và tên : **Bùi Thị Minh Thu**

Giới tính : Nữ

Ngày tháng năm sinh : 13/09/1977

Nơi sinh : Hà Nội

CMND/ CCCD : 001177045236

Ngày cấp : 10/05/2021

Nơi cấp : Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : P405 số 809 đường Giải Phóng, phường Giáp Bát, quận Hoàng Mai, thành phố Hà nội.

Trình độ chuyên môn: : Cử nhân chuyên ngành Kế toán - Kiểm toán

Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ - đơn vị công tác
1999 - 2006	Chuyên viên Kế toán - Công ty TNHH Viko Glowin
2006 - 2012	Chuyên viên Kế toán - Công ty CP Tập đoàn T&T
2011 - 2012	Phụ trách Kế toán - Công ty CP Cơ khí điện tử T&T
2011 - 2012	Phụ trách Kế toán - Công ty CP Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp T&T
2012 - 2015	Thành viên Ban Kiểm soát - Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn – Hà Nội
2015 - Nay	Trưởng Ban Kiểm soát - Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn – Hà Nội



Chức vụ tại công ty : Trưởng Ban Kiểm soát
 Chức vụ tại tổ chức khác : Không có
 Tổng số cổ phần nắm giữ
 - Đại diện sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Cá nhân sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 Sở hữu của người có liên quan : Không có
 Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
 Những khoản nợ đối với Công ty : Không có
 Thù lao, Lợi ích liên quan đối với Công ty : Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên và Quy chế lao động của Tổng Công ty
 Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có

b) Bà Ninh Thị Lan Phương – Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên : **Ninh Thị Lan Phương**
 Giới tính : Nữ
 Ngày tháng năm sinh : 12/10/1974
 Nơi sinh : Hưng Yên
 CMND/ CCCD : 033174000585
 Ngày cấp : 04/02/2022
 Nơi cấp : Cục CS QLHC về TTXH
 Quốc tịch : Việt Nam
 Địa chỉ thường trú : Số 7 ngõ 271 Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội
 Trình độ chuyên môn: : Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng
 Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ - đơn vị công tác
1996 – 1997	Nhân viên kế toán Ngân hàng TMCP Quốc tế
1997 – 2001	Kiểm toán viên Ngân hàng TMCP Quốc tế



2001 – 2003	Phó phòng kế toán Ngân hàng TMCP Quốc tế
2003 – 2007	Trưởng phòng kế toán Ngân hàng liên doanh Việt Thái
2007 – 2008	Phó TP KTTK - Ngân hàng TMCP Sài Gòn-Hà Nội
2008 – 2009	Kế toán trưởng Kiểm nhiệm TP DVKH&NQ - Ngân hàng TMCP Sài Gòn-Hà Nội
2008 – Nay	Thành viên Ban kiểm soát - Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn – Hà Nội
2012 – 2014	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng, Trưởng ban TCKT - Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội
2015 – Nay	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Vận hành - Ngân hàng TMCP Sài Gòn-Hà Nội
2016 – Nay	Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản SHB

- Chức vụ tại công ty : Thành viên Ban kiểm soát
- Chức vụ tại tổ chức khác : Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Vận hành - Ngân hàng TMCP Sài Gòn-Hà Nội
Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản SHB
- Tổng số cổ phần nắm giữ
- Đại diện sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Cá nhân sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Sở hữu của người có liên quan : Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội sở hữu 4.285.714 cổ phần, chiếm 4,29% VDL của BSH – Mọi quan hệ: Bà Ninh Thị Lan Phương là Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Vận hành của Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội.
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
- Những khoản nợ đối với Công ty : Không có
- Thù lao, Lợi ích liên quan đối với Công ty : Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên và Quy chế lao động của Tổng Công ty
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có

c) Bà Nguyễn Thị Minh Thương – Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên : Nguyễn Thị Minh Thương



Giới tính : Nữ

Ngày tháng năm sinh : 26/06/1980

Nơi sinh : Hà Nam

CMND/ CCCD : 035180010250

Ngày cấp : 10/07/2021

Nơi cấp : Cục CS QLHC về Trật tự Xã hội

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : 23B Tổ 13 Khương Thượng, Đống Đa, Hà Nội

Trình độ chuyên môn: : Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ - đơn vị công tác
2003 - 2004	Chuyên viên Kế toán - Công ty TNHH TM Bình Minh
2004 - 2006	Chuyên viên Kế toán - Công ty TNHH T&T Hưng Yên
2006 - Nay	Phó phòng phụ trách Phòng Quan hệ Ngân hàng - Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T
2014 - 2016	Thành viên BKS - Công ty CP Xuất nhập khẩu thủ công Mỹ Nghệ
2016 - 2017	Thành viên HĐQT - Công ty CP Xuất nhập khẩu thủ công Mỹ Nghệ
2016 - Nay	Thành viên Ban kiểm soát - Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn – Hà Nội

Chức vụ tại công ty : Thành viên Ban kiểm soát

Chức vụ tại tổ chức khác : Phó phòng phụ trách Phòng Quan hệ Ngân hàng - Công ty CP Tập đoàn T&T

Tổng số cổ phần nắm giữ

- Đại diện sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

- Cá nhân sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Sở hữu của người có liên quan : CTCP Tập đoàn T&T sở hữu 9.950.000 cổ phần, chiếm

9,95% VDL của BSH – Mối quan hệ: Bà Nguyễn Thị Minh Thương là Phó phòng phụ trách Phòng Quan hệ Ngân hàng của CTCP Tập đoàn T&T

Hành vi vi phạm pháp luật : Không có

Những khoản nợ đối với Công ty : Không có

Thù lao, Lợi ích liên quan đối với Công ty : Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên và Quy chế lao động của Tổng Công ty

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có

3. Danh sách thành viên Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Văn Trường	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
2	Vũ Đức Trung	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
3	Lê Hoài Nam	Phó Tổng Giám đốc
4	Phạm Đức Hiền	Phó Tổng Giám đốc
5	Nguyễn Trọng Hiếu	Phó Tổng Giám đốc
6	Nguyễn Đức Quang	Phó Tổng Giám đốc
7	Nguyễn Thị Ngân	Kế toán trưởng

Các thông tin liên quan đến các thành viên Ban Tổng Giám đốc như sau:

a) Ông Nguyễn Văn Trường – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Xem trong mục thông tin có liên quan đến thành viên HĐQT

b) Ông Vũ Đức Trung – Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Xem trong mục thông tin có liên quan đến thành viên HĐQT

c) Ông Lê Hoài Nam – Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên : **Lê Hoài Nam**

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 17/02/1971

Nơi sinh : Hà Nội

CMND/ CCCD : 001071055540

Ngày cấp : Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi cấp : 22/11/2021



Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : số 11, ngõ 30, Phố Lý Nam Đế, Hà Nội

Trình độ chuyên môn: : Thạc sĩ quản lý cơ sở - ĐH Greenwich

Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ - đơn vị công tác
06/1993-09/1994	Kỹ sư IT - Trung tâm giải pháp phần mềm-FPT Group
10/1994-01/2007	GĐ Ban TSKT và Dầu khí - Tổng công ty cổ phần tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam
01/2007-08/2011	Phó Tổng giám đốc - Tổng công ty cổ phần tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam
09/2011-12/2013	Tổng giám đốc - Tổng công ty tái bảo hiểm PVI
09/2014-12/2014	Chủ tịch HĐQT - Tổng công ty cổ phần tái bảo hiểm PVI
03/2016-08/2017	Phó Tổng Giám đốc - Công ty cổ phần bảo hiểm Phú Hưng
02/08/2017-19/09/2021	Phó Tổng Giám đốc - Tổng công ty CP bảo hiểm Sài Gòn – Hà Nội
20/09/2021-27/01/2022	Giao phụ trách điều hành BSH - Tổng công ty CP bảo hiểm Sài Gòn – Hà Nội
28/01/2022 - Nay	Phó Tổng Giám đốc - Tổng công ty CP bảo hiểm Sài Gòn – Hà Nội

Chức vụ tại công ty : Phó Tổng giám đốc

Chức vụ tại tổ chức khác : Không có

Tổng số cổ phần nắm giữ

- Đại diện sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Sở hữu của người có liên quan : Không có

Hành vi vi phạm pháp luật : Không có

Những khoản nợ đối với Công ty : Không có

Thù lao, Lợi ích liên quan đối với Công ty : Theo Nghị quyết ĐHCĐ thường niên và Quy chế lao động của Tổng Công ty

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có

**d) Ông Phạm Đức Hiền – Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên : **Phạm Đức Hiền**

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 21/06/1977

Nơi sinh : Phú Thọ

CMND/ CCCD : 025077013734

Ngày cấp : 22/12/2021

Nơi cấp : Cục CS QLHC về TTXH

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : 20 Nguyễn Thế Truyen, Phường Tân Sơn Nhì, Quận Tân Phú, TP.HCM

Trình độ chuyên môn: : Cử nhân Quản trị kinh doanh Trường Đại học Kinh tế - Luật, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh

Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ - đơn vị công tác
2003 – 07/2005	Nhân viên - Công ty Bảo Minh Bình Dương
08/2005 – 03/2010	Nhân viên - Công ty Bảo Minh Sài Gòn
04/2010 – 10/2011	Trưởng phòng kinh doanh - Công ty Bảo hiểm SHB-Vinacomin Gia Định
11/2011 – 25/7/2012	Phó giám đốc - Công ty Bảo hiểm SHB-Vinacomin Gia Định
26/7/2012 – Nay	Giám đốc - Công ty Bảo hiểm BSH Gia Định
01/7/2022 – Nay	Phó Tổng giám đốc kinh doanh khu vực miền Nam kiêm Giám đốc Công ty Bảo hiểm BSH Gia Định - Tổng công ty CP Bảo hiểm Sài Gòn – Hà Nội
05/01/2023 – Nay	Phó Tổng Giám đốc kinh doanh kiêm GD BSH Gia Định kiêm Phó Giám đốc phụ trách Công ty Bảo hiểm BSH Hà Nội - Tổng công ty CP Bảo hiểm Sài Gòn – Hà Nội

Chức vụ tại công ty : Phó Tổng Giám đốc

Chức vụ tại tổ chức khác : Giám đốc Công ty Bảo hiểm BSH Gia Định
Phó Giám đốc phụ trách Công ty Bảo hiểm BSH Hà Nội



Tổng số cổ phần nắm giữ

- Đại diện sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Sở hữu của người có liên quan : Không có

Hành vi vi phạm pháp luật : Không có

Những khoản nợ đối với Công ty : Không có

Thù lao, Lợi ích liên quan đối với Công ty : Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên và Quy chế lao động của Tổng Công ty

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có

e) Ông Nguyễn Trọng Hiếu – Phó Tổng Giám đốcHọ và tên : **Nguyễn Trọng Hiếu**

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 01/04/1983

Nơi sinh : Khánh Hòa

CMND/ CCCD : 056083010735

Ngày cấp : 15/04/2022

Nơi cấp : Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : 03/26 Dã Tượng, phường Vĩnh Nguyên, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

Trình độ chuyên môn: : Kỹ sư Cơ khí Đại học Giao thông vận tải TP. Hồ Chí Minh, Cử nhân ngành Quản trị Kinh doanh Đại học Đà Nẵng

Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ - đơn vị công tác
2004 - 2007	Chuyên viên phòng Kỹ thuật - Công ty CP Tập đoàn Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên
11/2007 – 03/2010	Giám đốc Kỹ thuật phòng Kỹ thuật - Công ty CP Tập đoàn Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên



01/04/2010 – 05/2015	Phụ trách bồi thường - Công ty Bảo hiểm BSH Khánh Hòa
28/11/2015 – 27/11/2016	Phó Giám đốc phụ trách - Công ty Bảo hiểm BSH Khánh Hòa
28/11/2016 – 31/5/2017	Giám đốc - Công ty Bảo hiểm BSH Khánh Hòa
01/06/2017 – 30/11/2017	Kiểm nhiệm phụ trách Công ty Bảo hiểm BSH Gia Lai - Công ty Bảo hiểm BSH Gia Lai
01/07/2022 – Nay	Phó Tổng Giám đốc kinh doanh khu vực miền Trung và Tây Nguyên kiêm Giám đốc BSH Khánh Hòa - Tổng công ty CP Bảo hiểm Sài Gòn – Hà Nội

Chức vụ tại công ty : Phó Tổng Giám đốc

Chức vụ tại tổ chức khác : Giám đốc Công ty Bảo hiểm BSH Khánh Hòa

Tổng số cổ phần nắm giữ

- Đại diện sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

- Cá nhân sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Sở hữu của người có liên quan : Không có

Hành vi vi phạm pháp luật : Không có

Những khoản nợ đối với Công ty : Không có

Thù lao, Lợi ích liên quan đối với Công ty : Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên và Quy chế lao động của Tổng Công ty

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có

f) Ông Nguyễn Đức Quang – Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên : Nguyễn Đức Quang

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 02/08/1983

Nơi sinh : Thái Nguyên

CMND/ CCCD : 019083000095

Ngày cấp : 23/06/2015

Nơi cấp : Cục CS ĐKQL Cư trú và DLQG về Dân cư

Quốc tịch : Việt Nam



Địa chỉ thường trú : Xóm 5, Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội

Trình độ chuyên môn: : Cử nhân kinh tế, ngành Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ - đơn vị công tác
2007-2011	Phó Giám đốc Công ty Bảo hiểm Dầu khí Đông Đô
2011-2013	Trưởng Phòng Công ty Bảo hiểm Bưu điện – Thủ Đô
2013-2015	Phó Giám đốc Công ty Bảo hiểm Mic – Thủ Đô
2015-2017	Phó Giám đốc Công ty Bảo hiểm Bảo Long – Thăng Long
07/2017- 11/2017	Phó Giám đốc Công ty bảo hiểm BSH Đông Đô kiêm Giám đốc Trung tâm kinh doanh Tràng An
11/2017- 02/2020	Phó Giám đốc giao phụ trách Công ty Bảo hiểm BSH Tràng An
02/2020- 03/2023	Giám đốc Công ty Bảo hiểm BSH Tràng An
05/2022 - 05/2023	Giám đốc Công ty Bảo hiểm BSH Tràng An kiêm nhiệm Phó Giám đốc Công ty Bảo hiểm BSH Bắc Lạng
03/2023 - Nay	Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty CP bảo hiểm Sài Gòn – Hà Nội

Chức vụ tại công ty : Phó Tổng Giám đốc

Chức vụ tại tổ chức khác : Không có

Tổng số cổ phần nắm giữ

- Đại diện sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Sở hữu của người có liên quan : Không có

Hành vi vi phạm pháp luật : Không có

Những khoản nợ đối với Công ty : Không có

Thù lao, Lợi ích liên quan đối với Công ty : Theo Nghị quyết ĐHCĐ thường niên và Quy chế lao động của Tổng Công ty

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có

g) Bà Nguyễn Thị Ngân – Kế toán trưởng

Họ và tên : Nguyễn Thị Ngân



Giới tính : Nữ

Ngày tháng năm sinh : 13/8/1984

Nơi sinh : Hải Dương

CMND/ CCCD : 030184000353

Ngày cấp : 25/04/2021

Nơi cấp : Cục QLHC về TTXH

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : Số 9 ngõ 4 Tổ 18 – phường Nghĩa Đô – Q. Cầu Giấy – Hà Nội

Trình độ chuyên môn: : Cử nhân kế toán

Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ - đơn vị công tác
2007 - 2009	Chuyên viên - Chuyên viên Kế toán Ban Quản lý dự án Bauxit nhôm – Lâm Đồng
2009 - 06/2015	Chuyên viên - Ban Kế toán Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội
06/2015 - Nay	Trưởng phòng kế toán thống kê giao phụ trách - Ban Kế toán, Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội
23/06/2016 - 22/06/2020	Phó Giám đốc - Ban Kế toán Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn – Hà Nội
23/06/2020 - Nay	Kế toán trưởng kiêm Giám đốc Ban Kế toán - Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn – Hà Nội

Chức vụ tại công ty : Kế toán trưởng kiêm Giám đốc Ban Kế toán

Chức vụ tại tổ chức khác : Không có

Tổng số cổ phần nắm giữ

- Đại diện sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu : 4.000 cổ phần, chiếm 0,004% vốn điều lệ

Sở hữu của người có liên quan : Không có

Hành vi vi phạm pháp luật : Không có

Những khoản nợ đối với Công ty : Không có



Thù lao, Lợi ích liên quan đối với Công ty : Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên và Quy chế lao động của Tổng Công ty

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có

4. Kế hoạch tăng cường quản trị của Công ty

Việc quản trị Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội luôn được Ban lãnh đạo quan tâm và thường xuyên có những điều chỉnh cho phù hợp với hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty và tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp 2020. Hiện nay, Điều lệ của Tổng Công ty đã tuân thủ Luật Doanh nghiệp 2020 và tham chiếu theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính cũng như Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

Tính đến thời điểm hiện tại, Hội đồng quản trị BSH bao gồm những cá nhân có nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực quản lý nhà nước, quản lý doanh nghiệp, tài chính ngân hàng, bảo hiểm và có tầm nhìn chiến lược. Các vấn đề trước khi quyết định đều được thảo luận một cách kỹ lưỡng, cân trọng trên cơ sở đồng thuận, biểu quyết theo đa số. Đây là một trong các yếu tố quyết định cho sự ổn định và bền vững trong hoạt động của BSH. Các thành viên Hội đồng quản trị được Chủ tịch Hội đồng quản trị phân công trực tiếp nhiệm vụ quản trị theo từng mảng hoạt động của BSH. Một số thành viên Hội đồng quản trị hoạt động chuyên trách, cho nên tiến độ giải quyết công việc nhanh, kịp thời và hiệu quả. Hội đồng quản trị đóng vai trò xây dựng định hướng chiến lược tổng thể và định hướng hoạt động lâu dài cho BSH, chỉ đạo xây dựng các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh trình Đại hội cổ đông phê duyệt.

Hoạt động trực tiếp theo sự phân công của Hội đồng quản trị, Ban điều hành của BSH gồm những cá nhân có chuyên môn cao, nhiều kinh nghiệm, có năng lực quản lý điều hành, nắm bắt và thực thi đúng định hướng của ĐHĐCĐ và Hội đồng quản trị. Ban điều hành gồm Tổng Giám đốc điều hành chung và các Phó Tổng Giám đốc giúp việc cho Tổng Giám đốc. Ban điều hành có chức năng cụ thể hóa chiến lược tổng thể và các mục tiêu được Tổng Công ty đề ra bằng các kế hoạch và phương án kinh doanh; tham mưu cho Hội đồng quản trị các vấn đề về chiến lược, chính sách và trực tiếp điều hành mọi hoạt động của BSH. Ngoài ra, ĐHĐCĐ của BSH cũng đã bầu ra một Ban kiểm soát hoạt động tích cực, thường xuyên thực hiện kiểm tra giám sát các hoạt động nhằm giảm thiểu rủi ro hoạt động của Tổng Công ty.

Để tăng cường quản trị công ty, Hội đồng quản trị đã tuân thủ các quy chế về quản trị công ty, luật doanh nghiệp, triển khai các biện pháp tăng cường quản trị Tổng Công ty, cụ thể:

- Rà soát toàn bộ các chi phí: cắt giảm và loại bỏ những chi phí không cần thiết, đồng thời đưa chủ trương trong toàn Tổng Công ty giảm chi phí tối đa trong tất cả các hoạt động: văn phòng phẩm, điện nước,... nhằm giảm chi phí hoạt động cho Công ty.
- Nâng cao năng lực hiện tại, khơi thông động lực tăng trưởng, cơ chế điều hành uyển chuyển linh hoạt tạo môi trường kinh doanh thuận lợi để hỗ trợ cho các đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ kinh doanh.
- Nhanh chóng xây dựng bộ máy tổ chức chuyên nghiệp, kỷ cương, siết chặt kỷ luật, tạo động lực và áp lực trách nhiệm đối với tập thể, cá nhân nhất là người đứng đầu.
- Tăng cường kiểm soát, quản trị rủi ro, chú trọng và làm lành mạnh hóa công tác giám định, giải

quyết bồi thường. Triển khai giám định bồi thường online tại tất cả các đơn vị, giám sát giá cả sửa chữa theo khung giá đã ban hành, thường xuyên đào tạo nâng cao trình độ đội ngũ giám định.

- Phân tích nhu cầu nguồn nhân lực trong kế hoạch dài hạn và nguồn lực sẵn có, đưa ra các chính sách và kế hoạch nguồn nhân lực để có thể điều chỉnh phù hợp với các yêu cầu hoạt động kinh doanh mới trong giai đoạn tiếp theo.

- Xác định nhu cầu nguồn lực lao động điều chỉnh chính sách nhân sự cho phù hợp với tình hình thực tiễn của Tổng Công ty.

- Đẩy mạnh các phong trào thi đua, sáng kiến: tạo sự gắn bó, đoàn kết & nâng cao năng suất lao động trong toàn Tổng Công ty.

5. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

(Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ theo Phụ lục đính kèm Bản công bố thông tin này)

6. Giao dịch với các bên liên quan

➤ Những giao dịch trọng yếu của BSH với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	2021	2022
Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội	Công ty có cùng Chủ tịch HĐQT	Thu nhập từ lãi tiền gửi	34.097	30.046
		Chi phí hoa hồng, hỗ trợ đại lý khai thác bảo hiểm	-862	-1.182
		Chi phí tư vấn khai thác bảo hiểm	-1.380	-1.182
		Chi phí quản lý khai thác bảo hiểm	-345	-473
Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội	Công ty có Chủ tịch HĐQT có quan hệ mật thiết với Chủ tịch HĐQT	Thu nhập từ lãi tiền gửi	19.885	19.318
		Chi phí hoa hồng, hỗ trợ đại lý khai thác bảo hiểm	-43.464	-41.016
		Chi phí tư vấn khai thác bảo hiểm	-86.928	-82.032
		Chi phí quản lý khai thác bảo hiểm	-5.071	-4.785

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2022 của BSH

➤ Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	2021	2022
Ngân hàng	Công ty có cùng	Tiền gửi thanh toán	52.060	46.005



TMCP Sài Gòn – Hà Nội	Chủ tịch HĐQT	Tiền gửi ngắn hạn	510.000	273.000
		Tiền gửi dài hạn	165.000	151.503
		Ký quỹ bảo hiểm bắt buộc	7.000	7.000
		Dự thu lãi tiền gửi	21.036	15.744
		Phải thu liên quan đến nghiệp vụ khai thác bảo hiểm	468	18
Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội	Công ty có Chủ tịch HĐQT có quan hệ mật thiết với Chủ tịch HĐQT	Tiền gửi ngắn hạn	143.000	190.000
		Tiền gửi dài hạn	135.000	32.000
		Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	12.802	17.783
		Phải thu liên quan đến nghiệp vụ khai thác bảo hiểm	2.819	15.520

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2022 của BSH

➤ Các giao dịch với các bên liên quan khác:

Thu nhập của các Thành viên HĐQT và Ban Tổng Giám đốc:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	2021	2022
Lương và các khoản bổ sung lương	8.557	8.970
Tổng cộng	8.557	8.970

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2022 của BSH

Ngoài lương và các khoản bổ sung lương, Thành viên HĐQT và Ban Tổng Giám đốc không có bất kỳ lợi ích nào khác.



III. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH HÀ NỘI



Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Cornerstone, Số 16 Phan Chu Trinh, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
 Điện thoại: 024 38315100 Fax: 024 3831 5090
 Website: www.ey.com

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI



Biên cơ hội thành giá trị

Địa chỉ: Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội, Số 41 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
 Điện thoại: 024 3818 1888 Fax: 024 3818 1688
 Website: www.shs.com.vn

Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà Metropolitan, Số 235 Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp.HCM
 Điện thoại: 028 3945 1368 Fax: 028 39151369

Chi nhánh Đà Nẵng:

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà Thành Lợi 2, số 3 Lê Đình Lý, phường Vĩnh Trung, quận Thanh Khê, Đà Nẵng
 Điện thoại: 0236 3525 777 Fax: 0236 3523 779

IV. PHỤ LỤC

Phụ lục 1. Giấy phép thành lập và hoạt động

Phụ lục 2. Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022, Báo cáo tài chính tự lập Quý I/2023

Phụ lục 3. Điều lệ Tổng Công ty

Các phụ lục khác



Hà Nội, ngày 11 tháng 7 năm 2023

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM SÀI GÒN - HÀ NỘI
TỔNG GIÁM ĐỐC**



NGUYỄN VĂN TRƯỜNG

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI
TỔNG GIÁM ĐỐC**



VU ĐỨC TIẾN

PHỤ LỤC DANH SÁCH NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI NỘI BỘ

TT	Tên	Chức vụ (đối với NNB)	Quan hệ với NNB/cổ đồng lớn (đối với người có liên quan)	Số CMT/ĐKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ	SL cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Đỗ Quang Vinh	Chủ tịch HĐQT						không	không
1.1	Đỗ Quang Hiền		Bố đẻ					không	không
1.2	Lê Thanh Hòa		Mẹ đẻ					không	không
1.3	Đỗ Vinh Quang		Em trai					không	không
1.4	Đỗ Minh Kingston		Con trai					không	không
1.5	Đỗ Linh Kylie		Con gái					không	không
1.6	Đỗ Mỹ Linh		Em dâu					không	không
1.7	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội		Tổ chức có liên quan					4.285.714	4,28%
1.8	CTCP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội		Tổ chức có liên quan					9.983.332	9,98%
1.9	CTCP Quản lý Quỹ BVIM		Tổ chức có liên quan					không	không
1.10	Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T		Tổ chức có liên quan					9.950.000	9,95%

TT	Tên	Chức vụ (đối với NNB)	Quan hệ với NNB/cổ đồng lớn (đối với người có liên quan)	Số CMT/ ĐKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ	SL cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1.11	Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội		Tổ chức có liên quan					không	không
2	Nguyễn Văn Trường	TV HĐQT kiêm TGĐ						không	không
2.1	Nguyễn Văn Sinh		Bố đẻ					không	không
2.2	Lê Thị Huệ		Mẹ đẻ					không	không
2.3	Nguyễn Xuân Bình		Bố vợ					không	không
2.4	Trương Thị Chen		Mẹ vợ					không	không
2.5	Nguyễn Thị Chuyên		Em gái					không	không
2.6	Bùi Đình Hải		Em rể					không	không
2.7	Nguyễn Văn Đạt		Em trai					không	không
2.8	Lê Thị Hạnh		Em dâu					không	không
2.9	Nguyễn Thị Thương		Vợ					không	không
2.10	Nguyễn Quỳnh Hương		Con					không	không
2.11	Nguyễn Hương Giang		Con					không	không
2.12	Nguyễn Khánh Huyền		Con					không	không
2.13	Nguyễn Quang Minh		Con					không	không

TT	Tên	Chức vụ (đối với NNB)	Quan hệ với NNB/cổ đồng lớn (đối với người có liên quan)	Số CMT/ĐKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ	SL cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
3	Vũ Đức Trung	TV HĐQT kiểm PTGD						không	không
3.1	Vũ Phong Phú		Bố đẻ					không	không
3.2	Lưu Thị Thúy		Mẹ đẻ					không	không
3.3	Vũ Thúy Hằng		Chị					không	không
3.4	Dương Kim Anh		Vợ					không	không
3.5	Dương Thanh Huyền		Em vợ					không	không
3.6	Đỗ Phương Nam		Anh rể					không	không
3.7	Dương Đức Cường		Bố vợ					không	không
3.8	Vũ Đức Khôi		Con					không	không
3.9	Vũ Đức Nguyên		Con					không	không
3.10	Tổng Công ty Rau quả Nông sản - CTCP		Tổ chức có liên quan					không	không
3.11	Tổng Công ty Thăng Long - CTCP		Tổ chức có liên quan					không	không
3.12	CTCP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội		Tổ chức có liên quan					9.983.332	9,98%
3.13	CTCP Quản lý Quỹ BVIM		Tổ chức có liên quan					không	không
4	Nguyễn Tát Tháng	TV HĐQT						không	không

TT	Tên	Chức vụ (đối với NNB)	Quan hệ với NNB/cổ đồng lớn (đối với người có liên quan)	Số CMT/ ĐKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ	SL cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
4.1	Phan Thị Phương Hoa		Vợ					không	không
4.2	Nguyễn Phan Sơn		Con					không	không
4.3	Nguyễn Vũ Thùy Chi		Con dâu					không	không
4.4	Nguyễn Phan Thùy Tiên		Con					không	không
4.5	Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T		Tổ chức có liên quan					9.950.000	9,95%
5	Lê Đăng Khoa	TV HĐQT						không	không
5.1	Hà Thị Hồng		Mẹ đẻ					không	không
5.2	Lê Trọng Khôi		Bố đẻ					không	không
5.3	Nguyễn Thị Hương		Vợ					không	không
5.4	Lê Hương Giang		Con gái					không	không
5.5	Lê Kim Khánh		Con gái					không	không
5.6	Lê Kim Yên		Con gái					không	không
5.7	Lê Trọng Khuê		Em trai					không	không
5.8	Nguyễn Thị Thanh Dung		Em dâu					không	không
5.9	Lê Trung Kiên		Em trai					không	không
5.10	Nguyễn Thị Ngân		Em dâu					không	không
5.11	Nguyễn Đức Thọ		Bố vợ					không	không

TT	Tên	Chức vụ (đối với NNB)	Quan hệ với NNB/cổ đồng lớn (đối với người có liên quan)	Số CMT/ĐKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ	SL cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
5.12	Đình Thị Nguyệt		Mẹ vợ					không	không
5.13	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội		Tổ chức có liên quan					4.285.714	4,28%
5.14	CTCP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội		Tổ chức có liên quan					9.983.332	9,98%
15.15	Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB Finance)		Tổ chức có liên quan					không	không
5.16	Công ty cổ phần Bất động sản Lilama		Tổ chức có liên quan					không	không
5.16	Công ty cổ phần In sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội		Tổ chức có liên quan					không	không
6	Vũ Đức Tiến	TV HĐQT						không	không
6.1	Vũ Đức Tước		Bố đẻ					không	không
6.2	Nguyễn Thị Tuyết		Mẹ đẻ					không	không
6.3	Uông Huy Phương		Bố vợ					không	không
6.4	Lê Thị Ty		Mẹ vợ					không	không
6.5	Uông Văn Hạnh		Vợ					không	không
6.6	Vũ Đức Nhật Minh		Con					không	không
6.7	Vũ Đức Nhật Nam		Con					không	không

TT	Tên	Chức vụ (đối với NNB)	Quan hệ với NNB/cổ đồng lớn (đối với người có liên quan)	Số CMT/ĐKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ	SL cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
6.8	Vũ Thị Hải Yến		Em gái					không	không
6.9	Bùi Quang Thi		Em rể					không	không
6.10	Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS)		Tổ chức có liên quan					9.983.332	9,98%
6.11	Công ty CP Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa (PVC-TH)		Tổ chức có liên quan					không	không
6.12	Công ty CP Đầu tư và Dịch vụ hạ tầng xăng dầu (PLAND)		Tổ chức có liên quan					không	không
6.13	Công ty CP Máy-Thiết bị Dầu khí (PVM)		Tổ chức có liên quan						
7	Lưu Danh Đức	TV HĐQT						không	không
7.1	Lưu Danh Diệp		Bố đẻ					không	không
7.2	Lê Thị Kim Hòa		Mẹ đẻ					không	không
7.3	Lã Văn Quyên		Vợ					không	không
7.4	Lưu Danh Khôi		Con trai					không	không
7.5	Lưu Phương Thảo		Con gái					không	không
7.6	Lã Quý Hiền		Bố vợ					không	không
7.7	Đặng Kim Thuận		Mẹ vợ					không	không

11/01/2024

TT	Tên	Chức vụ (đối với NNB)	Quan hệ với NNB/cổ đồng lớn (đối với người có liên quan)	Số CMT/ĐKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ	SL cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
7.8	Lưu Hồng Hạnh		Chị gái					không	không
7.9	Hoàng Quốc Đông		Anh rể					không	không
7.10	Lưu Thanh Hương		Em gái					không	không
7.11	Vũ Ngọc Khanh		Em rể					không	không
7.12	Lưu Hồng Vân		Em gái					không	không
7.13	Nguyễn Hoàng Long		Em rể					không	không
7.14	Ngân Hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội		Tổ chức có liên quan					4.285.714	4,28%
7.15	Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội		Tổ chức có liên quan					9.983.332	9,98%
7.16	CTCP Tập đoàn T&T		Tổ chức có liên quan					9.950.000	9,95%
8	Bùi Thị Minh Thu	Trưởng BKS						không	không
8.1	Bùi Văn Hưng		bố đẻ					không	không
8.2	Đinh Thị Lợi		mẹ đẻ					không	không
8.3	Phạm Thị Xuyên		mẹ chồng					không	không
8.4	Bùi Việt Long		em trai					không	không
8.5	Quách Minh Tân		chồng					không	không

TT	Tên	Chức vụ (đối với NNB)	Quan hệ với NNB/cổ đồng lớn (đối với người có liên quan)	Số CMT/ĐKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ	SL cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
8.6	Quách Minh Anh		con gái					không	không
8.7	Quách Phương Linh		con gái					không	không
8.8	Nguyễn Ngọc Trâm		em dâu					không	không
9	Ninh Thị Lan Phương	TV BKS						không	không
9.1	Ninh Văn Việt		Bố đẻ					không	không
9.2	Lưu Thị Sửu		Mẹ đẻ					không	không
9.3	Phạm Thùy Linh		Con gái					không	không
9.4	Phạm Ngọc Hưng		Con trai					không	không
9.5	Ninh Lan Hương		Em gái					không	không
9.6	Đỗ Xuân Khánh		Em rể					không	không
9.7	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội		Tổ chức có liên quan					4.285.714	4,28%
9.8	Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản SHB		Tổ chức có liên quan					không	không
10	Nguyễn Thị Minh Thương	TV BKS						không	không
10.1	Nguyễn Văn Huyền		Bố đẻ					không	không
10.2	Trần Thị Vui		Mẹ đẻ					không	không
10.3	Hoàng Trọng Trình		Bố chồng					không	không

TT	Tên	Chức vụ (đối với NNB)	Quan hệ với NNB/cổ đồng lớn (đối với người có liên quan)	Số CMT/ ĐKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ	SL cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
10.4	Phạm Thị Bích		Mẹ chồng					không	không
10.5	Nguyễn Thành Chung		Anh trai					không	không
10.6	Trần Thị Nga		Chị dâu					không	không
10.7	Nguyễn Thị Bích Thủy		Chị gái					không	không
10.8	Đoàn Hồng Quân		Anh rể					không	không
10.9	Hoàng Trọng Phương		Chồng					không	không
10.10	Hoàng Minh Quân		Con trai					không	không
10.11	Hoàng Trung Hải		Con trai					không	không
10.12	Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T		Tổ chức có liên quan					9.950.000	9,95%
11	Phạm Đức Hiến	Phó Tổng Giám Đốc						không	không
11.1	Phạm Văn Dũng		Bố đẻ					không	không
11.2	Phạm Thị Thò		Mẹ đẻ					không	không
11.3	Phạm Đức Hùng		Anh trai					không	không
11.4	Nguyễn Thị Kim Liên		Chị dâu					không	không
11.5	Phạm Đức Hà		Em trai					không	không
11.6	Nguyễn Thị Hằng		Em dâu					không	không
11.7	Đỗ Văn Thành		Bố vợ					không	không

TT	Tên	Chức vụ (đối với NNB)	Quan hệ với NNB/cổ đồng lớn (đối với người có liên quan)	Số CMT/ ĐKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ	SL cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
11.8	Lê Thị Ca		Mẹ vợ					không	không
11.9	Đỗ Thị Thúy Nga		Vợ					không	không
11.10	Phạm Đỗ Phương Anh		Con					không	không
11.11	Phạm Đỗ Gia Hân		Con					không	không
11.12	Phạm Đỗ Thùy Trúc		Con					không	không
11.13	Công ty Bảo hiểm BSH Gia Định		Tổ chức có liên quan					không	không
11.14	Công ty Bảo hiểm BSH Hà Nội		Tổ chức có liên quan					không	không
12	Lê Hoài Nam	Phó Tổng Giám đốc						không	không
12.1	Lê Hồng Anh		Vợ					không	không
12.2	Lê Ngọc Đức		Con trai					không	không
12.3	Lê Hiền Anh		Con gái					không	không
12.4	Lê Ngọc Hiền		Bố đẻ					không	không
12.5	Lương Ngọc Thư		Mẹ đẻ					không	không
12.6	Lê Hiền Lương		Anh trai					không	không
12.7	Lê Ngọc Mai		Chị gái					không	không
12.8	Hồ Thị Thanh Hà		Chị dâu					không	không
12.9	Nguyễn Hữu Chiến		Anh rể					không	không

TT	Tên	Chức vụ (đối với NNB)	Quan hệ với NNB/cổ đồng lớn (đối với người có liên quan)	Số CMT/ĐKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ	SL cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
12.10	Lê Hồng Phong		Bố vợ					không	không
12.11	Nguyễn Thị Thái Hà		Mẹ vợ					không	không
13	Nguyễn Trọng Hiếu	Phó Tổng Giám Đốc						không	không
13.1	Nguyễn Thị Ngọc Nhưng		Vợ					không	không
13.2	Nguyễn Phúc Bảo Uyên		Con gái					không	không
13.3	Nguyễn Phúc Huyền My		Con gái					không	không
13.4	Phan Thị Hưng		Mẹ ruột					không	không
13.5	Lê Thị Kim Thành		Mẹ vợ					không	không
13.6	Nguyễn Trung Khánh		Bố vợ					không	không
13.7	Nguyễn Trọng Trung		Anh trai					không	không
13.8	Nguyễn Trọng Hùng		Em trai					không	không
13.9	Nguyễn Trọng Hải		Em trai					không	không
13.10	Nguyễn Thị Kiều Vân		Chị gái					không	không
13.11	Nguyễn Thị Kiều Nhi		Em gái					không	không
13.12	Nguyễn Thị Thi		Chị dâu					không	không
13.13	Huyền Thị Thu Trang		Em dâu					không	không

TT	Tên	Chức vụ (đối với NNB)	Quan hệ với NNB/cổ đồng lớn (đối với người có liên quan)	Số CMT/ĐKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ	SL cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
13.14	Nguyễn Thị Minh Nguyễn		Em dâu					không	không
13.15	Trần Văn Vinh		Anh rể					không	không
13.16	Phạm Nhật Minh		Em rể					không	không
13.17	Đặng Văn Chiến		Em rể					không	không
13.178	Công ty Bảo hiểm BSH Khánh Hòa		Tổ chức có liên quan					không	không
14	Nguyễn Đức Quang	Phó TGĐ						không	không
14.1	Phạm Thị Phương		Vợ					không	không
14.2	Nguyễn Ngọc Hân		Con					không	không
14.3	Nguyễn Ngọc Phương My		Con					không	không
14.4	Nguyễn Đức Luận		Bố					không	không
14.5	Bùi Thị Mai Hương		Mẹ					không	không
14.6	Nguyễn Việt Anh		Anh Trai					không	không
14.7	Nguyễn Thị Hải Yến		Chị Gái					không	không
14.8	Nguyễn Thị Kiều Oanh		Chị Gái					không	không
14.9	Nguyễn Đức Dũng		Anh Trai					không	không
14.10	Tạ Thị Lan		Chị Dâu					không	không
14.11	Nguyễn Văn Đô		Anh Rể					không	không

TT	Tên	Chức vụ (đối với NNB)	Quan hệ với NNB/cổ đồng lớn (đối với người có liên quan)	Số CMT/ĐKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ	SL cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
14.12	Lê Danh Hiến		Anh Rẻ					không	không
14.13	Nguyễn Thị Phương		Chị Dâu					không	không
15	Nguyễn Thị Ngân	Kế toán trưởng						4.000	0,004%
15.1	Nguyễn Như Dân		Bố đẻ					không	không
15.2	Nguyễn Thị Mến		Em gái					không	không
15.3	Nguyễn Thị Hồng		Em gái					không	không
15.4	Nguyễn Như Điền		Em trai					không	không
15.5	Nguyễn Đức Thức		Chồng					không	không
15.6	Nguyễn Đức Tuấn		Con trai					không	không
15.7	Nguyễn Đức Long		Con trai					không	không
15.8	Nguyễn Đức Trác		Bố chồng					không	không
15.9	Mai Thị Lợi		Mẹ chồng					không	không
15.10	Vũ Văn Thắng		Em rể					không	không